

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: TÂM LÝ HỌC

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Đà Nẵng, tháng 11 - năm 2020

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CỬ NHÂN TÂM LÝ HỌC**

(Kèm theo quyết định số 60/QĐ-ĐHSP, ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Lưu Trang	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	PGS.TS. Trần Xuân Bách	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	PGS.TS. Võ Văn Minh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
4	TS. Bùi Bích Hạnh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
5	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	Trưởng khoa KTLGD	Phó Chủ tịch TT
6	ThS. Bùi Thị Thanh Diệu	Tổ trưởng Tổ bộ môn	Ủy viên TT
7	TS. Hồ Thị Thúy Hằng	Giảng viên	Ủy viên, Thư ký
8	ThS. Lê Thị Duyên	Giảng viên	Ủy viên
9	ThS. Nguyễn Thị Bích Hạnh	Giảng viên	Ủy viên
10	TS. Hà Văn Hoàng	Giảng viên	Ủy viên
11	TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Giảng viên	Ủy viên
12	TS. Hoàng Thế Hải	Giảng viên	Ủy viên
13	ThS. Nguyễn Thị Phương Trang	Giảng viên	Ủy viên
14	TS. Lê Mỹ Dung	Giảng viên	Ủy viên
15	ThS. Bùi Văn Vân	Giảng viên	Ủy viên
16	ThS. Lê Thị Hằng	Giảng viên	Ủy viên
17	ThS. Lê Thị Lâm	Giảng viên	Ủy viên
18	TS. Nguyễn Thanh Tường	Trưởng phòng P.TCHC	Ủy viên
19	TS. Phan Đức Tuấn	Trưởng phòng P.Đào tạo	Ủy viên
20	ThS. Trịnh Thế Anh	Trưởng phòng P.KT&ĐBCLGD	Ủy viên
21	TS. Nguyễn Quý Tuấn	Trưởng phòng P.Khoa học & HTQT	Ủy viên
22	ThS. Nguyễn Vinh San	Trưởng phòng P.CTSV	Ủy viên
23	ThS. Nguyễn Văn Khánh	Trưởng phòng P.CSVC	Ủy viên
24	ThS. Dương Thị Yến	Trưởng phòng P.KH-TC	Ủy viên

Danh sách gồm có 24 thành viên./.

MỤC LỤC

BẢNG KÝ HIỆU CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	5
PHẦN I. KHÁI QUÁT	6
1.1. Đặt vấn đề.....	6
1.2. Tổng quan chung về Trường ĐHSP - ĐHĐN.....	10
1.3. Các hoạt động đảm bảo chất lượng.....	12
1.4. Mô tả tổng quan về Khoa, Chương trình đào tạo Tâm lý học	14
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	16
TIÊU CHUẨN 1	16
Tiêu chí: 1.1.	17
Tiêu chí: 1.2.	
Tiêu chí 1.3.....	24
TIÊU CHUẨN 2	28
Tiêu chí 2.1.....	28
Tiêu chí 2.2.....	30
Tiêu chí 2.3.....	31
TIÊU CHUẨN 3	35
Tiêu chí 3.1.....	35
Tiêu chí 3.2.....	37
Tiêu chí 3.3.....	41
TIÊU CHUẨN 4	46
Tiêu chí 4.1.....	46
Tiêu chí 4.2.....	49
Tiêu chí 4.3.....	51
TIÊU CHUẨN 5	54
Tiêu chí 5.1.....	55
Tiêu chí 5.2.....	58
Tiêu chí 5.3.....	61
Tiêu chí 5.4.....	63
Tiêu chí 5.5.....	66
TIÊU CHUẨN 6	69
Tiêu chí 6.1.....	69
Tiêu chí 6.2.....	72
Tiêu chí 6.3.....	76
Tiêu chí 6.4.....	78
Tiêu chí 6.5.....	81
Tiêu chí 6.6.....	83
Tiêu chí 6.7.....	85
TIÊU CHUẨN 7	90
Tiêu chí 7.1.....	91
Tiêu chí 7.2.....	93
Tiêu chí 7.3.....	95
Tiêu chí 7.4.....	98
Tiêu chí 7.5.....	100
TIÊU CHUẨN 8	104
Tiêu chí 8.1.....	104
Tiêu chí 8.2.....	107

Tiêu chí 8.3.....	108
Tiêu chí 8.4.....	110
Tiêu chí 8.5.....	114
TIÊU CHUẨN 9.....	118
Tiêu chí 9.1.....	118
Tiêu chí 9.2.....	120
Tiêu chí 9.3.....	123
Tiêu chí 9.4.....	125
Tiêu chí 9.5.....	128
TIÊU CHUẨN 10.....	131
Tiêu chí 10.1.....	131
Tiêu chí 10.2.....	134
Tiêu chí 10.3.....	137
Tiêu chí 10.4.....	140
Tiêu chí 10.5.....	145
Tiêu chí 10.6.....	147
TIÊU CHUẨN 11	151
Tiêu chí 11.1.....	151
Tiêu chí 11.2.....	154
Tiêu chí 11.3.	156
Tiêu chí 11.4.....	159
Tiêu chí 11.5.....	161
PHẦN III. KẾT LUẬN.....	165
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	
.....	171
Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.....	175

BẢNG KÝ HIỆU CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
1.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	BGD&ĐT
2.	Cán bộ viên chức	CBVC
3.	Chương trình đào tạo	CTĐT
4.	Chương trình dạy học	CTDH
5.	Chuẩn đầu ra	CĐR
6.	Chất lượng đào tạo	CLĐT
7.	Cổ vấn học tập	CVHT
8.	Cơ sở vật chất	CSVC
9.	Đại học Sư phạm	ĐHSP
10.	Đại học Đà Nẵng	ĐHĐN
11.	Đảm bảo chất lượng	ĐBCL
12.	Đảm bảo chất lượng giáo dục	ĐBCLGD
13.	Đề cương học phần	ĐCHP
14.	Giảng viên	GV
15.	Giáo dục đại học	GDDH
16.	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
17.	Giáo sư	GS
18.	Kết quả học tập	KQHT
19.	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	KT&ĐBCLGD
20.	Khoa học công nghệ	KHCN
21.	Kiểm định chất lượng	KĐCL
22.	Ký túc xá	KTX
23.	Nghiên cứu khoa học	NCKH
24.	Nghiên cứu sinh	NCS
25.	Nghị quyết vụ sư phạm	NVSP
26.	Phó Giáo sư	PGS
27.	Phương pháp dạy học	PPDH
28.	Sinh viên	SV
29.	Tâm lý – Giáo dục	TL-GD
30.	Thạc sĩ	ThS
31.	Thực tập tốt nghiệp	TTTN
32.	Tiến sĩ	TS
33.	Tín chỉ	TC
34.	Tự đánh giá	TĐG

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cao cho xã hội không chỉ ở trong nước mà cả quốc tế, việc thẩm định, đánh giá lại CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết. Chất lượng CTĐT có vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của ngành TLH nói riêng và của Trường ĐHSP - ĐHDN nói chung. Trước xu thế hội nhập quốc tế và yêu cầu của CTGDPT tổng thể mới, việc nâng cao chất lượng CTĐT ngày càng trở nên cấp thiết. Khoa Tâm lý - Giáo dục (TL-GD) nhận thấy đây là một cơ hội tốt để rà soát, đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT TLH để từ đó cải tiến chất lượng của CTĐT, tiến tới đào tạo theo hướng chuẩn khu vực, quốc tế. Do vậy, Khoa tiến hành đăng ký đánh giá CTĐT CNTLH theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

Việc tự đánh giá CTĐT TLH sẽ giúp Nhà trường và Khoa TL-GD tự xem xét, đánh giá được những điểm mạnh, những mặt còn tồn tại để xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cho giai đoạn tiếp theo. Báo cáo tự đánh giá CTĐT TLH được cấu trúc thành 04 phần: Phần I: Khái quát; Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn; Phần III: Kết luận; Phần IV: Phụ lục. Cụ thể như sau:

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Báo cáo Tự đánh giá (TĐG) cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng theo “Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học” ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

Cấu trúc của báo cáo gồm 4 phần: Phần I: Khái quát; Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Phần III: Kết luận, Phần IV: Phụ lục

Phần I: Khái quát

Phần Khái quát giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo TĐG CTĐT TLH của Khoa TL-GD theo các tiêu chuẩn. Phần Khái quát cũng mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình TĐG CTĐT, giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo TĐG, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối

cảnh của hoạt động TĐG, sự tham gia của các bên liên quan. Trong phần này, báo cáo cũng nêu lên mục đích, phạm vi, phương pháp và quy trình TĐG, bản báo cáo mô tả tóm tắt về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của Khoa TL-GD và Trường ĐHSP - ĐHĐN.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Phần TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí trình bày báo cáo TĐG CTĐT TLH của Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường ĐHSP - ĐHĐN theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT, gồm: nội dung TĐG về: (1) Mục tiêu và CDR của CTĐT, (2) Bản mô tả CTĐT, (3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học, (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học, (5) Đánh giá kết quả học tập của người học, (6) Đội ngũ giảng viên, (7) Đội ngũ nhân viên, (8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học, (9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị, (10) Nâng cao chất lượng, (11) Kết quả đầu ra.

Ở mỗi tiêu chuẩn, bản báo cáo đều mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT, phân tích và chỉ ra tóm tắt những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, TĐG tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức TĐG, theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

Sau khi mô tả và phân tích từng tiêu chí, bản báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; các kế hoạch hành động được xây dựng để nâng cao chất lượng đào tạo và kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

Phần III: Kết luận

Mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng.

Sau phần Kết luận là bản Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT TLH của Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường ĐHSP - ĐHĐN.

Phần IV. Phụ lục

Phần Phụ lục bao gồm các Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá, Danh sách thành viên Ban Thư ký, Danh sách thành viên các nhóm chuyên trách; Kế hoạch tự đánh giá; tổng hợp kết quả tự đánh giá và cung cấp thông tin chi tiết về các cơ sở dữ liệu để KĐCL CTĐT TLH.

1.1.2. Mục đích tự đánh giá

Việc tự đánh giá CTĐT TLH giúp Nhà trường và Khoa Tâm lý - Giáo dục đạt được các mục đích sau:

- Xác định mức độ đáp ứng của chương trình đối với các mục tiêu đặt ra, từ đó có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của trường đại học.

- Giải trình với cơ quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình, làm cơ sở cho người học lựa chọn chương trình; nhà tuyển dụng lao động lựa chọn nhân lực.

- Tự xem xét, đánh giá hiện trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT TLH để Trường ĐHSPT - ĐHQĐN điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của nhà trường đối với xã hội và cộng đồng.

- TĐG CTĐT không chỉ là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài mà còn là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội. TĐG CTĐT đồng thời tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT TLH.

- Giúp các CB GV của Khoa TL-GD biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT TLH theo hệ thống, qua đó đề xuất và thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT TLH hiệu quả hơn.

1.1.3. Quy trình Tự đánh giá

Quy trình TĐG chất lượng CTĐT TLH được thực hiện theo các bước chính như sau:

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi TĐG;

Bước 2: Thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, các nhóm công tác;

Bước 3: Lập kế hoạch TĐG, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 6: Viết báo cáo TĐG;

Bước 7: Hoàn thiện báo cáo TĐG;

Bước 8: Công bố báo cáo TĐG trong toàn Trường để đọc và góp ý kiến;

Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành TĐG.

1.1.4. Phạm vi tự đánh giá:

Khoa Tâm lý Giáo dục tiến hành hoạt động TĐGCTĐT TLH dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu và sự cung cấp thông tin của các phòng chức năng trong Trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây (từ năm 2016 đến năm 2020).

1.1.5. Phương pháp và công cụ tự đánh giá:

Quá trình TĐG CTĐT TLH của Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường ĐHSP - ĐHĐN được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng (Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH; Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn TĐG CTĐT; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH).

1.1.6. Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **[Hn.ab.cd.ef]**.

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng”
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí tương ứng với tiêu chuẩn được đánh số ở trên (ab) (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (đánh số từ 01 đến hết).

1.1.7. Sự tham gia của các bên liên quan

Hội đồng tự đánh giá CTĐT TLH được thành lập theo Quyết định số 60/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP - ĐHĐN, gồm: Ban Giám hiệu, các CB GV của Khoa Tâm lý Giáo dục, các CB phòng, ban, trung tâm trong Trường. Cụ thể, Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, các phòng chức năng cung cấp minh

chứng. Bên cạnh đó sự phản hồi của SV, các cựu SV và nhà sử dụng lao động là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc TĐG. Căn cứ vào các thông tin được cung cấp, Khoa Tâm lý Giáo dục tiến hành viết báo cáo TĐG CTĐT TLH.

1.1.8. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng Tự đánh giá CTĐT TLH và Ban Thư ký được thành lập theo Quyết định số 60/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2020. Hội đồng TĐG gồm có 24 thành viên và Ban Thư ký gồm 14 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng TĐG gồm: 5 nhóm chuyên trách với 13 thành viên được thành lập theo Quyết định số 60/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP – ĐHĐN.

1.2. Tổng quan chung về Trường ĐHSP - ĐHĐN

Trường ĐHSP - ĐHĐN được thành lập theo Nghị định 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ, trên cơ sở tổ chức và sắp xếp lại các đơn vị: Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Nam - Đà Nẵng, cơ sở Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Đà Nẵng, Bộ môn cơ bản của Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, bộ môn văn hóa của Trường Công nhân kỹ thuật Nguyễn Văn Trỗi. Là trường thành viên thuộc ĐHĐN, Trường có chức năng và nhiệm vụ: Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp, đào tạo cử nhân khoa học và đào tạo sau đại học; giảng dạy các môn khoa học cơ bản cho các trường thành viên thuộc ĐHĐN; nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trải qua 45 năm xây dựng và trưởng thành, hiện nay Trường ĐHSP - ĐHĐN đã trở thành trường đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực; trung tâm nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trường ĐHSP - ĐHĐN là 01 trong 06 trường ĐH thành viên của Đại học Đà Nẵng và là 01 trong 07 trường đại học sư phạm trọng điểm quốc gia. Hiện nay, Trường có 7 phòng chức năng, 13 khoa, 3 trung tâm và 02 tổ trực thuộc. Tính đến tháng 10/2020; Đội ngũ CBVC của Trường hiện nay có 336 người; trong đó có 238 giảng viên với cơ cấu trình độ: 13 phó giáo sư, 104 tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, 161 thạc sĩ; 60 NCS và học viên cao học trong và ngoài nước. Trong năm học 2019 - 2020, tổng số SV hệ chính quy bậc đại học đang học tạo Trường là 6.497 sinh viên và gần 758 học viên sau đại học. Tổng số học viên hệ vừa làm vừa học là 3.077 học viên. Tổng số lưu học sinh nước ngoài học tại trường là 95 sinh viên. Tính đến nay, Trường đã đào tạo được 2.258 tiến sĩ và thạc sĩ.

Hiện nay, Nhà trường đang triển khai tuyển sinh 07 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, 41 chuyên ngành bậc đại học (18 chuyên ngành sư phạm và 23 chuyên ngành cử nhân khoa học). Đồng thời, Nhà trường được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cũng như các CTĐT phi chính quy và bồi dưỡng ngắn hạn khác.

Trường có mối quan hệ hợp tác đào tạo với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu khác trong nước. Ngoài ra, trường còn liên kết với các trung tâm giáo dục thường xuyên và các trường cao đẳng trong cả nước, bồi dưỡng, nâng chuẩn giáo viên các cấp từ mầm non đến trung học phổ thông, đào tạo các ngành cử nhân khoa học.

Trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, Trường ĐHSP - ĐHĐN có quan hệ hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu thuộc các nước Đông Âu, Nga và các nước SNG, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Canada, Úc, Ấn Độ và các nước thuộc khối ASEAN. Nhà trường đã tiếp nhận đào tạo cho trên 550 lưu học sinh thuộc các quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, CHDCND Lào... Hiện tại, đang có trên 200 lưu học sinh nhiều nước đang theo học tiếng Việt và các chuyên ngành tại Trường ĐHSP - ĐHĐN.

Nhà trường đã vinh dự được trao tặng nhiều huân chương, cờ thi đua và bằng khen ở nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau: Huân chương Lao động hạng Ba (1985), Huân chương Lao động hạng Nhì (2002), Huân chương Lao động hạng Nhất (2016) cùng nhiều Cờ, Bằng khen khác của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục & Đào tạo và Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Năm 2014, Trường ĐHSP - ĐHĐN được Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp hạng nằm trong 07 trường sư phạm trọng điểm của cả nước. Năm 2016, Nhà trường đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục. Năm 2019, Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Vật lý được AUN-QA công nhận đạt chuẩn chất lượng theo Chứng nhận số AP34UDDOCT18 ngày 20/12/2019.

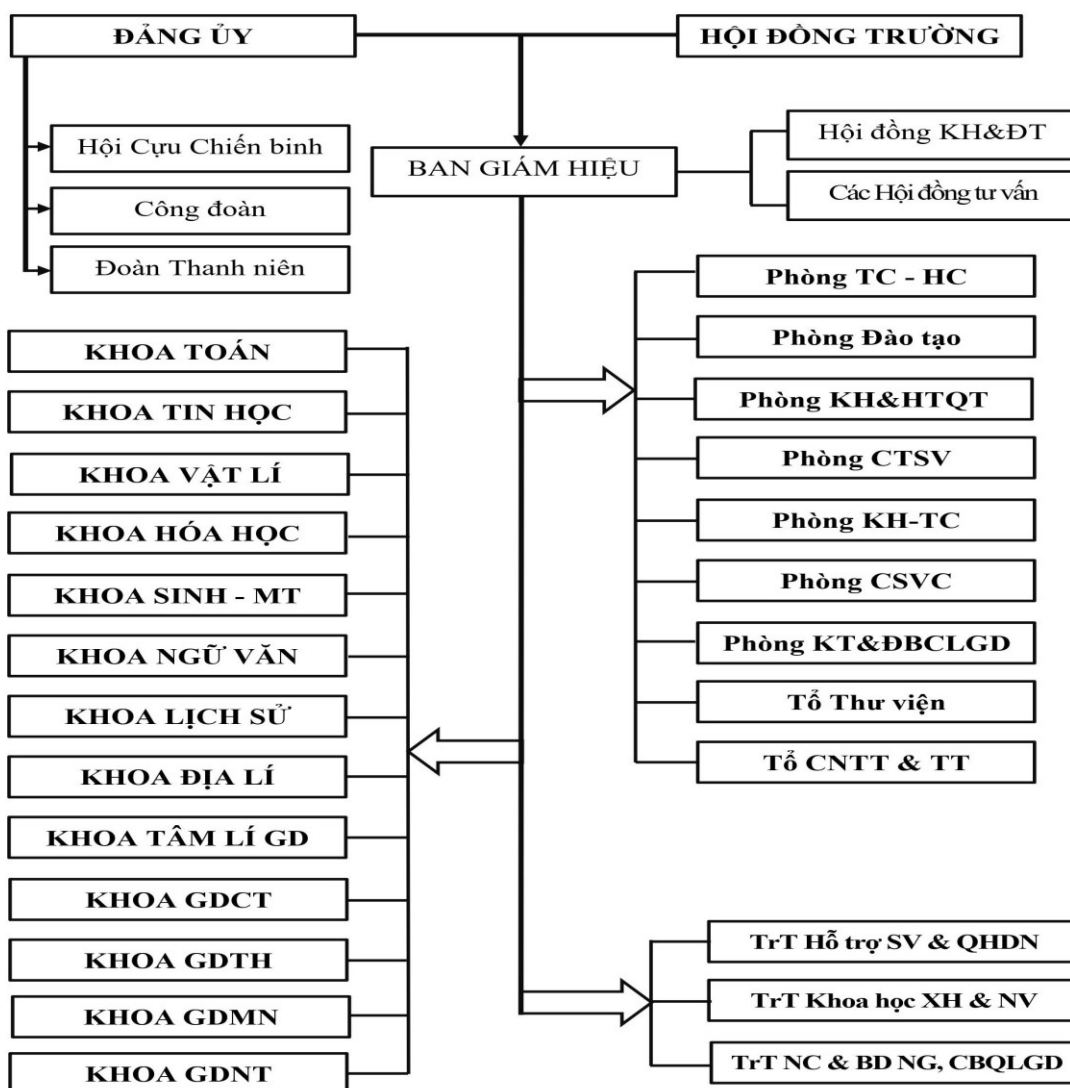
Sứ mạng của Trường ĐHSP - ĐHĐN là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

Tầm nhìn của Trường ĐHSP – ĐHĐN đến năm 2030 được xác định là trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia; đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn có hiệu quả các chủ

trương, chính sách về giáo dục và đào tạo. Triết lí giáo dục của Nhà trường là: Toàn diện – Khai phóng – Sáng tạo – Thực nghiệp.

Từ cơ sở xuất phát và chiến lược phát triển lâu dài, Trường đã xác định chức năng và nhiệm vụ của trường được thực hiện song hành là đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển KT - XH của địa phương, vùng và cả nước.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN:



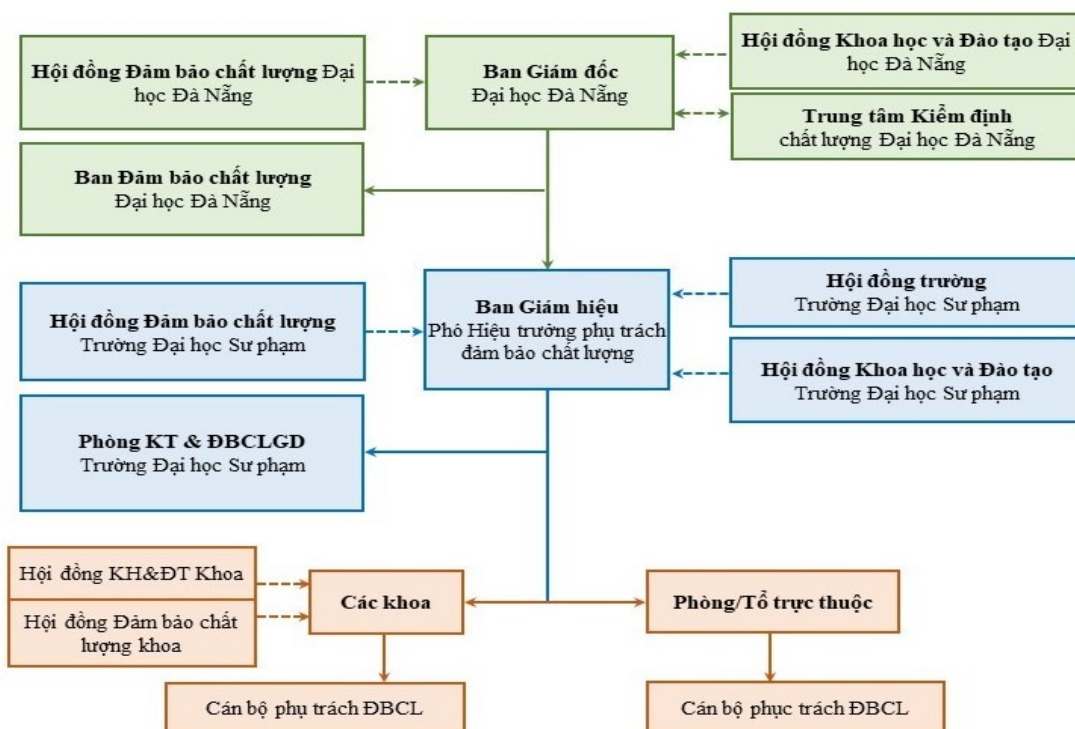
1.3. Các hoạt động đảm bảo chất lượng

1.3.1. Cấu trúc đảm bảo chất lượng của Trường ĐHSP - ĐHĐN

Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục cho ĐHSP - ĐHĐN theo Quyết định số 11/QĐ-KĐCL ngày 23/3/2016. Trường ĐHSP - ĐHĐN là cơ sở giáo dục đại học đầu tiên trong cả nước được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng bởi một

tổ chức kiểm định chất lượng độc lập của Việt Nam. Năm 2019, Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Vật lý được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn của AUN_QA.

CẤU TRÚC HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG



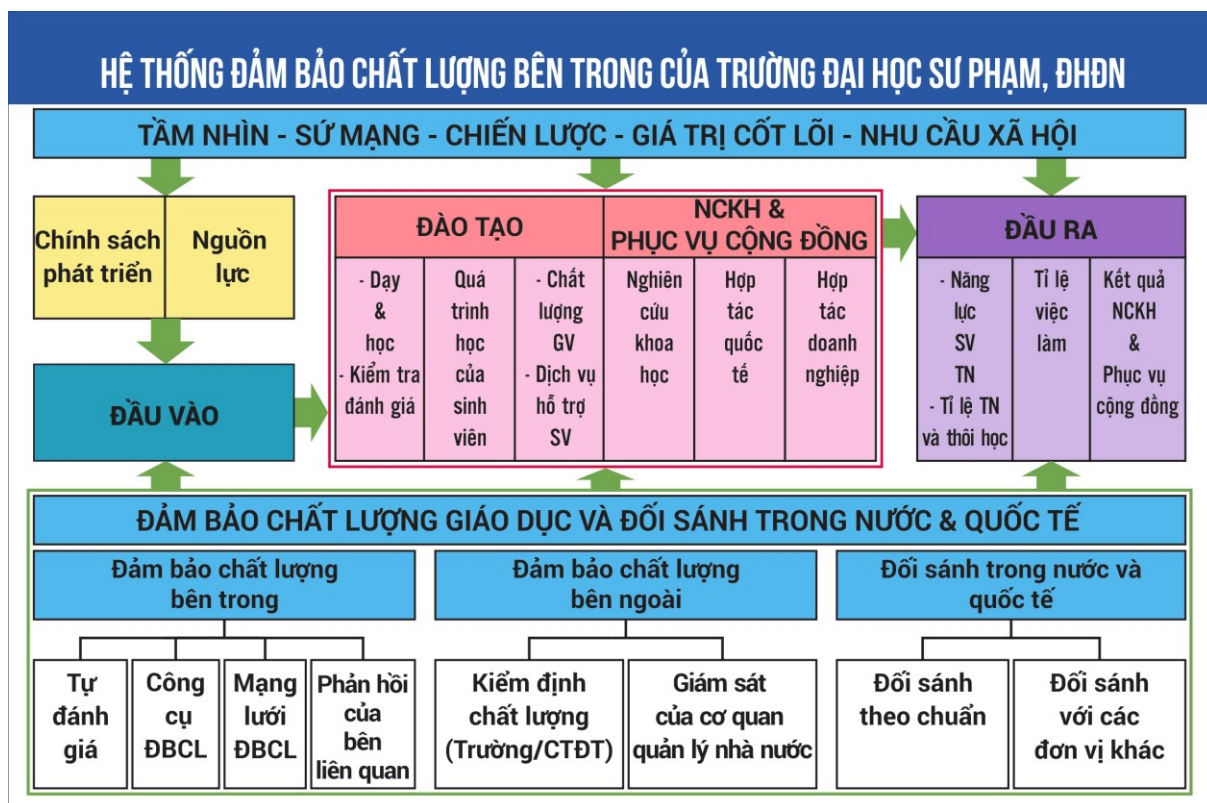
Nhận thấy được tầm quan trọng và sự cần thiết của việc kiểm định chất lượng giáo dục trong các cơ sở giáo dục, Giám đốc ĐHĐN đã thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục ĐHSP - ĐHĐN theo quyết định số 6649/QĐ-ĐHĐN ngày 12/11/2014 trên cơ sở cơ cấu lại Tổ Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Giáo dục.

Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục được Nhà trường xác định là một trong những khâu quan trọng để nâng cao cũng như khẳng định chất lượng đào tạo đối với xã hội. Để nâng cao chất lượng đào tạo, ngoài việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp-phương tiện dạy học thì đánh giá chất lượng giáo dục đào tạo có thể được xem như một khâu trong việc lập kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo. Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nhà trường hiện nay và trong tương lai. Đặc biệt là trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công việc luôn đổi mới thì việc nâng cao chất lượng đào tạo là yêu cầu bức thiết.

Trường đã hoàn thành việc TĐG 10 chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại

học của trường. Các chương trình còn lại được đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

1.3.2. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Trường ĐHSP – ĐHĐN



1.4. Mô tả tổng quan về Khoa, Chương trình đào tạo Tâm lý học

1.4.1. Tổng quan về Khoa Tâm lý – Giáo dục

Khoa Tâm lý-Giáo dục được chính thức thành lập vào tháng 11 năm 1995 theo Quyết định của Giám đốc Đại học Đà Nẵng. Khoa được thành lập dựa trên cơ sở: khoa Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường Cao đẳng sư phạm – Đại học Quảng Nam và tổ Tâm lý giáo dục trường Đại học sư phạm ngoại ngữ Đà Nẵng.

Khoa TL-GD là đơn vị trực thuộc Trường ĐHSP - ĐHĐN. Chức năng cơ bản của Khoa TL-GD là quản lý xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo từ chính quy đến các chương trình bồi dưỡng của Khoa; tổ chức, quản lý các môn học thuộc giáo dục học, quản lý giáo dục, tâm lý học và công tác xã hội trong các chương trình đào tạo sư phạm và cử nhân của Trường; quản lý các tổ chuyên môn (tổ Giáo dục học và Giáo dục đặc biệt, tổ Tâm lý học, tổ CTXH, tổ QLGD); quản lý đội ngũ, quản lý đào tạo, các hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế, công tác SV, cơ sở vật chất...

a. Về đào tạo

Các ngành đào tạo chính thức trong Khoa hiện nay có:

03 ngành cử nhân đại học: Cử nhân Tâm lý học (theo định hướng ứng dụng Tâm lý học xã hội); Cử nhân TLH chất lượng cao (theo định hướng Tham vấn – Trị liệu); Cử nhân Công tác xã hội

03 ngành đào tạo ở trình độ Thạc sĩ: Tâm lý học (định hướng Tâm lý học trường học); Giáo dục học (Lý luận giáo dục, Giáo dục học mầm non, Giáo dục học tiểu học); Quản lý giáo dục

01 ngành đào tạo ở bậc Tiến sĩ: Quản lý giáo dục

Ngoài ra, Khoa còn tham gia đào tạo cho các ngành sư phạm trong Trường và tại các cơ sở giáo dục thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng; tham gia đào tạo các chương trình bồi dưỡng, các chương trình liên kết... Xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo trong phạm vi mã ngành thuộc Khoa quản lý.

b. Về nhân sự

Tổng số cán bộ cơ hữu có 19 cán bộ, giảng viên, chuyên viên; và 6 giảng viên tham gia sinh hoạt chuyên môn; có 4 tổ bộ môn bao gồm: tổ Giáo dục học - Giáo dục đặc biệt, tổ Tâm lý học, tổ Quản lý giáo dục, tổ Công tác xã hội. Năm học 2019 – 2020, Khoa có 9 giảng viên chính, 16 giảng viên (tính cả giảng viên sinh hoạt chuyên môn); trong đó có 03 PGS, 12 tiến sĩ, 12 thạc sĩ, 01 cử nhân. Hiện có 2 NCS học nước ngoài, 2 NCS học trong nước.

c. Về công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Khoa đã tổ chức triển khai nhiều đề tài NCKH các cấp (cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp Đại học Đà Nẵng, cấp Trường). Khoa cũng đã đầu tư và đẩy mạnh việc viết giáo trình, đề cương bài giảng, bài báo cho các tạp chí khoa học chuyên ngành, tham luận tại các Hội thảo quốc tế và Quốc gia. Ngoài ra, Khoa còn tập trung bồi dưỡng năng lực NCKH cho GV. Đẩy mạnh hoạt động của các nhóm nghiên cứu giảng dạy và chuẩn bị cho việc hình thành nhóm nghiên cứu mạnh; tăng cường hoạt động NCKH sinh viên.

Trong những năm qua Khoa không ngừng mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp tục củng cố, duy trì và thúc đẩy các mối quan hệ, hợp tác với các trường Đại học trên thế giới: Đại học Aichi Gakuin - Nhật Bản; các học giả từ chương trình Fullright; duy trì và phát triển dự án do JICA tài trợ về phục hồi chức năng tâm lý cho trẻ khuyết tật.

d. Về công tác sinh viên và tổ chức đoàn thể

Khoa luôn đặt mục tiêu xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, nhân văn, hiệu quả và chất lượng. Khoa quản lý các hoạt động học tập và phong trào của học viên, sinh

viên; thúc đẩy quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

e. Về cơ sở vật chất

Ngoài những cơ sở vật chất dùng chung của Trường; Khoa có 01 phòng Trưởng Khoa, 01 Văn phòng Khoa, 01 phòng dạy học thực hành Tâm lý-Giáo dục và CTXH, 01 phòng Tham vấn. Khoa tăng cường việc bảo trì cơ sở vật chất của nhà trường và của Khoa, đề xuất các trang thiết bị cần thiết cho các hoạt động giảng dạy, NCKH của Khoa.

1.3.2. Mô tả tổng quan về Chương trình Đào tạo Tâm lý học

Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học bậc Đại học được mở ngành theo Quyết định số 8126/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 17/12/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mục tiêu của chương trình là đào tạo các cử nhân ngành Tâm lý học có phẩm chất tư tưởng chính trị vững vàng, có đạo đức và lối sống lành mạnh, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành tâm lý, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và ứng dụng tâm lý học vào cuộc sống.

Chương trình dạy học gồm 4 năm; được chia thành 3 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ tương ứng theo sau:

Khối kiến thức chung: gồm 25 tín chỉ về ngoại ngữ, tin học, chính trị, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và các kiến thức khác nhằm hình thành các kỹ năng chung và ý thức, trách nhiệm đối với bản thân và xã hội.

Khối kiến thức ngành và cơ sở ngành: gồm 70 TC về tâm lý học đại cương, tâm lý học phát triển, tâm lý học nhân cách, phương pháp nghiên cứu tâm lý học, tâm lý học chẩn đoán, giáo dục học đại cương, công tác xã hội, xã hội học...nhằm cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức về tâm lý học và những kiến thức đại cương của các khoa học liên quan đến tâm lý học .

Khối kiến thức chuyên ngành hoặc nghiệp vụ: gồm 46 tín chỉ nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức chuyên sâu về tâm lý học.

Khoá luận tốt nghiệp: 07 tín chỉ nhằm giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào quá trình nghiên cứu thực tiễn.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

TIÊU CHUẨN 1

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Tâm lý học (theo định hướng ứng dụng Tâm lý học xã hội) được xây dựng trên cơ sở các quy định, hướng dẫn Bộ GD&ĐT, Đại học Đà Nẵng và Trường ĐHSP. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật giáo dục đại học. Trong quá trình xây dựng CTĐT ngành cử nhân TLH, Khoa đã khảo sát các bên liên quan nhằm xây dựng các chuẩn đầu ra một cách rõ ràng, bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT cử nhân TLH.

Tiêu chí: 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

Từ năm 2005 đến nay, Khoa Tâm lý - Giáo dục đã và đang tổ chức đào tạo CTĐT cử nhân ngành Tâm lý học hệ đại trà [H1.01.01.01].

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Tâm lý học được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học, [H1.01.01.02] [H1.01.01.03]. Cụ thể là: Mục tiêu chung của CTĐT ngành Tâm lý học là đào tạo các cử nhân ngành Tâm lý học có phẩm chất tư tưởng chính trị vững vàng, có đạo đức và lối sống lành mạnh, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành tâm lý, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và ứng dụng tâm lý học vào cuộc sống. Mục tiêu cụ thể của CTĐT là sau khi tốt nghiệp, người học có: [H1.01.01.04]

MT1: Kiến thức nền tảng về khoa học tâm lý và các khoa học liên ngành

MT2: Kỹ năng mềm, khả năng sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi môi trường xã hội

MT3: Năng lực nghiên cứu, đánh giá và hỗ trợ tâm lý cho các đối tượng

MT4: Năng lực học tập suốt đời, phát triển bản thân và nghề nghiệp

MT5: Đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp, sức khỏe tốt, ý thức phục vụ cộng đồng

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Tâm lý học được xác định phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng [H1.01.01.05]. Điều này được thể hiện ở bảng sau:

Sứ mạng – Tầm nhìn trường	Mục tiêu CTĐT cấp trường	Mục tiêu cụ thể của CTĐT TLH
- <i>Sứ mạng</i>: Trường đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước trọng tâm là khu vực Miền Trung-Tây Nguyên. - <i>Tầm nhìn</i>: Đến năm 2030 Trường đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia, đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục đào tạo	1. Kiến thức chuyên môn toàn diện, hiểu biết sâu về nguyên lý và quy luật tự nhiên - xã hội	- Kiến thức nền tảng về khoa học tâm lý và các khoa học liên ngành
	2. Kỹ năng mềm, khả năng sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc	Kỹ năng mềm, khả năng sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi môi trường xã hội
	3. Năng lực giáo dục và phát triển nghề nghiệp	- Năng lực học tập suốt đời, phát triển bản thân và nghề nghiệp - Năng lực nghiên cứu, đánh giá và hỗ trợ tâm lý cho các đối tượng
	4. Đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp, sức khỏe tốt; ý thức phục vụ cộng đồng	- Đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp, sức khỏe tốt, ý thức phục vụ cộng đồng

Khoa đã tích cực tham gia xây dựng, rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT. Khi xây dựng chương trình, các thành viên soạn thảo gồm các chuyên gia, nhà nghiên cứu, các giảng viên trực thuộc các Bộ môn của Khoa đã tìm hiểu và lồng ghép tinh thần của sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo, đặc biệt là mục tiêu của CTĐT. Hội đồng KH&ĐT của Khoa thực hiện phản biện và thẩm định CTĐT [H1.01.01.06] [H1.01.01.07].

Mục tiêu của CTĐT ngành Tâm lý học phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục đại học 2018. Mục tiêu đào tạo trình độ đại học được quy định tại Luật giáo dục đại học 2018 là đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến

thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo [H1.01.01.08]. Mục tiêu đào tạo của ngành Tâm lý học được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch điều chỉnh, cập nhật và phát triển chương trình theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả của phương thức đào tạo tín chỉ và quy mô phát triển của Khoa, của trường. Trên cơ sở này, hàng năm, Khoa Tâm lý - Giáo dục đều có rà soát, tổng kết và xây dựng kế hoạch đào tạo, nghiên cứu của khoa [H1.01.01.09].

Triển vọng việc làm trong tương lai được thể hiện rõ trong mục tiêu của CTĐT, giúp người học và những người quan tâm hình dung được công việc vị trí việc làm của SV ngành Tâm lý học sau khi ra trường thông qua nội dung cũng như cơ cấu các học phần [H1.01.01.04]

Việc xác định mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH là một bước để CTĐT đạt được CDR của chương trình, thực hiện được sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.10].

Như vậy, những nội dung của tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học đã được chuyển tải, cụ thể hoá vào mục tiêu đào tạo chung và mục tiêu cụ thể của ngành Tâm lý học.

2. Điểm mạnh

- Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Tâm lý học đã xác định rõ ràng định hướng đào tạo ngành Tâm lý học đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nghiên cứu tâm lý con người.

- Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành TLH phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐHSP-ĐHĐN, với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018; đồng thời phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động.

- Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Khoa Tâm lý - Giáo dục quán triệt nhiệm vụ đến từng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

3. Tồn tại

Quy mô khảo sát nhà tuyển dụng để điều chỉnh mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Tâm lý học còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng quy mô khảo sát đến nhà tuyển dụng để đánh giá về mục tiêu của CTĐT ngành TLH	Khoa TLGD; Phòng KT&ĐBCL	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường việc lấy khảo sát ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu đào tạo để điều chỉnh, cập nhật kịp thời, đảm bảo phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHSP-ĐHĐN, với Luật Giáo dục 2019	Khoa Tâm lý – Giáo dục; Tổ Tâm lý học	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí: 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả

Khoa Tâm lý - Giáo dục đã tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT ra theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Trường ĐHSP – ĐHĐN về việc điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT đại học đáp ứng yêu cầu của đào tạo tín chỉ; cụ thể là: thành lập nhóm chuyên gia biên soạn, lấy ý kiến của các bên có liên quan về CĐR, tham gia các phiên họp nghiệm thu CĐR ở các cấp [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]

Chuẩn đầu ra của CTĐT TLH được xác định như sau [H1.01.02.03]:

Người học khi tốt nghiệp CTĐT ngành TLH có năng lực:

CĐR 1. Vận dụng kiến thức liên ngành và kiến thức cơ bản khoa học tâm lý để giải thích các hiện tượng tâm lý

CĐR 2. Nghiên cứu khoa học tâm lý

CĐR 3. Chẩn đoán tâm lý

CĐR 4. Hỗ trợ tâm lý cá nhân và nhóm

CĐR 5. Làm việc nhóm và sử dụng ngôn ngữ hiệu quả

CĐR 6. Tư duy phản biện, tư duy sáng tạo

CĐR 7. Học tập suốt đời, phát triển bản thân và chuyên môn nghề nghiệp trong

bối cảnh môi trường thay đổi, có tinh thần khởi nghiệp.

CDR 8. Thực hiện trách nhiệm công dân và đạo đức nghề tâm lý

CDR của CTĐT cử nhân ngành Tâm lý học về cơ bản đã bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể là:

Bảng 1.2.1. Phân bố CDR của CTĐT theo nhóm yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT

Yêu cầu chung	CDR 5. Làm việc nhóm và sử dụng ngôn ngữ hiệu quả
	CDR 6. Tư duy phản biện, tư duy sáng tạo
	CDR 7. Học tập suốt đời, phát triển bản thân và chuyên môn nghề nghiệp trong bối cảnh môi trường thay đổi, có tinh thần khởi nghiệp.
	CDR 8. Thực hiện trách nhiệm công dân và đạo đức nghề tâm lý
Yêu cầu chuyên biệt	CDR 1. Vận dụng kiến thức liên ngành và kiến thức cơ bản khoa học tâm lý để giải thích các hiện tượng tâm lý
	CDR 2. Nghiên cứu khoa học tâm lý
	CDR 3. Chẩn đoán tâm lý
	CDR 8. Thực hiện trách nhiệm công dân và đạo đức nghề tâm lý

Trong quá trình xây dựng CDR của CTĐT ngành cử nhân Tâm lý học, khoa đã tham khảo Bộ tiêu chuẩn Đạo đức hành nghề ngành Tâm lý (APA, 2010), tham khảo tiêu chí tuyển dụng của các cơ sở sử dụng lao động ngành tâm lý học [H1.01.02.04]; [H1.01.02.05].

Các CDR của CTĐT ngành cử nhân Tâm lý học đã phù hợp với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

Bảng 1.2.2. Bảng đối sánh mục tiêu và CDR của CTĐT hiện hành

Mục tiêu của CTĐT hiện hành		Chuẩn đầu ra của CTĐT hiện hành							
		1	2	3	4	5	6	7	8
1	Kiến thức nền tảng về khoa học tâm lý và các khoa học liên ngành	X	X	X	x				
2	Kỹ năng mềm, khả năng sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi môi trường làm việc					X	x	x	
3	Năng lực nghiên cứu, đánh giá và hỗ trợ tâm lý cho các đối tượng		X	X	X				X

Mục tiêu của CTĐT hiện hành		Chuẩn đầu ra của CTĐT hiện hành							
		1	2	3	4	5	6	7	8
4	Năng lực học tập suốt đời, phát triển bản thân và nghề nghiệp					X	X	X	
5	Đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp, sức khoẻ tốt, ý thức phục vụ cộng đồng							X	X

CĐR của CTĐT cũng được xác định phù hợp với mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm theo Khung trình độ quốc gia 1982/2016 trình độ đại học (bậc 6) [H1.01.02.06]

Bảng 1.2.3. Bảng đối sánh CĐR của CTĐT hiện hành với Khung trình độ quốc gia 1982/2016

STT	Khung trình độ quốc gia bậc 6	Chuẩn đầu ra của CTĐT hiện hành							
		1	2	3	4	5	6	7	8
Kiến thức	KT1. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	X	X	X	X				
	KT2. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	X	X						X
	KT3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc		X						
	KT4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể		X	X	X				
	KT5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn				X				X
Kỹ năng	KN1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp		X	X	X		X		
	KN2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác							X	
	KN3. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi			X	X		X		
	KN4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm					X			
	KN5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp					X			
	KN6. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam					X			

STT	Khung trình độ quốc gia bậc 6	Chuẩn đầu ra của CTĐT hiện hành							
		1	2	3	4	5	6	7	8
Mức tự chủ và trách nhiệm	TĐ1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	X	X	X	X	X			
	TĐ2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định			X	X	X			X
	TĐ3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	X	X	X	X				
	TĐ4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động		X	X	X	X			

CĐR của CTĐT ngành TLH được xây dựng trên nguyên tắc viết CĐR SMART nên được xác định rõ ràng, bao quát, cụ thể: viết về những gì mà người học làm được khi kết thúc khóa học; chỉ ra được cách thức đo lường đánh giá và kỹ năng đạt được; ai cũng có thể tham gia và làm được; người học dễ hiểu và đặc biệt có thể sử dụng kiến thức kỹ năng được trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. CĐR chỉ rõ thời gian đạt được giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập và các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy.

Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT còn được thể hiện thông qua các CĐR của học phần [H1.01.02.07]. Nói cách khác, mỗi CĐR riêng lẻ của học phần là căn cứ để xây dựng tổng thể CĐR của CTĐT. Điều này làm tăng tính khả thi của các CĐR cũng như lý giải được giá trị của mỗi CĐR. Các CĐR này cũng được thể hiện dưới dạng năng lực mà sinh viên cần đạt được sau khi tốt nghiệp.

CĐR của CTĐT đã nêu được triển vọng việc làm trong tương lai của sinh viên tốt nghiệp ngành cử nhân TLH, cụ thể là có thể làm công việc nghiên cứu, chẩn đoán, hỗ trợ tâm lý, rèn luyện chuyên môn nghề nghiệp trong bối cảnh môi trường thay đổi.

2. Điểm mạnh

- CĐR của CTĐT đã được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của chương trình đào tạo;
- CĐR của CTĐT được thiết kế theo hướng phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV.
- Chuẩn đầu ra của CTĐT khả thi, có thể đo lường và đánh giá được.

3. Tồn tại

Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT còn hạn chế

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng quy mô khảo sát đến nhà tuyển dụng để đánh giá về CĐR của CTĐT ngành TLH	Khoa TLGD; Phòng KT&ĐBCL	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT CN TLH nhằm giúp người học đạt được những năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội.	Khoa Tâm lý – Giáo dục; Tổ Tâm lý học	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

Mục tiêu, CĐR của CTĐT TLH được xây dựng dựa trên tầm nhìn, sứ mạng của Trường cũng như quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố mục tiêu, CĐR của CTĐT của trường, tiếp cận theo yêu cầu các bên liên quan bao gồm nhà quản lý, nhà khoa học, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và người học [H1.01.03.01] [H1.01.03.02] [H1.01.03.03]. CĐR CTĐT TLH đã được thẩm định và ban hành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQĐ và của trường ĐHSP. [H1.01.03.04] [H01.01.03.05].

CĐR CTĐT ngành TLH được xây dựng có sự tham khảo các CTĐT uy tín ở Việt Nam và trên thế giới như CTĐT ngành TLH của Đại học KHXH&NV Hà Nội, Đại học KHXH&NV TP Hồ Chí Minh; Đại học Oakland (Hoa Kỳ) ... [H1.01.03.06]; đồng thời có sự tham gia của các chuyên gia cùng lĩnh vực trong và ngoài trường như Bệnh viện Tâm thần Đà Nẵng, Viện Tâm lý học, ĐH Sư phạm Hà Nội; ĐH KHXH&NV Hà Nội..., có sự tham khảo ý kiến rộng rãi từ phía giảng viên, SV, cựu SV và các nhà tuyển dụng

[H1.01.03.07]. CĐR đã được Hội đồng khoa, Hội đồng Khoa học & Đào tạo cấp Trường thông qua, nghiệm thu, được Trường ĐHSP - ĐHĐN phê chuẩn, ra quyết định thực hiện [H1.01.03.08] [H1.01.03.09] [H01.01.03.05].

Chuẩn đầu ra của CTĐT đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí về năng lực đạt được sau quá trình đào tạo, đồng thời phản ánh được 90% yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan thông qua danh mục các CĐR (về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học và cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp) và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần. Dựa trên CĐR đã nêu, CTĐT ngành TLH hoàn toàn có đủ điều kiện trang bị cho người học những năng lực được xã hội và các bên liên quan mong đợi về một cử nhân TLH.

Để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, năm 2019, Khoa tổ chức lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát cho thấy, các nhà tuyển dụng đều bày tỏ ý kiến đồng tình đối với những tiêu chí về kỹ năng nghề nghiệp của CTĐT ngành TLH đưa ra [H1.01.03.03].

CTĐT ngành TLH được xây dựng hướng đến mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, không chỉ có kiến thức chuyên sâu về ngành đào tạo mà còn được trang bị các kỹ năng thực hành theo yêu cầu của xã hội. Chương trình được thiết kế hướng đến CĐR về năng lực, qua đó đáp ứng được mục tiêu đào tạo chung của Trường ĐHSP-ĐHĐN và những yêu cầu đặt ra của thị trường lao động. Căn cứ trên nhu cầu của xã hội và các bên liên quan, chương trình trọng tâm không chỉ đào tạo các kiến thức lý thuyết về ngành Tâm lý học mà còn tập trung rèn luyện cho SV các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng bổ trợ thiết yếu cho người học, người làm công tác trợ giúp tâm lý. Đặc biệt, các nhà tuyển dụng đánh giá cao kiến thức chuyên môn của người học tốt nghiệp ngành Tâm lý học cũng như khả năng vận dụng các kiến thức này vào thực tiễn.

Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và cập nhật CĐR của CTĐT. So sánh với CTĐT năm 2015, 2017, CĐR năm 2019 đã xây dựng CĐR yêu cầu theo đặc thù định hướng phát triển của Nhà trường, theo yêu cầu của các bên liên quan và thị trường lao động [H1.01.03.10]:

Bảng 1.2.3. Bảng so sánh CĐR chương trình đào tạo 2015, 2017, 2019

Khác nhau		
<i>CĐR của CTĐT 2015</i>	<i>CĐR của CTĐT 2017</i>	<i>CĐR của CTĐT 2019</i>

Chưa được phát biểu rõ ràng mà được lồng ghép trong các mục tiêu đào tạo cụ thể	Chưa được phát biểu rõ ràng mà được lồng ghép trong các mục tiêu đào tạo cụ thể	- Được phát biểu rõ ràng, bao gồm các năng lực chung và năng lực chuyên biệt mà người học cần đạt - Phù hợp với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của nhà trường, mục tiêu giáo dục đại học - Phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan
---	---	---

CĐR ngành TLH sau khi được xây dựng hay điều chỉnh đều được công bố công khai đến các bên liên quan thông qua website chính thức của Khoa giúp người học và xã hội dễ dàng tiếp cận và nắm bắt được các kiến thức trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp ngành TLH; thông báo trực tiếp cho sinh viên qua Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa; qua đề cương môn học, bản mô tả CTĐT và được các bên liên quan tiếp nhận [H1.01.03.12] [H1.01.03.13] [H1.01.03.14].

2. Điểm mạnh

- Chuẩn đầu ra CTĐT ngành TLH đã chuyển tải các yêu cầu của thị trường lao động nói riêng, yêu cầu của xã hội nói chung, giúp sinh viên có định hướng về việc làm sau khi tốt nghiệp và thích ứng với môi trường xã hội thay đổi;

- CĐR của chương trình được định kỳ rà soát hàng năm; quy trình xây dựng CĐR rõ ràng, đảm bảo tính khoa học, chuyển tải được nhu cầu của các bên liên quan;

- CĐR được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học, ở từng khối kiến thức và từng học phần cụ thể.

3. Tồn tại

Việc lấy ý kiến về chuẩn đầu ra của CTĐT ở các đơn vị tuyển dụng còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào các cơ sở giáo dục, các trung tâm hỗ trợ tâm lý.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng việc lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng ở nhiều lĩnh vực khác nhau để đưa ra định hướng, kế hoạch điều chỉnh CĐR phù hợp với nhu cầu thực tế và cập nhật xu hướng quốc tế.	Khoa Tâm lý – Giáo dục; Tổ TLH;	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm	Tiếp tục lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR, tăng cường việc công bố CĐR đảm bảo mỗi sinh viên đều hiểu và dựa	Khoa Tâm lý – Giáo dục; Tổ Tâm lý học	Hàng năm

	manh	vào đó để định hướng cho hoạt động học tập của bản thân		
--	------	---	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành Tâm lý học đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nghiên cứu tâm lý con người. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CTĐT của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía giảng viên hoặc cố vấn học tập. SV quan đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân.

CTĐT được thiết kế công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV. Chuẩn đào tạo ngành Tâm lý học được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư).

Bên cạnh đó, việc lấy ý kiến về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT ở các đơn vị tuyển dụng còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào các cơ sở giáo dục, các trung tâm hỗ trợ tâm lý.

Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí với đánh giá chung: 5/7

TIÊU CHUẨN 2

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành cử nhân TLH được xây dựng trên cơ sở quy định và hướng dẫn do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành, căn cứ vào Căn cứ theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Công văn hướng dẫn thực hiện số 1834/ĐHĐN-ĐT ngày 18-01-2013 của Đại học Đà Nẵng; Quyết định số 93/QĐ-ĐT ngày 31/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin, được cập nhật; đề cương các học phần đầy đủ thông tin; được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành TLH được xây dựng trên cơ sở quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT ban hành, căn cứ vào Căn cứ theo quy chế đào tạo ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15-08-2007 được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT; Công văn hướng dẫn thực hiện số 1834/ĐHĐN-ĐT ngày 18-01-2013 của ĐHĐN; Quyết định số 93/QĐ-ĐT ngày 31/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN; Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 [H2.02.01.03][H2.02.01.04][H2.02.01.05][H2.02.01.06][H2.02.01.07]

Bản mô tả CTĐT 2019 ngành TLH cung cấp thông tin về [H2.02.01.02]:

1. Thông tin chung về CTĐT, bao gồm: Giới thiệu CTĐT; Thông tin chung; Triết lý giáo dục; Tầm nhìn và sứ mệnh của Trường ĐHSP– ĐHĐN; Mục tiêu chương trình; Chuẩn đầu ra CTĐT; Cơ hội việc làm và học cao học sau khi tốt nghiệp; Cơ hội học văn bằng 2 và học chuyển tiếp; Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp; Hệ thống tính điểm; Chiến lược giảng dạy – học tập; Phương pháp đánh giá; Chuẩn đầu ra, phương pháp dạy và học.

2. Mô tả chương trình giảng dạy; bao gồm: Cấu trúc chương trình giảng dạy; Tiến trình chương trình giảng dạy; Khung chương trình, kế hoạch giảng dạy; Mô tả các học phần; Chương trình thực tập; Hoạt động ngoại khoá; Hỗ trợ sinh viên; Mạng lưới cựu sinh viên; Mạng lưới cựu sinh viên.

3. Hướng dẫn thực hiện CTĐT

Mỗi học phần trong CTĐT có kí hiệu mã học phần bằng số. Điều này gây khó khăn cho sinh viên năm thứ nhất trong việc nhận diện các khoa phụ trách chuyên môn đảm nhiệm giảng dạy mỗi học phần.

Khoa tiến hành họp rà soát CTĐT theo yêu cầu, chỉ đạo của Trường, từ đó cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo [H2.02.01.08]. Bản mô tả CTĐT được cập nhật theo từng khoá đào tạo, có sự đối sánh giữa Bản mô tả CTĐT các năm 2017-2019); có thay đổi về CDR tin học và ngoại ngữ, thay đổi về kế hoạch đào tạo, tổng số tín chỉ bắt buộc và tín chỉ tự chọn...) [H2.02.01.09]. Những điều chỉnh, cập nhật trong bản mô tả chương trình đào tạo được Nhà trường phê duyệt [H2.02.01.10].

Theo thống kê từ việc điều tra bằng bảng hỏi, có tới 80% ý kiến của các giảng viên, chuyên gia tham gia giảng dạy CTĐT của khoa Tâm lý - Giáo dục và 85% ý kiến của sinh viên đánh giá về bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin cần thiết để SV có thể thiết lập kế hoạch, lộ trình học tập theo mong muốn [H2.02.01.11].

Bản mô tả CTĐT TLH sau khi được ký ban hành đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa và Bộ môn ra thông báo ban hành Bản mô tả CTĐT để GV, cố vấn học tập, SV cập nhật, phục vụ cho hoạt động dạy và học [H2.02.01.12].

2. Điểm mạnh

- Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành TLH đầy đủ và tường minh.
- Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật qua từng năm học.
- Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo quy định của các cấp quản lý thuộc Trường ĐHSP-ĐHĐN. Ma trận hiển thị kết quả chương trình CDR được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình.

3. Tồn tại

Mã của các học phần trong chương trình đào tạo được kí hiệu bằng số, gây khó khăn cho SV trong việc nhận diện khoa chuyên môn phụ trách giảng dạy các học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất cải tiến cách đánh mã học phần: Có thêm phần chữ gắn với khoá chuyên môn quản lý mỗi học phần	Khoa TL-GD; Phòng Đào tạo	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường cập nhật các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới về lĩnh vực TLH	Khoa Tâm lý – Giáo dục; Tổ Tâm lý học	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Đề cương các học phần là bản mô tả quá trình giảng dạy, đóng vai trò là bản cam kết giúp GV và người học thực hiện đúng trách nhiệm của mình. CDR của mỗi học phần luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Trên cơ sở bản mô tả CTĐT ngành TLH, Khoa Tâm lý - Giáo dục đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo mẫu đề cương chi tiết do Phòng Đào tạo, Trường ĐHSP-ĐHĐN ban hành [H2.02.02.01]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa ở mục tiêu và được thể hiện ở các CDR của từng học phần [H2.02.02.02].

Các đề cương học phần đều bao gồm những thông tin sau: Tên gọi học phần; Các điều kiện tiên quyết, điều kiện học trước khi đăng ký học phần; Mục tiêu học phần; Các chuẩn đầu ra về kiến thức, năng lực chuyên môn, về kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng bổ trợ, về phẩm chất đạo đức; Nội dung chi tiết của học phần và hướng dẫn thực hiện nội dung; Các thông tin về nguồn học liệu (gồm các giáo trình và tài liệu tham khảo đa dạng); Các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá người học, giúp người học đạt được và trình diễn được các kết quả học tập của học phần; Các thông tin về giảng viên giảng dạy

Đề cương học phần bảo đảm thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: mục tiêu học phần, nội dung học phần, phương pháp giảng dạy, học tập để có thể đạt được mục tiêu đề ra và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy. Từng học phần có số tín chỉ xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định. Tuy nhiên, một số đề cương học phần chưa cập nhật các tài liệu tài liệu tham khảo mới, chưa cập nhật nội dung nhằm cải tiến đề cương các học phần.

Đề cương học phần được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT. Việc xây dựng đề cương môn học theo chuẩn đầu ra được rà soát, cập nhật và báo cáo đầy đủ [H2.02.02.03] [H2.02.02.04] [H2.02.02.05]. Tất cả đề cương môn học đều được rà soát, điều chỉnh hằng năm nhằm cập nhật những thông tin về nội dung môn học, trọng số đánh giá, phương pháp dạy học, danh mục tài liệu tham khảo hay cách thức đánh giá quá trình hoặc hình thức kiểm tra kết thúc học phần. Tuy nhiên, do đặc thù nội dung, một số đề cương môn học vẫn sử dụng các tài liệu tham khảo cũ, tài liệu tiếng nước ngoài chưa được xuất bản bằng tiếng Việt.

Mỗi đề cương chi tiết có chỉnh sửa hoặc được xây dựng mới đều được CT xây

dựng kế hoạch xây dựng, phân công biên soạn và thành lập hội đồng phản biện ĐCCT [H2.02.02.06]. Sau khi hội đồng phản biện xong, GV sẽ điều chỉnh theo góp ý và trình Tổ trưởng tổ chuyên môn, Ban chủ nhiệm khoa ký duyệt để ban hành bộ ĐCCT trong cuốn CTĐT [H2.02.02.07][H2.02.02.08][H2.02.02.09].

Có thể khẳng định, ĐCCT CTĐT ngành TLH hiện nay đã bao gồm đầy đủ các thông tin cần thiết và đã hỗ trợ, định hướng hoạt động dạy và học một cách rõ ràng và luôn được cập nhật những nội dung mới một cách thường xuyên.

2. Điểm mạnh

- Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN. Tất cả các đề cương đều có đầy đủ các thông tin cần thiết;

- Các đề cương học phần liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về các lĩnh vực chuyên ngành trong tâm lý học. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá (đặc biệt là các rubric đánh giá)...của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa.

3. Tồn tại

Một số đề cương học phần chưa cập nhật các tài liệu tài liệu tham khảo mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, cập nhật tài liệu tham khảo mới.	Các GV giảng dạy học phần	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật những nội dung mới để đưa vào đề cương chi tiết	Khoa TL-GD; Tổ Tâm lý học	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Sau khi CTĐT theo CĐR ngành Tâm lý học được Trường ĐHSP-ĐHQĐHN ban hành, Khoa Tâm lý - Giáo dục đã công bố công khai cho người học và giảng viên nội

dung của Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website của Nhà trường [H2.02.03.01]; các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh phổ thông [H2.02.03.02]; giới thiệu cho SV khóa mới trong tuần sinh hoạt công dân [H2.02.03.03]; trong các hội nghị đào tạo [H2.02.03.04]. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn được cố vấn học tập thông báo, hướng dẫn SV sử dụng, khai thác một cách thường xuyên, luôn đảm bảo SV nắm rõ CTĐT, quá trình học tập của bản thân [H2.02.03.05]. Bên cạnh đó, trong các buổi sinh hoạt tuần công dân sinh viên, Khoa cũng giới thiệu bản mô tả CTĐT cho toàn thể SV và hướng dẫn SV truy cập website khoa để tìm hiểu thêm thông tin. Bên cạnh đó, Nhà trường có phần mềm cho các SV đăng ký tín chỉ và theo dõi quá trình học tập, trong đó SV có được thông tin khái quát về CTĐT ngành TLH qua khung CTĐT [H2.02.03.06]

Đề cương học phần đều được các giảng viên cung cấp cho SV ngay khi bắt đầu học phần. Ngoài ra, mọi SV đều có thể lấy đề cương học phần của CTĐT ngành Tâm lý học trên website của khoa [H2.02.03.01]. Mặc dù thông tin về CTĐT và đề cương HP chi tiết ngành cử nhân tâm lý học được công bố công khai qua nhiều hình thức khác nhau, tuy nhiên chưa đến được nhiều đối tượng như nhà tuyển dụng lao động, cơ sở thực hành thực tập... mà chủ yếu chỉ hướng được tới đối tượng GV, SV khi họ thực hiện các hoạt động dạy và học trong Nhà trường.

Những điều chỉnh đều được cập nhật trên website của khoa để cán bộ, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần ngành TLH chưa được phổ biến trực tiếp tới các giảng viên lần đầu tham gia giảng dạy và những giảng viên ngoài khoa.

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần ngành TLH bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học

Ngoài ra, các thông tin trong bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần giúp xã hội dễ dàng tiếp cận và nắm được CDR về năng lực nghề nghiệp, về kiến thức chuyên môn, về kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, thái độ và đạo đức nghề nghiệp, vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp. Các doanh nghiệp, Cựu sinh viên thường sử dụng bản mô tả CTĐT TLH để góp ý trong các buổi hội thảo với các bên liên quan để đánh giá CTĐT [H2.02.03.07]. Ngoài ra, SV còn

sử dụng đề cương môn học để theo dõi tiến độ học tập của môn học và phản hồi ý kiến về môn học trong tiết học đầu tiên.

2. Điểm mạnh

- Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành TLH đã được công bố công khai trên website của Khoa Tâm lý – Giáo dục, trong cuốn chương trình đào tạo, trong các hội nghị về đào tạo và được phổ biến đến sinh viên trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá và ở buổi học đầu tiên của mỗi một học phần;

- Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần ngành TLH được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và các đơn vị sử dụng lao động trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

3. Tồn tại

Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Việc phổ biến Bản mô tả CTĐT và cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT đến các bên liên quan sẽ thực hiện chuyên nghiệp hơn: trình bày qua infographic và chuyển tải qua các kênh khác nhau: website, trang mạng xã hội, đến Email cá nhân của các bên liên quan, qua tài liệu phát tay...	Khoa Tâm lý – Giáo dục; Tổ TLH; Giáo vụ khoa; Các cố vấn học tập	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường thêm các hình thức công khai bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận hơn nữa.	Khoa Tâm lý – Giáo dục; Tổ Tâm lý học; Giáo vụ khoa	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 2:

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Tâm lý học đầy đủ và tường minh.

Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật qua từng năm học. Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo quy định của các cấp quản lý thuộc ĐHSP_ĐHĐN. Ma trận hiển thị kết quả chương trình chuẩn đầu ra được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình.

Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN. Tất cả các đề cương đều có đầy đủ các thông tin cần thiết. Các đề cương học phần liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về các lĩnh vực chuyên ngành trong tâm lý học. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa.

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần ngành TLH được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và các đơn vị sử dụng lao động trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Một số đề cương còn giới thiệu ít tài liệu tham khảo hoặc sử dụng tài liệu tham khảo cũ. Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT đến các bên liên quan còn thiếu bài bản, chưa chuyên nghiệp.

Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí với đánh giá chung: 5/7

TIÊU CHUẨN 3

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu

Chương trình dạy học ngành Cử nhân TLH của Khoa TL-GD được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra; có cấu trúc hợp lý và hệ thống, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Mỗi học phần trong CTDH đều có đóng góp rõ ràng cho việc đạt được chuẩn đầu ra. Cấu trúc và nội dung CTDH giúp sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra chung của CTĐT và các chuẩn đầu ra riêng của từng học phần, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Thiết kế chương trình dạy học là một trong các hoạt động đảm bảo chất lượng đầu vào, có kế hoạch rõ ràng được toàn thể giảng viên của chương trình đào tạo tiếp nhận, hiểu rõ và trực tiếp tham gia triển khai. Quy trình thiết kế CTDH ngành Tâm lý học được thiết kế, phát triển dựa trên các yêu cầu của Bộ Giáo dục và đào tạo, của Đại học Đà Nẵng, của Trường ĐHSP-ĐHĐN [H3.03.01.01] [H3.03.01.02].

Đặc điểm, thông tin của CTDH hiện tại đã được thiết kế dựa trên CĐR:

- Ma trận học phần (course matrix) của chương trình đào tạo Tâm lý học:

Ma trận học phần đã thể hiện sự phân bổ 8 CĐR CTDH vào 63 học phần của CTĐT ngành Tâm lý học, và mức độ đóng góp của từng học phần vào CĐR CTDH [H3.03.01.03]. Ma trận các môn học đồng thời thể hiện trình tự học tập được hoạch định hay lộ trình phát triển các CĐR. Như vậy, khung CTDH đã được thiết kế dựa trên ma trận học phần để đảm bảo sự tích hợp và phát triển tuần tự của chuẩn đầu ra được biểu diễn thông qua kiến thức, kỹ năng, thái độ.

Ma trận kỹ năng đã thể hiện lộ trình phát triển các nhóm kỹ năng cá nhân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghề nghiệp

- Cấu trúc các học phần trong chương trình dạy học thể hiện tỷ lệ cân đối, hợp lý với cấu phần của CĐR:

- Tổng số tín chỉ: 148 TC chưa kể các TC Giáo dục thể chất, GDQP, Ngoại ngữ và các kỹ năng bổ trợ)
- Khối kiến thức chung: 25 TC
- Khối kiến thức cơ sở và ngành: 70 TC

- Khối kiến thức chuyên ngành: 46 TC
- Số TC bắt buộc: 109 TC; Tự chọn: 39 TC

Tỷ lệ này cho thấy sự cân đối và logic trong thiết kế nhóm học phần bắt buộc và tự chọn. Cơ cấu các khối kiến thức trong CTĐT hợp lý, đáp ứng thực hiện 8 CĐR của CTĐT, đáp ứng triết lý trong đào tạo cử nhân TLH, phục vụ nhu cầu xã hội ngày càng cao.

Với kết cấu như trên, nội dung CT dạy học đảm bảo trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu của CĐR, được đánh giá cao qua điều tra khảo sát, điều này cho thấy SV hài lòng với CTĐT, hơn 90% SV hài lòng về CTĐT [H3.03.01.04]. Đây cũng chính là cơ sở quan trọng để Khoa và Nhà trường có những điều chỉnh cho phù hợp hơn nữa, đáp ứng yêu cầu của người học. Để từ đó SV khi tốt nghiệp có thể làm việc tốt hơn khi ra nhập vào thị trường lao động.

- Việc lựa chọn phương pháp dạy và học; kiểm tra, đánh giá sinh viên đa dạng, tương đối phù hợp (Sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; việc kiểm tra đánh giá được tiến hành thường xuyên bằng nhiều hình thức, gồm tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp...) để đảm bảo sự tương thích với kết quả học tập mong đợi.

Để góp phần đạt được CĐR của CTĐT, các tổ hợp phương pháp giảng dạy (thuyết trình; vấn đáp, seminar, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành/thí nghiệm) và phương pháp học tập chủ yếu là tự học, làm việc nhóm, seminar đã được thể hiện trong đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT [H3.03.01.05].

Để đánh giá kết quả học tập của sinh viên, ngoài việc đánh giá chuyên cần với các tiêu chí cụ thể, các học phần tự lựa chọn các hình thức đánh giá phù hợp với nội dung. Đánh giá bài tập cá nhân, thảo luận nhóm, kiểm tra định kỳ, thi kết thúc học phần với hình thức vấn đáp hoặc tự luận hoặc trắc nghiệm [H3.03.01.06]. Trong đề cương chi tiết, các hình đánh giá được xác định cùng với các tiêu chí và thời điểm đánh giá cụ thể. Sự phối hợp nhiều hình thức đánh giá góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR của CTDH TLH.

Khoa đã tổ chức rà soát, xây dựng CĐR của các học phần và ma trận thể hiện sự kết nối với CĐR của CTĐT để làm cơ sở điều chỉnh CTDH, đảm bảo việc trang bị các năng lực về NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng được mục tiêu của CTĐT [H3.03.01.07]. Đồng thời, bổ sung các nội dung mô tả cụ thể các mức năng lực cần đạt (bên cạnh phần Mô tả tóm tắt các học phần trong CTDH) đảm bảo hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR của CTĐT.

Khoa đã quản lý việc thực hiện xây dựng đề cương học phần chi tiết đạt chất lượng tốt để xây dựng, cập nhật bổ sung cho CTDH các thông tin về tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp KTĐG phù hợp để đánh giá hiệu quả việc đạt được CDR của CTĐT [H3.03.01.07].

Mặc dù CTDH đã được thiết kế dựa trên CDR, nhưng việc đánh giá mức độ đạt được CDR của cựu SV còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

- Dựa trên CTĐT ngành TLH, bản mô tả CTĐT về các đề cương học phần được phê duyệt và ban hành, Khoa Tâm lý - Giáo dục đã thiết kế chương trình dạy học với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT.

- Chương trình dạy học ngành Tâm lý học đã đảm bảo được tính logic của các học phần, nhằm đảm bảo cho sinh viên được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức chuyên ngành hẹp. Đây cũng là triết lý sư phạm theo đào tạo tín chỉ mà khoa đã thấm nhuần từ nhiều năm nay.

3. Tồn tại

Việc đánh giá mức độ đạt được CDR về năng lực học tập suốt đời đối với cựu sinh viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các sermina, hội nghị về việc đánh giá mức độ đạt được CDR của cựu SV	Khoa Tâm lý – Giáo dục;	Từ năm học 2020 – 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường phổ biến bản mô tả chương trình dạy học cho các đối tượng có liên quan, nhất là GV và SV	Khoa Tâm lý – Giáo dục Tổ TLH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Mỗi học phần có vai trò nhất định trong khối kiến thức/kỹ năng mà SV mong

muốn đạt được và được thể hiện rõ trong CĐR ngành TLH cập nhật mới nhất năm 2019 [H3.03.02.01]. Tất cả các học phần trong CTĐT ngành TLH của khoa TL-GD đều có đề cương chi tiết, do các giảng viên tham gia giảng dạy các học phần trong CTĐT biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT và với phương thức đào tạo theo tín chỉ [H3.03.02.02].

Các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá cụ thể được xác định rõ ràng, phù hợp ở tất cả các học phần trong CTDH để đảm bảo việc đạt được CĐR và được thể hiện rõ ràng trong ĐCCT của CTĐT. Việc thực hiện giảng dạy, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá đều được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của Nhà trường, được quy định rõ trong Quy chế đào tạo đại học của trường ĐHSP-ĐHĐN, quy định đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H3.03.02.03]. ĐCCT các học phần đều xác định rõ hình thức tổ chức dạy học giúp người học hiểu rõ GV sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nào, ở nội dung gì, những yêu cầu cụ thể đối với SV, những nội dung tự học cụ thể... nhằm giúp SV đạt được CĐR của học phần về kiến thức, rèn luyện các kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Trong đề cương chi tiết các học phần đều thể hiện rõ phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của SV, bao gồm: thang điểm đánh giá, hình thức, tiêu chí đánh giá, trọng số điểm và sự đóng góp cụ thể đối với CĐR của học phần. Theo quy định, điểm học phần gồm có điểm đánh giá quá trình (điểm chuyên cần, điểm thường xuyên, điểm định kỳ) (có trọng số 50%), điểm thi kết thúc học phần (có trọng số 50%). Các hình thức đánh giá được GV sử dụng linh hoạt nhằm phát huy năng lực của người học (bài tập cá nhân, bài tập nhóm, seminar, tiểu luận, thực hành...). Hình thức thi kết thúc học phần cũng phong phú, đa dạng: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, tiểu luận... Hình thức KTĐG, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân theo quy định về thi, kiểm tra đánh giá người học và được công bố công khai trong đề cương chi tiết các học phần cũng như hồ sơ giảng dạy của GV [H3.03.02.04][H3.03.02.05].

Khi xây dựng CTĐT ngành TLH, Khoa đã mô tả, xác định rõ học phần đó đóng góp gì về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân người học để đạt CĐR vì vậy 100% các môn học/học phần trong CTĐT có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR. CTĐT được thiết kết theo thứ tự từ cơ bản đến chuyên ngành trong bốn năm học gồm 08 học kỳ. Ba học kỳ đầu tiên cung cấp nền tảng cơ sở của kiến thức chung và kiến thức

thuộc cơ sở ngành nên mức độ đóng góp cho các PLOs còn ở mức thấp; ba học kỳ tiếp theo là các học phần liên quan đến kiến thức chuyên ngành do đó sự đóng góp cho PLOs cũng tăng dần. Năm cuối cùng chỉ gồm các học phần chuyên sâu và khoá luận tốt nghiệp nên mức độ đóng góp cho PLOs ở mức độ cao. Điều này thể hiện rõ trong ma trận đóng góp các môn học so với CĐR [H3.03.02.06].

Các học phần trong CTĐT được thiết kế nhằm đạt được kết quả học tập mong đợi của CTĐT. Từng PLO sẽ có các học phần tương ứng để đạt được kết quả đã đề ra. Đề cương các học phần được thiết kế một cách khoa học để SV hiểu rõ hơn về chủ đề của học phần và có điều kiện tiếp cận và rèn luyện các kỹ năng chuyên môn góp phần đạt được CĐR của CTĐT. Thông qua ma trận các kỹ năng người học có thể thấy rõ mức độ ảnh hưởng của từng học phần đối với các CĐR của CTĐT. Các kỹ năng chung (làm việc nhóm, giao tiếp, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo... được lồng ghép vào các môn học khác nhau và các hoạt động ngoại khóa [H3.03.02.07]. Khi đạt CĐR của mỗi học phần sẽ đóng góp vào việc đạt CĐR của CTĐT.

Sự gắn kết mang tính xây dựng của CTĐT còn thể hiện ở việc chọn các phương pháp dạy và học phù hợp, nhấn mạnh vào sự chủ động của người học. Các phương pháp đánh giá phù hợp, đo được năng lực của sinh viên đã đạt CĐR nào. Nó giúp SV biết mình đang ở đâu, có dùng phương pháp học đúng không để điều chỉnh. Để đánh giá SV đã được CĐR của từng học phần thông qua bảng điểm các học phần bao gồm điểm quá trình và điểm kiểm tra kết thúc học phần. Ngoài ra đánh giá SV còn được đánh giá thông qua sự thể hiện các kỹ năng, thái độ trong các học phần hoặc tham gia các hoạt động đoàn hội, các hoạt động phục vụ cộng đồng. Theo đánh giá của sinh viên thì 100% các học phần trong CTĐT xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR được thể hiện rõ qua sơ đồ mối quan hệ giữa cách đánh giá của học phần và CĐR.

Để đánh giá sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR, Khoa đã tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan, trên cơ sở đó điều chỉnh môn học sao cho phù hợp [H3.03.02.08]. Số liệu thu được như sau:

Bảng 3.2.1. Kết quả khảo sát ý kiến của chuyên gia và cựu sinh viên về sự đóng góp của các học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	Rất phù hợp	Phù hợp	Ít phù hợp	Không phù hợp
--	--------------------	----------------	-------------------	----------------------

Ý kiến chuyên gia	51,2%	31,4%	13,5%	3,9%
Ý kiến cựu sinh viên	49,7%	38,2%	11,5%	0,01%

Bảng số liệu trên cho thấy, đa số ý kiến của chuyên gia và cựu SV cho rằng các học phần trong CTĐT đều phù hợp hoặc rất phù hợp với CĐR. Chỉ 3,9% số ý kiến cho rằng có một số học phần không phù hợp với CĐR, bao gồm những học phần thuộc khối kiến thức chung (Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học ...); một số học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và ngành (Lý luận giáo dục, Lý luận dạy học...).

Một số ý kiến cho rằng CTĐT cần bổ sung thêm các học phần hình thành kỹ năng, giảm bớt số tín chỉ các học phần liên quan đến lý luận chính trị. Nội dung CTĐT cần cập nhật những kiến thức mới, sát thực tế, cần có các môn học hoặc hoạt động ngoại khoá nhằm phát huy tinh thần khởi nghiệp cho SV.

2. Điểm mạnh

- Chương trình dạy học đã được thiết kế đảm bảo việc đạt được CĐR. Đề cương các học phần đã thể hiện mức độ đóng góp của học phần đó vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Các học phần trong CTĐT đã được lấy ý kiến của các bên liên quan, từ đó được điều chỉnh theo hướng tích hợp các môn có nội dung trùng lặp, tăng số tín chỉ thực hành, thay đổi phương pháp dạy học để đảm bảo thực hiện CĐR về kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân.

3. Tồn tại

Số môn học hỗ trợ cho CĐR về tinh thần khởi nghiệp còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường tổ chức thêm các hoạt động ngoại khóa, các chuyên đề bổ trợ nhằm phát huy tinh thần khởi nghiệp của SV	Khoa Tâm lý – Giáo dục; Tổ TLH;	Từ năm học 2020 - 2021
2	Phát huy điểm	- Tiếp tục điều chỉnh rà soát đề cương chi tiết của từng học phần theo tiêu chí thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, các	Khoa Tâm lý – Giáo dục; Tổ Tâm lý học	Hàng năm

	manh phương pháp dạy và học, phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá rõ ràng, cụ thể, thể hiện được mức độ đóng góp vào CDR của CTĐT		
--	---	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo CTĐT trở thành một khối thống nhất. CTĐT cử nhân ngành Tâm lý học của khoa Tâm lý – Giáo dục được thiết kế có 3 khối kiến thức: Khối kiến thức chung, Khối kiến thức cơ sở ngành, Khối kiến thức chuyên ngành.

Năm 2015, Khoa TL-GD tiến hành cập nhật, điều chỉnh CTĐT ngành TLH bao gồm 159 tín chỉ thuộc 2 khối: Kiến thức giáo dục đại cương và Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp [H3.03.03.01]. Năm 2017, CTĐT cử nhân Tâm lý học được điều chỉnh theo Quyết định số 575/QĐ-ĐT ngày 6/6/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN bao gồm 155 tín chỉ thuộc 3 khối kiến thức: Khối kiến thức chung; Khối kiến thức cơ sở ngành và ngành, Khối kiến thức chuyên môn nghiệp vụ [H3.03.03.02]. Năm 2019, Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học được điều chỉnh theo Quyết định số 93/QĐ-ĐT ngày 31/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN bao gồm 148 tín chỉ thuộc 3 khối kiến thức: Khối kiến thức chung; Khối kiến thức cơ sở ngành và ngành, Khối kiến thức chuyên môn nghiệp vụ [H3.03.03.03].

Qua 02 lần điều chỉnh vào năm 2017 và 2019, CTĐT ngành TLH được cập nhật theo hướng [H3.03.03.04]:

- Chuyển học phần Kỹ năng giao tiếp và Kỹ năng học tập thành học phần bắt buộc và sắp xếp vào kỳ 1 nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng nền tảng để rèn luyện và phát triển bản thân nhằm thích ứng với phương pháp học tập ở trường đại học, thích ứng với bối cảnh môi trường thay đổi;

- Giảm các học phần không đáp ứng yêu cầu CDR của CTĐT hoặc các học phần có nội dung trùng lặp: Văn hóa lễ hội truyền thống, Sinh học đại cương, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học;

- Ghép các học phần lý thuyết và thực hành để tăng tính chuyên sâu và liên tục trong đào tạo, cụ thể:

+ Ghép học phần Công tác xã hội (2TC) và Thực hành công tác xã hội (2TC) thành học phần Công tác xã hội (4TC);

+ Ghép học phần Giáo dục kỹ năng sống (2TC) và Thực hành giáo dục kỹ năng sống (2TC) thành học phần Phương pháp giáo dục kỹ năng sống (4TC).

- Chuyển học phần Thực hành Tâm bệnh học từ học phần tự chọn sang học phần bắt buộc;

- Bổ sung thêm học phần Thực tế tâm lý học (2TC), tăng số tín chỉ của học phần Thực tập tốt nghiệp từ 3 TC lên 6 TC nhằm đảm bảo cho sinh viên có cơ hội và thời gian thực hành các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp trong thực tế;

- Tăng số học phần thuộc khối kiến thức tự chọn nhằm tăng cơ hội lựa chọn các học phần phù hợp với xu hướng nghề nghiệp của sinh viên, đáp ứng yêu cầu đào tạo theo cơ chế tín chỉ; đáp ứng với nhu cầu và sự thay đổi của xã hội.

- Điều chỉnh khối kiến thức chung liên quan đến các học phần Triết học Mac-Lênin, Kinh tế chính trị Mac-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh theo yêu cầu của nhà trường;

- Các học phần Anh văn A2.1; A2.2 được đưa ra khỏi chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên chủ động trong việc đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ.

Việc thiết kế CTĐT ngành Tâm lý học được thực hiện dựa trên quan điểm tăng cường khối kiến thức ngành cho sinh viên, giúp trang bị các kiến thức chuyên sâu hơn, mang tính thực hành nhiều hơn, đảm bảo cho sinh viên có thể thích ứng ngay với thị trường lao động sau khi tốt nghiệp [H3.03.03.05].

Bảng 3.3.1. Kết quả khảo sát ý kiến của chuyên gia và cựu sinh viên về sự phù hợp của các học phần trong chương trình đào tạo với thị trường lao động

	Rất phù hợp	Phù hợp	Ít phù hợp	Không phù hợp
Ý kiến chuyên gia	49,7%	32,5%	13,4%	4,4%
Ý kiến cựu sinh viên	26,1%	46,6%	25,3%	0,02%

Những học phần được đánh giá không phù hợp với thị trường lao động bao gồm: Triết học Mac-Lênin, Logic học, Lịch sử văn minh thế giới, New values in psychology,

Lý luận dạy học; Tâm lý học giáo dục; Tâm lý học sáng tạo...

Trình tự của các học phần được sắp xếp logic, đảm bảo cho sinh viên có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả từ năm thứ nhất đến năm thứ 4. Cụ thể là: các học phần được thiết kế trong chương trình dạy học theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu. Sinh viên có thời gian hợp lý để học tập trên giảng đường và thời gian thực tập thực tế, thực tập tổng hợp, nghiên cứu... [H3.03.03.06].

Việc xác định các học phần học trước đóng vai trò hết sức quan trọng đối với các CTĐT, trong đó có ngành TLH. Cụ thể: học trước vừa đảm bảo cung cấp kiến thức nền tảng chung cho cả CTĐT (ví dụ như học phần Tâm lý học đại cương 1), đồng thời vừa đảm bảo cung cấp kiến thức cho học phần tiếp theo (tính kế thừa giữa các học phần), ví dụ: TLH đại cương 1 cung cấp kiến thức về bản chất tự nhiên và xã hội của tâm lý người, nguồn gốc của các hiện tượng tâm lý do vậy đây là học phần học trước của môn Tâm lý học đại cương 2, Tâm lý học đại cương 3, Thực hành Tâm lý học 1...

Chương trình có các học phần tích hợp cả lý thuyết và thực hành (Phương pháp giáo dục kỹ năng sống, Công tác xã hội, Tham vấn...) nhằm giúp sinh viên có điều kiện củng cố lý thuyết và hình thành kỹ năng, rèn luyện các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Các học phần tích hợp kiến thức liên ngành (Phương pháp nghiên cứu tâm lý học, Tâm lý học giới tính...) giúp sinh viên liên kết kiến thức từ nhiều học phần khác nhau, có cái nhìn toàn diện về các hiện tượng tâm lý người. Đặc biệt ở học phần Thực hành nghiên cứu khoa học hay Thực tập tốt nghiệp, SV sẽ có cơ hội được học lý thuyết và triển khai nghiên cứu thực tế, được thực tập với nhiều nội dung khác nhau, tại các cơ sở như bệnh viện, trung tâm tư vấn tâm lý, trung tâm trợ giúp xã hội, các khu dân cư, khu công nghiệp... [H3.03.03.07]

Để có được khung CTĐT theo chuẩn đầu ra phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ như hiện nay, Khoa đã thực hiện đầy đủ các quy trình theo đúng quy chế đào tạo, quy định của ĐHQĐ và hướng dẫn của Trường ĐHSP - ĐHQĐ. Khung CTĐT ngành Tâm lý học hiện nay có 148 tín chỉ không bao gồm các học phần Tiếng Anh. Đã có một số học phần được rút đi, thay vào đó là các học phần khác, đáp ứng tốt hơn yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của chuẩn đầu ra, nhiều học phần đã được sửa đổi về nội dung cho phù hợp với sự phát triển của thời đại, yêu cầu của xã hội, và cập nhật được kiến thức chuyên ngành theo xu thế chung của đào tạo bậc đại học ở các quốc gia tiên tiến

[H3.03.03.08] [H3.03.03.03]. Tuy nhiên, trong CTĐT, hầu như chưa có môn học được tổ chức dạy và học theo dự án, thiếu các học phần tự chọn tự do.

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh chương trình dạy học, Khoa đã tham khảo, đối sánh các CTĐT đào tạo cử nhân tâm lý học tiên tiến trong nước và quốc tế theo hướng đánh giá sự tương thích và phù hợp, đặc biệt chú trọng đến việc thiết kế trình tự giảng dạy về kiến thức-kỹ năng-thái độ trong CTDH, làm cơ sở phân bố hợp lý các kỹ năng cho từng học phần của CTĐT [H3.03.03.09].

Kết quả khảo sát tháng 6/2019 cho thấy, các nhà tuyển dụng đánh giá tốt về cấu trúc CTĐT ngành Tâm lý học, cụ thể:

Qua bảng số liệu cho thấy, đa số nhà tuyển dụng đều hài lòng với cấu trúc CTĐT ngành Tâm lý học với 80,3% ý kiến đánh giá phù hợp và 12,2% đánh giá rất phù hợp. Điều này cho thấy tổng thể CTĐT ngành Tâm lý học đã đáp ứng về cơ bản yêu cầu của thị trường lao động. Chỉ có một tỷ lệ nhỏ (7,5%) các ý kiến đánh giá không phù hợp, đây cũng là điều không tránh khỏi và Khoa sẽ tiếp thu ý kiến để có sự điều chỉnh cho phù hợp hơn nữa [H3.03.03.10]

Như vậy, từ kết quả này có thể kết luận rằng: cấu trúc các học phần kiến thức ngành Tâm lý học và định hướng chuyên ngành Tâm lý học là phù hợp.

2. Điểm mạnh

- Các học phần thuộc khối kiến thức chung, các học phần thuộc khối kiến thức ngành và cơ sở ngành thiết kế linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học phần. Các học phần đều đảm bảo cho sinh viên tiếp thu được các kỹ năng cần thiết để có thể nghiên cứu, thực hành và làm việc trong lĩnh vực tâm lý học.

- CRDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao, đáp ứng xu hướng phát triển ngành TLH trên thế giới và trong khu vực.

- Chương trình dạy học đáp ứng được năng lực của SV tốt nghiệp, SV có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của công việc như: tư vấn, giảng dạy, nghiên cứu... Cấu trúc chương trình dạy học chú trọng cả bề rộng lẫn chiều sâu.

3. Tồn tại

Chương trình dạy học chưa có nhiều các học phần tự chọn tự do và các học phần được tổ chức dạy và học theo dự án.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng các học phần tự chọn tự do theo nhu cầu của thị trường lao động - Cải tiến các học phần Thực hành phương pháp nghiên cứu khoa học, Khoá luận tốt nghiệp theo hướng dự án.	Khoa Tâm lý – Giáo dục; Tổ TLH;	Từ năm học 2021 - 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát và thiết kế tỷ lệ hợp lý hơn giữa các học phần (đặc biệt là học phần bắt buộc và học phần tự chọn), học phần kiến thức chung trên cơ sở ý kiến đóng góp của người học, GV và các nhà tuyển dụng	Khoa TL-GD; Tổ Tâm lý học; GV tham gia giảng dạy	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Chương trình dạy học của Khoa TL-GD được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT. CTDH mang tính logic và tính tích hợp, đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Nội dung của các học phần cơ sở và học phần chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

Chương trình dạy học thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Các cán bộ giảng viên của khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được kết quả đầu ra. Các học phần được thiết kế đề cao tính đặc trưng của ngành tâm lý học: tính ứng dụng.

Tuy nhiên, CTDH còn một số tồn tại như: Số ý kiến đóng góp cho CTDH của các nhà tuyển dụng còn hạn chế, còn ít học phần hỗ trợ cho tinh thần khởi nghiệp, chưa có học phần được tổ chức dạy và học theo dự án. Nhưng hạn chế này sẽ được cải tiến trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo ngành cử nhân TLH của khoa TL-GD.

Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí, với đánh giá chung 5/7

TIÊU CHUẨN 4

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận dạy và học có vai trò quan trọng. Khoa Tâm lý – Giáo dục, cũng như nhiều khoa khác trong Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CDR đã tuyên bố trong CTĐT; sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Để thực hiện được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các học phần kế tiếp nhau một cách logic, học phần cơ sở là học phần tiên quyết cho những học phần chuyên sâu. Các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và hoạt động ngoại khóa đều phải cùng hướng đến chuẩn đầu ra. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và chuẩn đầu ra của chương trình được mỗi giảng viên và SV hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình. Trong tiêu chuẩn này, chúng tôi xin tự đánh giá phương pháp tiếp cận trong dạy và học thông qua 3 tiêu chí sau:

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Triết lý giáo dục là những nguyên tắc hướng dẫn hoạt động giáo dục của nhà trường. Vì vậy, phải xây dựng triết lý giáo dục trước để làm định hướng, nền tảng, dựa trên đó mới xây dựng mục tiêu của giáo dục, nội dung chương trình, và phương pháp giáo dục. Hiểu rõ tầm quan trọng của nó, Trường ĐHSP-ĐHĐN đã ban hành Triết lý giáo dục và được tuyên bố rõ ràng trong Chiến lược phát triển của Trường ĐHSP-ĐHĐN với nội dung: “*Toàn diện, khai phóng, sáng tạo và thực nghiệp*” [H4.04.01.01] [H4.04.01.02]. Cụ thể: Giáo dục “***Toàn diện***” có nghĩa là sản phẩm được đào tạo phải có đầy đủ các yếu tố Đức – Trí – Thể - Mỹ, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Triết lý “***Khai phóng***” hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kỹ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định. Triết lý “***Sáng tạo***” là hình thành và phát triển tư duy sáng tạo cho người học. “***Thực nghiệp***”

có vai trò quan trọng trong đào tạo, học phải đi đôi với hành, những kiến thức được tiếp nhận từ nhà trường phải vận dụng linh hoạt vào quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp. Triết lý giáo dục của Trường được xem như là kim chỉ nam cho các hoạt động giáo dục của nhà trường, góp phần đào tạo sinh viên tốt nghiệp có được những phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của xã hội, tìm kiếm được việc làm tốt, được xã hội đánh giá cao.

Bên cạnh triết lý giáo dục, Trường ĐHSP – ĐHDN còn ban hành mục tiêu giáo dục: *“Sau khi tốt nghiệp, người học có: Kiến thức chuyên môn toàn diện, hiểu biết sâu về nguyên lý và quy luật tự nhiên – xã hội; Kỹ năng mềm, khả năng sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi môi trường làm việc; Năng lực giáo dục và phát triển nghề nghiệp; Đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp, sức khỏe tốt, ý thức phục vụ cộng đồng”*. Mục tiêu này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu giáo dục quy định tại Điều 2 Luật Giáo dục [H4.04.01.03]. Đồng thời, phù hợp với mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ đại học, ThS, TS quy định tại Điều 5 Luật GDĐH [H4.02.01.04]. Nhà trường đã cụ thể hoá mục tiêu chung thành các kế hoạch của từng năm học [H4.04.01.05] [H4.04.01.06].

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường được công bố công khai trên website của Trường [H4.04.01.07], Poster đặt ở giảng đường để GV, người học và các bên liên quan có thể tiếp cận một cách thuận lợi, dễ dàng, hiểu và thực hiện [H4.04.01.08]. Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục cũng được phổ biến cho cán bộ, GV biết và thực hiện thông qua việc xây dựng CTĐT, ĐCCT học phần/môn học, NCKH và các hoạt động khác [H4.04.01.09] [H4.04.01.10]. Đối với người học, việc tiếp nhận nội dung triết lý giáo dục được Nhà trường và khoa chuyên môn phổ biến, quán triệt qua các buổi sinh hoạt công dân-HSSV đầu khóa [H4.04.01.11].

Mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành Tâm lý học đã thể hiện một phần mục tiêu của Khoa Tâm lý – Giáo dục, đó là: *“Tổ chức hoạt động giáo dục toàn diện nhằm nuôi dưỡng và phát triển tinh thần chủ động, tích cực, sáng tạo, say mê, hứng thú của sinh viên, từ đó hình thành phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu đa dạng của xã hội hiện đại”*. Trên cơ sở mục tiêu chung, CTĐT ngành Tâm lý học đã xác định các mục tiêu cụ thể và CDR về phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng của SV [H4.04.01.09]. Để thực hiện mục tiêu giáo dục của CTĐT, các ĐCHP trong CTĐT ngành Tâm lý học đều nêu rõ mục tiêu, nội dung, PPDH, phương pháp đánh giá để đạt được CDR và đáp ứng yêu cầu xã hội.

Mục tiêu giáo dục ngành Tâm lý học được xây dựng dựa trên ý kiến góp ý của các

GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng [H4.04.01.12]. Bên cạnh đó, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học được tuyên bố trong CTĐT, và được cụ thể hóa trong từng đề cương môn học và được phổ biến và công bố trên website của Khoa để GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng dễ dàng tiếp cận [H4.04.01.13]. Việc dạy và học theo đúng triết lý giáo dục cũng như mục tiêu giáo dục của nhà trường đã đưa lại cho các thế hệ người học của khoa Tâm lý – Giáo dục có những thành tựu nổi bật. Sinh viên trong quá trình học tham gia các đề tài NCKH cùng với giảng viên, có những công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước, một số đề tài NCKH SV có tính sáng tạo cao, đạt được các giải thưởng của Trường và Bộ giáo dục – Đào tạo [H4.04.01.14] [H4.04.01.15].

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường và mục tiêu đào tạo, CĐR của ngành TLH được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan, đặc biệt là được giảng viên và sinh viên nắm vững và triển khai thực hiện trong các hoạt động đào tạo của mình.

Công tác giảng dạy của GV ngành Tâm lý học được thực hiện theo đúng triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của của nhà trường, đã đưa lại cho các thế hệ người học của khoa Tâm lý – Giáo dục có những thành tựu nổi bật.

3. Điểm tồn tại

Một số đối tượng như nhà tuyển dụng, đại diện các doanh nghiệp, cựu sinh viên chưa thực sự hiểu rõ về triết lý giáo dục của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức gặp gỡ thường niên với các nhà tuyển dụng, cựu SV... để giới thiệu về triết lý giáo dục, mục tiêu của nhà trường, cũng như mục tiêu và CĐR của CTĐT.	Khoa Tâm lý – Giáo dục	Từ năm học 2020 - 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch đẩy mạnh hơn nữa việc quảng bá triết lý giáo dục của Nhà trường; mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đến đông đảo các bên	Khoa Tâm lý – Giáo dục	Hàng năm

		liên quan.		
--	--	------------	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học của mỗi học phần của CTĐT được thiết kế đa dạng và phù hợp, giúp người học đạt được CĐR của học phần, từ đó thông qua việc đạt được CĐR của học phần sẽ giúp người học đạt được CĐR của CTĐT ngành TLH [H4.04.02.01] [H4.04.02.02]. Cụ thể, thuyết trình được đa số các học phần lựa chọn hình thức dạy và học này giúp SV nhanh chóng nắm bắt các kiến thức cơ bản, chuyên sâu và các kiến thức ứng dụng để đạt được các CĐR về kiến thức [H4.04.02.03]. Các hoạt động thực tế, thực tập tại cơ sở giúp SV có cơ hội được trải nghiệm thực tế và thể hiện phương châm dạy học “lý thuyết gắn liền với thực tiễn” [H4.04.02.04]. Từ các hoạt động này giúp cho SV vận dụng được kiến thức chuyên môn để có thể đảm nhận công việc trong các trung tâm hỗ trợ tâm lý và hiểu được biết vai trò và trách nhiệm của cử nhân Tâm lý học với cộng đồng và xã hội [H4.04.02.05] [H4.04.02.06] [H4.04.02.07] [H4.04.02.08].

Đặc biệt, trong CTĐT ngành Tâm lý học, các môn học thực hành, thực tập và khóa luận đồ án chiếm tỉ lệ lớn vì thế các PPDH tích cực (dạy học phát hiện và giải thuyết vấn đề, dạy học theo lý thuyết kiến tạo, tổ chức hoạt động trải nghiệm) được sử dụng nhiều [H4.04.02.09] [H4.04.02.10]. Các phương pháp giảng dạy tích cực thể hiện trong đề cương chi tiết môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và hình thành, phát triển kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện... cần thiết để khi ra trường có thể đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Với sự đổi mới trong công tác giảng dạy, hoạt động học của SV trở nên chủ động và tích cực hơn. Thời lượng giờ tự học của mỗi học phần được xác định theo qui định chung và được ghi rõ ràng trong ĐCHP [H4.04.02.11] [H4.04.02.02]. SV có thể thực hiện giờ tự học, bài tập cá nhân hay bài tập nhóm ở thư viện hoặc ở nhà. Hoạt động seminar hoặc thảo luận nhóm được thực hiện trên lớp dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV hoặc theo nhóm ở giảng đường dưới sự tổ chức của nhóm trưởng được phân công với các nội dung do GV định hướng [H4.04.02.02]. Các hoạt động này ngoài việc góp

phần giúp SV đạt được các CDR về kiến thức còn có tác dụng phát triển cho SV kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết. SV của ngành Tâm lý học sau khi đạt được những điều kiện theo quy định được đi thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục, các trung tâm hỗ trợ tâm lý và các doanh nghiệp... [H4.04.02.12] [H4.04.02.13]. Hoạt động này giúp cho SV bước đầu vận dụng kiến thức đã được học vào thực tế nghề nghiệp, từ đó hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học luôn được Nhà trường/Khoa quan tâm. Giảng viên của Khoa đã sử dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến (learning management system) để có thể cung cấp thông tin về môn học, kế hoạch giảng dạy và học liệu, hỗ trợ SV tự học, thực hiện KTĐG sinh viên được hiệu quả [H4.04.02.14].

Mô hình dạy học E-learning đã được bắt đầu từ học kỳ II năm học 2019-2020 tại trường ĐHSP-ĐHĐN và hình thức này đã trở thành một phương pháp dạy học cần được chú trọng trong quá trình triển khai đào tạo của mỗi học phần/môn học của Khoa [H4.04.02.15] [H4.04.02.16]. Với phương pháp dạy học này cùng với việc sử dụng CNTT, mạng Internet người học có thể học ở mọi lúc, mọi nơi với số lần nghe giảng không hạn chế, do đó dễ dàng đạt được CDR của học phần, của CTĐT. Tuy nhiên, một số SV tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những SV năm thứ nhất.

Trường ĐHSP – ĐHĐN thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác giảng dạy sau mỗi học kỳ. Kết quả lấy phiếu phản hồi được tổng hợp và gửi đến từng GV. Qua đó, GV có cơ sở để điều chỉnh hoạt động giảng dạy nhằm phát huy những ưu điểm và khắc phục tồn tại. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của SV cho thấy, trên 90% người học hài lòng với PPDH được sử dụng trong các học phần [H4.04.02.17].

Trên cơ sở kết quả đánh giá sự hài lòng của sinh viên về tổ chức hoạt động dạy học, đặc biệt là việc sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực của giảng viên, Nhà trường và Khoa tổ chức các hội thảo về phương pháp giảng dạy cho giảng viên [H4.04.02.18]. Bên cạnh đó, Khoa cử giảng viên tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực về các phương pháp giảng dạy đa dạng giúp cải thiện chất lượng cho các hoạt động dạy-học [H4.04.02.19]. Mặt khác, Khoa tổ chức mời GV giỏi từ các trường bên

ngoài hoặc các cơ sở thực hành tham gia giảng dạy và giảng viên của Khoa tham gia dự giờ [H4.04.02.20] [H4.04.02.21].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học của các học phần trong CTĐT ngành Tâm lý học được thiết kế với các hình thức và phương pháp dạy học đa dạng, linh hoạt giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, hình thành thái độ và kỹ năng nhằm đạt được CĐR. Các hoạt động dạy – học thường xuyên được lấy ý kiến đánh giá từ SV để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng năm học nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Đồng thời, nhà trường và khoa đã tăng cường thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực sư phạm cho giảng viên.

3. Tồn tại

Mặc dù đã được tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động dạy và học, song một số phòng học hoặc bàn ghế được bố trí chưa thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, dạy học theo nhóm.

Một số giảng viên còn trẻ, chưa có học hàm, học vị cao nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức hoạt động dạy học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Đề nghị Nhà trường trang bị phòng học và bàn ghế đáp ứng việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, dạy học có sự tham gia. - Cử cán bộ trẻ đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. - Tổ chức dự giờ góp ý về phương pháp dạy học cho giảng viên trẻ.	Phòng CSVC Khoa Tổ TLH	Từ năm học 2020 - 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức tốt hoạt động dạy và học đảm bảo theo chương trình và đề cương đã xây dựng.	Khoa Tâm lý – Giáo dục	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Nhận thức được vai trò quan trọng của việc rèn luyện các kỹ năng và học tập suốt đời, hoạt động dạy học đều hướng đến trang bị cho SV hệ thống các kỹ năng cần thiết trong quá trình học tập. Các hoạt động từ dạy và học lý thuyết đến thực hành, hoạt động NCKH, bài tập nhóm, thảo luận, đi thực tập thực tế cơ sở đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học, kỹ năng nghiên cứu và đặc biệt có khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.01] [H4.04.03.02]. Chính vì vậy, hầu hết đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành Tâm lý học đều nêu rõ các phương pháp giảng dạy/học tập đa dạng giúp SV hình thành và phát triển kỹ năng thiết yếu (tự học, tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp và giải quyết vấn đề) cũng như tăng cường kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. Ngoài ra, hoạt động NCKH và thực tập thực tế giúp SV rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể, được thể hiện thông qua các thành tích NCKH [H4.04.03.03] [H4.04.03.04] [H4.04.03.05] [H4.04.03.06]. Đồng thời, Khoa thường xuyên mời các chuyên gia có trình độ cao và kiến thức thực tiễn, tâm huyết về giảng dạy với mục đích tạo tinh thần cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học [H4.04.03.07] [H4.04.03.08].

Tất cả đề cương chi tiết nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học của sinh viên, thể hiện rõ ràng qua các nội dung học tập cũng như tiêu chí đánh giá. Các học phần trong CTĐT đều được thiết kế dành thời lượng cho SV tự tìm hiểu, tự học để nâng cao năng lực học tập suốt đời cho người học. Trong các ĐCCT từng học phần CTĐT ngành Tâm lý học đều thể hiện rõ hoạt động tự học nhằm nâng cao năng lực học tập suốt đời cho người học. Mỗi GV xác định rõ các hoạt động tự học phù hợp với các HP (nghiên cứu tài liệu, bài tập nhóm, tiểu luận, project) và có phương pháp hình thức KTĐG hiệu quả về việc tự học của người học: giao bài tập, bài kiểm tra nhanh (quiz), thực hiện báo cáo, bài thu hoạch, thực hiện dự án NCKH sinh viên; chú trọng một số kỹ năng, năng lực, phẩm chất cần thiết cho việc học tập suốt đời của SV (*Kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn, phân tích thông tin cần thiết, phân tích, tổng hợp tài liệu; tinh thần say mê học tập, tính ham hiểu biết, v.v.*) [H4.04.03.02].

Nhà trường, Khoa xây dựng và tích hợp trang học trực tuyến e-learning với trang thông tin điện tử của Trường, sử dụng các công cụ CNTT trong truyền đạt kiến thức và hỗ trợ người học: dạy học trực tuyến, tương tác online hỗ trợ sinh viên triển khai các

hoạt động tự học, làm đề tài nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp để khuyến khích khả năng tự học của người học [H4.04.03.09].

Để có môi trường thuận lợi cho việc tự học, Khoa, Trường ĐHSP-ĐHĐN cung cấp không gian tự học, phòng Tham vấn mở mà tại đó SV được cung cấp đầy đủ phương tiện để thực hiện các dự án của mình [H4.04.03.10] [H4.04.03.11]. Bên cạnh đó, SV được khuyến khích sử dụng tài liệu học tập tại Thư viện Trường và Khoa với nhiều loại sách, tài liệu tham khảo, tạp chí trong và ngoài nước [H4.04.03.12].

Ngoài ra, trong những năm gần đây, Trường ĐHSP - ĐHĐN có các chính sách hỗ trợ để thúc đẩy NCKH của sinh viên. Các nghiên cứu có chất lượng được chọn để báo cáo trong hội nghị SVNCKH cấp trường và cấp Bộ [H4.04.03.13] [H4.04.03.14]. Bên cạnh đó, sinh viên có thể phối hợp với giảng viên làm các dự án khoa học và công bố kết quả trên các tạp chí khoa học [H4.04.03.15]. Đối với những SV có nhu cầu học tiếp tại Khoa Tâm lý học, Khoa còn có các chương trình đào tạo Thạc sĩ “Tâm lý học” hoặc “Giáo dục học”, “Quản lý Giáo dục” đáp ứng nhu cầu phát triển bản thân khi hoàn thành chương trình đại học qua đó phát triển các kỹ năng nghiên cứu, tự học, học tập suốt đời [H4.04.03.16] [H4.04.03.17].

Sau khi kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV với những tiêu chí cụ thể về: hoạt động giảng dạy có tác dụng rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV; khuyến khích sáng tạo, tư duy độc lập; tư vấn và tổ chức, hướng dẫn hoạt động học; về chất lượng giảng dạy. Kết quả nhận được cho thấy, trên 90% số SV được lấy ý kiến hài lòng và rất hài lòng với các tiêu chí trên về hoạt động giảng dạy của GV GV [H4.04.03.18].

2. Điểm mạnh

- Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp tạo điều kiện cho người học rèn luyện được các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học;
- Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT TLH thể hiện đa dạng các PPDH và có tác dụng đẩy việc rèn luyện các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, nâng cao kỹ năng thực hành cơ bản và nâng cao.

3. Tồn tại

Vẫn còn một số giảng viên chưa có những biện pháp hiệu quả để kích lệ khả năng tư duy phân biện, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo cho SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến PPDH từ cấp bộ môn đến cấp Khoa có chất lượng hơn. - Mời một số người khởi nghiệp thành công chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp cho GV và SV	Khoa TLGD Tổ TLH	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá cho giảng viên; các phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên.	Khoa Tâm lý – Giáo dục Tổ TLH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 4:

Về cơ bản triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Đây là cơ sở để khoa xây dựng mục tiêu đào tạo và kết nối hệ thống nội dung chương trình, các hoạt động và phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá của mỗi CTĐT. Các hoạt động dạy và học đã được thiết kế thiết kế phù hợp, đa dạng và linh hoạt để đạt CĐR, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Bên cạnh đó, các hoạt động dạy và học được thiết kế và tổ chức đã thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Tuy nhiên, một số đối tượng như nhà tuyển dụng, đại diện các doanh nghiệp, cựu sinh viên chưa thực sự hiểu rõ về triết lý giáo dục của Nhà trường. Mặc dù đã được tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động dạy và học, song một số phòng học hoặc bàn ghế được bố trí chưa thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, dạy học theo nhóm. Vẫn còn một số giảng viên chưa có những biện pháp hiệu quả để kích lệ khả năng tư duy phản biện, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo cho SV. Những tồn tại này sẽ được khắc phục trong tương lai.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí, mức đánh giá 5/7

TIÊU CHUẨN 5

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình SV theo học tại Khoa TL-GD, Trường ĐHSP- ĐHĐN nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu học phần và khóa học. Việc đánh giá này được Khoa TL-GD thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt CDR trong mọi thời điểm của toàn bộ quá trình học, chú trọng đánh giá thái độ, kiến thức, năng lực thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ giá trị, tin cậy, sự công bằng. Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học bởi điều này ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và hoạch định kế hoạch nghề nghiệp của người học. Do đó, người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế dựa trên mục tiêu về chuẩn đầu ra. Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thể hiện thông qua Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSP-ĐHĐN [H5.05.01.01] [H5.05.01.02] [H5.05.01.03]. Từ năm 2015, trên cơ sở quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó quy định rõ ràng phương thức tuyển sinh, các tiêu chí đối với người học để được tuyển thẳng hay xét tuyển vào học ngành TLH [H5.05. 01.04] [H5.05.01.05].

Để có căn cứ đánh giá kết quả học tập của người học, từ quy định đánh giá quá trình học tập theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT, Trường đã xây dựng và ban hành Quy định về quy trình thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H5.05.01.06]. Các hình thức kiểm tra, đánh giá KQHT người học được Nhà trường phổ biến và công khai thông qua đề cương chi tiết các học phần. Hình thức thi phù hợp đặc thù của các học phần với các hình thức chủ yếu: tự luận, thực hành, trắc nghiệm trên máy tính và trình bày báo cáo... nhằm đánh giá hết khả năng, kỹ năng mềm của SV như trình bày nói, trình bày viết, phân tích thông tin... 100% ĐCCT của CTĐT TLH có quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, nội dung, tỷ trọng điểm [H5.05.01.06]

[H5.05.01.07] [H5.05.01.08] [H5.05.01.09] [H5.05.01.10] [H5.05.01.11]. Các quy định, hướng dẫn này được công bố rộng rãi cho SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá cũng như bắt đầu mỗi học phần, trong Sổ tay sinh viên, trên trang thông điện tử của Khoa [H5.05.01.12] [H5.05.01.13] [H5.05.01.14]. Việc kiểm tra đánh giá bao gồm: kiểm tra đánh giá liên tục trong quá trình học tập; kiểm tra cuối khóa / thi tốt nghiệp.

Đánh giá đầu vào: Ngay sau khi nhập học, SV được Nhà trường bố trí thi xếp loại trình độ ngoại ngữ theo khung tham chiếu Châu Âu; việc phân loại trình độ ngoại ngữ được thực hiện theo tinh thần tự nguyện của người học [H5.05.01.15]. Việc thi xếp loại trình độ ngoại ngữ cho SV sẽ giúp cho công tác phân loại, tổ chức đào tạo đáp ứng theo các chuẩn đầu ra đã được tuyên bố. CTĐT chất lượng cao và chương trình Cử nhân Tâm lý học có yêu cầu tuyển sinh riêng theo từng năm.

Đánh giá quá trình: Đề cương các môn học trong CTĐT đều nêu rõ mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Từ mục tiêu của môn học, giảng viên xác định các nội dung cần kiểm tra, đánh giá, các cách thức kiểm tra đánh giá và những yêu cầu cụ thể việc kiểm tra đánh giá phù hợp với môn học [H5.05.01.07] [H5.05.01.08] [H5.05.01.10]. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kì; tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận đối với đánh giá cuối kì [H5.05.01.07] [H5.05.01.8]. Tất cả đề thi của Khoa TL-GD đều được trưởng bộ môn phê duyệt, bộ môn xem xét từng câu hỏi sử dụng trong đề có khả năng đánh giá theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của người học như thế nào [H5.05.01.16] [H5.05.01.17].

Riêng với học phần thực hành tại cơ sở, giảng viên phụ trách môn học và nhà tâm lý giám sát tại cơ sở cùng đánh giá SV theo tỉ lệ 50% số điểm cuối kì, điều này đảm bảo cả ba chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ đều được đánh giá không chỉ trên tham chiếu của cơ sở xây dựng CTĐT là Khoa Tâm lý- Giáo dục, mà còn với tham chiếu của đơn vị sử dụng lao động ngành tâm lý [H5.05.01.18].

Đối với thực tập tốt nghiệp, các yêu cầu cụ thể về ý thức, thái độ, ý nghĩa lý luận, thực tiễn, hệ thống khái niệm và phương pháp nghiên cứu, cơ sở nghiên cứu, kết quả nghiên cứu được đặt ra đối với báo cáo thực tập tốt nghiệp bám sát yêu cầu về kiến thức, năng lực của toàn bộ chương trình học [H5.05.01.19] [H5.05.01.20].

Khoa rà soát, đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của từng hình thức KTĐG với đặc thù của môn học và yêu cầu của CĐR học phần, đảm bảo 100% các CĐR của học phần được đánh giá đầy đủ.

Đánh giá đầu ra: Để có đủ điều kiện thực tập tốt nghiệp/ làm khóa luận tốt nghiệp, SV cần đạt các điều kiện cần và đủ theo yêu cầu của Trường ĐHSP-ĐHĐN, các SV cần đạt điểm trung bình chung học tập trên 2,5/4,0 [H5.05.01.02] [H5.05.01.03] [H5.05.01.06] [H5.05.01.21] [H5.05.01.22] [H5.05.01.23] [H5.05.01.24]. Đề tài khóa luận tốt nghiệp phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT và có tính thực tiễn cao. Khóa luận tốt nghiệp đều có quy định cụ thể về quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá. Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp được thành lập theo đúng quy định, tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng đảm bảo độ tin cậy, công bằng đối với SV [H5.05.01.25]. Đối với đánh giá tốt nghiệp, các yêu cầu cụ thể về ý thức, thái độ, ý nghĩa lý luận, thực tiễn, hệ thống khái niệm và phương pháp nghiên cứu, cơ sở nghiên cứu, kết quả nghiên cứu được đặt ra đối với khóa luận.

Nhà trường cũng đã thành lập Phòng KT&ĐBCLGD và giao làm đơn vị chuyên trách về thực hiện các hoạt động KTĐG và Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị phối hợp cùng với các Khoa thực hiện việc tổ chức các kỳ thi giữa học phần, thi kết thúc học phần để đảm bảo việc đánh giá KQHT của SV là khách quan, chính xác và công bằng [H5.05.01.26] [H5.05.01.27] [H5.05.01.28]. Khoa chưa tổ chức lấy ý kiến (người học, cựu SV, GV) về sự phù hợp của kỹ thuật kiểm tra, đánh giá với mức độ đạt được CĐR.

2. Điểm mạnh

- Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Tất cả các đề thi của các môn học đều được Tổ bộ môn xem xét từng câu hỏi đánh giá theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của người học.

- Đối với các học phần thực hành tại các cơ sở thực tập có thêm sự phối hợp đánh giá người học từ các chuyên gia trong ngành Tâm lý đánh giá SV về các tiêu chí như thái độ nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng hành nghề, sự tuân thủ quy tắc nghề tại cơ sở, kỹ năng nghiên cứu....

3. Điểm tồn tại

Đánh giá các chuẩn đầu ra liên quan đến thái độ, hành vi còn gặp khó khăn hơn

so với các chuẩn đầu ra thuộc miền nhận thức theo bảng các mức phân loại Bloom, hầu như chỉ được đánh giá thông qua 20% điểm thường xuyên, hoặc ở một số học phần trực tiếp đề cập đến thái độ thực hành nghề.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Việc đánh giá CDR về thái độ vẫn dựa trên tiêu chí 20% điểm thường xuyên, tuy nhiên với các học phần trực tiếp đề cập đến thái độ thực hành nghề, Khoa triển khai đánh giá kết quả học tập dựa trên toàn bộ quá trình học tập, và điều này được thông báo cho SV ngay từ khi bắt đầu học phần.	Khoa Tâm lý – Giáo dục Tổ TLH	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	- Sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá - Đánh giá kết quả thực tập/ khóa luận tốt nghiệp - Tăng cường hình thức đánh giá thường xuyên	Khoa TLGD Tổ TLH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.2 Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập người học của Khoa TL-GD được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo đại học của Trường ĐHSP- ĐHĐN và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ của Trường ĐHSP- ĐHĐN [H5.05.02.01] [H5.05.02.02] [H5.05.02.03] [H5.05.02.04] H5.05.02.05]. Quy chế đào tạo này được công bố công khai, đầy đủ trên trang website của Trường, cũng như trong Sổ tay sinh viên [H5.05.02.06] [H5.05.02.07].

Nhà trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCLGD để phối hợp với các khoa tổ chức

đánh giá KQHT của người học. Phòng KT&ĐBCLGD đã ban hành Quy định về tổ chức thi, KTĐG kết thúc học phần tại trường ĐHSP-ĐHĐN [H5.05.02.08]. Trong đó, các phương pháp đánh giá kết quả của người học cần đảm bảo sự đa dạng, đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy, đảm bảo sự công bằng (cho người học và các thành viên có liên quan). Trong các văn bản hướng dẫn về công tác khảo thí có nêu rõ trách nhiệm đối với các Khoa về việc đề xuất và thông báo hình thức thi tới người học thông qua đề cương chi tiết [H5.05.02.09].

Tất cả đề cương các học phần đều nêu rõ hình thức, thời gian, tiêu chí, trọng số điểm kiểm tra đánh giá (thi viết, thi vấn đáp...), đặc biệt chú trọng việc xây dựng thang đánh giá rubric liên kết giữa đánh giá – dạy – học gồm: tiêu chí đánh giá về nhận thức, kỹ năng, thái độ; mức độ thành tích đạt được theo yêu cầu của chuẩn môn học và được GV giảng dạy học phần đó cung cấp cho sinh viên lớp học phần, đảm bảo 100% SV hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của người học [H5.05.02.10].

Việc đánh giá kết quả học tập của người học thường xuyên suốt trong quá trình học tập thông qua các hình thức như: thi viết tự luận, thi trắc nghiệm khách quan, thi trắc nghiệm khách quan bằng máy tính, thi kết hợp viết và trắc nghiệm khách quan, thi vấn đáp, thi thực hành, viết tiểu luận... tùy theo tính chất từng môn học [H5.05.02.11]. Đánh giá định kỳ (bài kiểm tra) là đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau khi hoàn thành một phần chương trình của học phần. Điểm học phần là trung bình cộng theo trọng số của điểm đánh quá trình và điểm thi kết thúc học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân (đối với những học phần có thi kết thúc học phần).

Về thời gian, bài kiểm tra giữa kì được thực hiện vào tuần thứ 8, bài kiểm tra cuối kì được thực hiện sau 15 tuần sau khi kết thúc học phần. Trọng số điểm là: chuyên cần (20%), giữa kì (30%), cuối kì (50%) [H5.05.02.10] [H5.05.02.12]. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kì thi cuối kì được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà trường [H5.05.02.13]. Điểm chuyên cần và giữa kì được công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học [H5.05.02.14]. Điểm cuối kì được cập nhật trên cổng thông tin SV [H5.05.02.15]. Thời gian thi kết thúc học phần do phòng KT&ĐBCLGD thực hiện sau đó được trường phê duyệt và công bố cho sinh viên ít nhất 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu [H5.05.02.16]. Điều này cũng khiến việc phản hồi kết quả thi kết thúc học phần giúp cải tiến chất lượng dạy học còn chưa kịp thời.

Mỗi GV giảng dạy phụ trách nhập điểm giữa kỳ lên phần mềm chậm nhất 02 tuần sau khi thi kết thúc giữa và người học có thể kiểm tra điểm trên tài khoản cá nhân của mỗi sinh viên; đồng thời người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn điều chỉnh điểm. Công tác ra đề thi luôn đảm bảo bám sát nội dung kiến thức đã học, có khả năng đánh giá được trình độ của người học. Việc tổ chức kiểm tra đánh giá, chấm điểm đều được thực hiện thống nhất với tất cả các học phần và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá, các biểu mẫu đánh giá khóa học/môn học, đề tài, khóa luận của Nhà trường [H5.05.02.08].

Với bài thi kết thúc học phần, nếu người học chưa thỏa mãn với kết quả thi thì có quyền nộp đơn phúc khảo điểm thi. Đơn phúc khảo nộp trực tiếp cho Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng có nhiệm vụ chuyển bài phúc khảo đến GV các Khoa và cập nhật điểm thi nếu có thay đổi điểm chấm phúc khảo [H5.05.02.17] [H5.05.02.18] [H5.05.02.19].

Đánh giá thực tập cuối khóa và khóa luận của SV đều có bộ tiêu chuẩn cụ thể [H5.05.02.20] [H5.05.02.21] [H5.05.02.22]. Việc kiểm tra, đánh giá và tổ chức thi đã bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn chương trình ở mức độ khá toàn diện. Để được làm khóa luận tốt nghiệp, SV phải đạt điểm trung bình chung học tập trên 2,5/ 4,0 và một số điều kiện khác như tích lũy đủ số tín chỉ... Ngoài đánh giá học phần, thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện của SV theo đúng yêu cầu [H5.05.02.23].

Đối với khóa luận tốt nghiệp, Khoa TL-GD thông báo với sinh viên và giảng viên hướng dẫn thông tin về quy định bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, hội đồng chấm, danh sách giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện, mẫu trình bày khóa luận đến SV. Điểm khóa luận được công khai ngay sau khi Hội đồng thống nhất ý kiến, trong ngày SV bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, phù hợp với quy định để đảm bảo đúng yêu cầu, tiến trình xét tốt nghiệp cho SV [H5.05.02.24].

2. Điểm mạnh

- Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với người học ngay trong tuần sinh hoạt công dân (phát cho SV hoặc đăng tải trên cổng thông tin đào tạo của Nhà trường), Sổ tay SV và Quy chế đào tạo đại học. Toàn bộ giảng viên của Khoa TL-GD đều thực hiện việc thông báo quy định về đánh giá đến SV ngay từ đầu tuần 1 của quá trình giảng dạy. Những yêu cầu cụ thể về kì thi cuối kì được nhấn mạnh

lại ít nhất một lần nữa ngay trước khi kết thúc quá trình giảng dạy.

- Bộ phận trợ lý giáo vụ của Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo của Trường, các đội ngũ cố vấn học tập trong việc thông báo công khai, rõ ràng các thông tin liên quan đến quy định đánh giá kết quả học tập, nên kết quả học tập được chuyển đến SV trong thời gian nhanh nhất có thể.

3. Tồn tại

Việc phản hồi kết quả thi kết thúc học phần giúp cải tiến chất lượng dạy học còn chưa kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Thay đổi quy trình nhập điểm với việc ứng dụng công nghệ thông tin để sử dụng kết quả thi kết thúc học phần giúp cải tiến chất lượng giảng dạy và học tập một cách nhanh chóng và kịp thời	Phòng KT&ĐBCLGD	Từ năm học 2020- 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt quy định về đánh giá KQHT của người học và thông báo công khai đến người học.	Khoa TL-GD Tổ TLH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

GV giảng dạy của CTĐT TLH đã sử dụng tổ hợp các phương pháp trong việc đánh giá KQHT của người học. Giảng viên thực hiện các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, theo quy định về kiểm tra đánh giá [H5.05.03.01] [H5.05.03.02], [H5.05.03.03] [H5.05.03.04] [H5.05.03.05] [H5.05.03.06] [H5.05.03.07]. Theo đó, việc đánh giá kết quả học tập được thực hiện đối với học phần, theo học kỳ và cho toàn khoá học.

Hình thức kiểm tra rất đa dạng: bài kiểm tra viết tại lớp, tiểu luận, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm [H5.05.03.08] [H5.05.03.09] [H5.05.03.10]. Hình thức thi của

mỗi học phần do GV và Trưởng bộ môn thống nhất và ghi rõ trong đề cương chi tiết, và nếu có thay đổi hình thức thì đều phải có sự thống nhất giữa các GV giảng dạy và Trưởng bộ môn.

Đề thi có thể ở dạng câu hỏi tự luận không sử dụng tài liệu, câu hỏi tự luận được sử dụng tài liệu,... được bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng [H5.05.03.11]. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. *Về độ giá trị*, mỗi môn học đều có bộ câu hỏi ôn tập được bộ môn thông qua sau khi họp điều chỉnh, đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương môn học [H5.05.03.08] [H5.05.03.09]. *Về tính tin cậy*, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể. Đề thi và đáp án thi cuối kì được bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá trước khi nộp về Phòng KT&ĐBCLGD [H5.05.03.10] [H5.05.03.11]. Trường/Khoa/ Tổ bộ môn hằng năm tổ chức tổng kết, sơ kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần/môn học/CTĐT [H5.05.03.11] [H5.05.03.12]. Tuy nhiên, Khoa chưa hoàn thiện ngân hàng câu hỏi đề thi học phần của CTĐT TLH.

Bài kiểm tra của SV được chấm chi tiết theo đáp án dưới quy trình chấm được chuẩn hóa (rọc phách, hai giảng viên cùng chấm, vào điểm...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Sự tin cậy và công bằng còn được đảm bảo trong khâu chấm điểm cuối kì. Mỗi bài thi đều yêu cầu có hai giảng viên cùng chấm để hạn chế tính chủ quan khi đánh giá [H05.03.13] [H5.05.03.14]. Nhà trường có sử dụng phần mềm nhập điểm thành phần để giảng viên chủ động nhập điểm [H5.05.03.15]. Quy định về phương pháp đánh giá kết quả học tập được thông báo cho sinh viên [H5.05.03.16] [H5.05.03.17] [H5.05.03.18]. Điểm thành phần các học phần sẽ được đăng tải công khai trên website của Nhà trường và người học sẽ được thông báo công khai trên trang cá nhân [H5.05.03.19].

Với khóa luận tốt nghiệp, Trường/Khoa có yêu cầu cụ thể về quy cách làm khóa luận. Việc chấm điểm thực tập/khóa luận tốt nghiệp có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, công cụ sử dụng, kết quả thực tiễn... Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá thực tập/khóa luận tốt nghiệp [H5.05.03.03] [H5.05.03.04] [H5.05.03.05]. Điểm của khóa luận được rút ra từ điểm của giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện, hội đồng đánh giá (gồm tối thiểu ba thành viên hội đồng) [H5.05.03.20]. Nếu điểm của thành viên nào (kể cả người hướng dẫn và người phản biện) lệch quá 20%

so với điểm trung bình cộng lần 1 sẽ không được tính. Điểm trung bình cộng lần 2 sẽ loại đi điểm của thành viên này. Hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp của Khoa sẽ họp, xem xét lại cách chấm điểm để đảm bảo sự tin cậy của phương pháp đánh giá và tính công bằng đối với SV [H5.05.03.21].

2. Điểm mạnh

- Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng; đề thi đảm bảo độ tin cậy được bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Thang chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi.

- Trường/Khoa có yêu cầu cụ thể về quy cách làm khóa luận. Việc chấm điểm thực tập/khóa luận tốt nghiệp có tiêu chí rõ ràng [H5.05.03.05] [H5.05.03.18].

3. Tồn tại

Khoa chưa hoàn thiện ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa các học phần của CTĐT TLH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện ngân hàng câu hỏi đề thi học phần của CTĐT TLH	Khoa TLGD Tổ TLH	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch rà soát các phương pháp đánh giá KQHT, đảm bảo độ tin cậy, công bằng, khách quan và phù hợp với hình thức ĐT.	Khoa TLGD Tổ TLH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Quy định về phản hồi kết quả đánh giá đến người học được Nhà trường ghi rõ trong Quy định tổ chức thi học phần hệ chính quy. Quy định nêu rõ các cách phản hồi kết quả học tập cho người học đối với từng hình thức thi cụ thể. Đối với thi vấn đáp, khóa luận tốt nghiệp và các học phần thực hành, thực tập, thực tế, giảng viên công bố

điểm cho SV ngay sau khi chấm thi xong. Các hình thức thi trắc nghiệm khách quan, tự luận, tiểu luận, sau khi nhận bài thi từ phòng KT&ĐBCLGD, giảng viên tiến hành chấm bài, trả bài thi trong vòng 07 ngày. Phòng KT&ĐBCLGD lên điểm theo phách trong phần mềm quản lý đào tạo [H5.05.04.01].

Phần mềm quản lý hệ thống giúp Trường quản lý KQHT của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao và hỗ trợ người học tra cứu kết quả học tập của mình dễ dàng, nhanh chóng [H5.05.04.02]. Các quy định phản hồi về kết quả đánh giá được công bố công khai đúng thời gian quy định đến từng GV và SV để thực hiện và kiểm tra giám sát thông qua sổ tay SV, trang website của trường [H5.05.04.03] [H5.05.04.04]. Từ đó, người học tự tin, rút kinh nghiệm, cải thiện việc học tập của mình.

Việc đánh giá quá trình được thực hiện theo quy định đánh giá KQHT của người học, được thể hiện trong đề cương chi tiết của học phần đã được phê duyệt và thông báo công khai cho sinh viên. GV giảng dạy học phần có trách nhiệm đánh giá quá trình bao gồm điểm chuyên cần, điểm thường xuyên và điểm kiểm tra định kỳ. Các bài kiểm tra sau khi chấm phải thông báo điểm và trả lại cho sinh viên, sinh viên có thể thắc mắc về điểm nếu thấy không thỏa đáng [H5.05.04.05]. SV được phản hồi và GV giải đáp ngay tại buổi trả bài kiểm tra, nếu có điều chỉnh hay không điều chỉnh GV cần thông báo công khai và nói rõ lý do. Sau đó, GV sẽ nhập điểm theo danh sách SV của học phần được cung cấp từ phòng KT&ĐBCLGD.

Hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo đã giúp Trường quản lý KQHT của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu. Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai đến GV, SV để thực hiện và kiểm tra giám sát. SV được thông báo các đầu điểm: điểm đánh giá quá trình (chuyên cần, thường xuyên, định kỳ) trước khi kết thúc học phần để có ý kiến phản hồi.

Trước khi bắt đầu thi kết thúc học phần 01 tuần, giảng viên nhập điểm thi giữa kỳ trên hệ thống quản lý và hoàn thiện hồ sơ (bản chính) gửi cho Phòng Đào tạo, bản sao gửi cho Khoa quản lý chuyên môn và Khoa quản lý sinh viên. SV có thể xem điểm của mình trên website quản lý học tập của từng cá nhân. Sau 7 ngày thi kết thúc học phần, người học được biết KQHT. Khi nghỉ ngơi về KQHT, SV có quyền nộp đơn phúc khảo bài thi về Phòng KT&ĐBCLGD. Phòng KT&ĐBCLGD tổng hợp danh sách sinh viên phúc khảo bài thi và gửi biên bản cùng bài thi chấm phúc khảo đến Khoa chuyên

môn [H5.05.04.06]. Tổ trưởng bộ môn lập danh sách phân công cán bộ chấm phúc khảo bài thi theo quy định của Nhà trường. Nếu có sự sai lệch điểm thi thì Phòng KT&ĐBCLGD dựa vào biên bản và bài thi đã chấm phúc khảo để điều chỉnh điểm trên phần mềm quản lý hệ thống. Điểm bài phúc khảo sau cùng sẽ được thông báo tới người học để lập kế hoạch học tập phù hợp hơn. Sau mỗi học kì, Nhà trường tổ chức thi kết thúc học phần, đánh giá KQHT của SV, xét học vụ và công bố KQHT của người học trên trang thông tin của Nhà trường [H5.05.04.07]. KQHT của SV được nhập chính xác, lưu trữ đầy đủ đúng quy trình tại Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng Đào tạo và các Khoa chuyên môn bằng bản giấy và trên phần mềm quản lý hệ thống. Bảng điểm lưu giữ KQHT của SV theo từng học kì được Phòng Đào tạo, Khoa TL-GD quản lý và được bảo đảm an toàn theo quy trình xác định, thuận lợi cho việc tra cứu điểm khi cần thiết. Những quy định về thi cuối kỳ, đánh giá KQHT của người học được Nhà trường công bố công khai đến GV và người học, đến email của từng Khoa chuyên môn và công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

Nhà trường đã nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phản hồi kịp thời kết quả đánh giá kết quả học tập của SV, do đó đã xây dựng hệ thống quản lý đo lường đánh giá chặt chẽ, khoa học, khách quan, chính xác công bằng và phản hồi kịp thời tới người học để nâng cao chất lượng đào tạo giúp sinh viên chủ động trong cả quá trình học tập của mình. Thông tin phản hồi về đánh giá KQHT được SV sử dụng để cải thiện việc học tập. Dựa vào KQHT và điểm rèn luyện của từng kì; căn cứ vào quyết định cảnh báo học vụ hằng kỳ để SV lập phương án học tập thích hợp, tránh được tình trạng bị buộc thôi học khi bị cảnh báo 3 kỳ liên tiếp [H5.05.04.08] [H5.05.04.09] [H5.05.04.10] [H5.05.04.11]. Với cách thức thông báo điểm thi trên phần mềm hệ thống và sinh viên tự kiểm tra theo tài khoản cá nhân nên luôn được sinh viên phản hồi hài lòng về hình thức thực hiện. Đôi khi do lỗi mạng, phần mềm một số học phần chưa đáp ứng về tiến độ. Từ kết quả khảo sát, đánh giá môn học và đánh giá chất lượng khóa học của Nhà trường cho thấy đa số SV và cựu SV hài lòng với việc thông báo điểm thi kịp thời và cách thức GV cung cấp thông tin phản hồi về bài làm của SV giúp họ điều chỉnh kịp thời các hoạt động học tập để cải thiện chất lượng [H5.05.04.12].

2. Điểm mạnh

KQHT của người học được thông báo kịp thời, đúng quy định và được lưu trữ đầy đủ dưới nhiều hình thức khác nhau đảm bảo chính xác, an toàn và hạn chế được sai

sốt trong quá trình cung cấp KQHT.

3. Tồn tại

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá của một số học phần chưa được sử dụng hiệu quả để cải thiện việc học tập của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng hiệu quả để cải thiện việc học tập của SV.	Phòng KT&ĐBCLG, Khoa TL-GD	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tập huấn cho đội ngũ cố vấn học tập của Khoa để phối hợp tốt hơn với SV trong việc cải thiện việc học của họ.	Khoa TLGD Tổ TLH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường quy định cụ thể trong Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần và được công bố công khai [H5.05.05.01] [H5.05.05.02].

KQHT của người học được GV phụ trách học phần thông báo và điểm được đưa lên phần mềm quản lý hệ thống của Nhà trường. SV có thể tiếp cận, để xem điểm của từng học phần của mình một cách dễ dàng. Từ điểm trên hệ thống này, nếu phát hiện ra bất kỳ sai sót nào, SV có thể khiếu nại về KQHT.

- Đối với điểm quá trình, SV khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy học phần đó khi GV công bố công khai kết quả học tập, GV giảng dạy học phần trực tiếp giải quyết các ý kiến của người học

- Đối với kết quả điểm thi kết thúc học phần, sau khi người học thấy điểm thi công bố trên cổng thông tin điện tử không chính xác thì gửi đơn phúc khảo lên Phòng KT&ĐBCLGD đề nghị xem xét lại chậm nhất 1 tuần sau khi công bố điểm. Phòng KT&ĐBCLGD có nhiệm vụ tiếp nhận các khiếu nại về kết quả thi của người học. Đơn

phúc khảo được lấy theo mẫu tại Phòng hoặc tại website của Phòng [H5.05.05.03] [H5.05.05.04]. Phòng KT&ĐBCLGD tổng hợp danh sách sinh viên phúc khảo bài thi và gửi biên bản cùng bài thi chấm phúc khảo đến Khoa chuyên môn [H5.05.05.05] [H5.05.05.06]. Tổ trưởng bộ môn lập danh sách phân công cán bộ chấm phúc khảo bài thi theo quy định của Nhà trường. Việc chấm phúc khảo sẽ do Trưởng bộ môn phân công hai giảng viên khác với GV chấm lần 1 để quy trình đánh giá lại được hoàn toàn khách quan. Kết quả cuối cùng phải do Trưởng bộ môn ký xác nhận mới được công bố. Điểm sau phúc khảo là kết quả cuối cùng của học phần. Nếu có sự sai lệch điểm thi thì Phòng KT&ĐBCLGD dựa vào biên bản và bài thi đã chấm phúc khảo để điều chỉnh điểm trên phần mềm quản lý hệ thống [H5.05.05.07]. Sau khi cập nhật điểm phúc khảo trên phần mềm quản lý hệ thống, Phòng KT&ĐBCLGD công bố kết quả phúc khảo bài thi trên trang thông tin điện tử của Trường và Phòng [H5.05.05.04]. Phòng KT&ĐBCLGD luôn có sổ theo dõi khiếu nại, trả lời kết quả khiếu nại hàng năm [H5.05.05.08].

Đối với KQHT khiếu nại của người học cũng được Nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác trên phần mềm quản lý hệ thống của Nhà trường.

Theo dõi thông kê sổ phúc khảo năm học 2019-2020 về sự phản hồi đánh giá KQHT thấy, ngoài số bài phúc khảo được giữ nguyên điểm (chiếm 73%) còn có khoảng 27% số bài được tăng điểm [H5.05.05.09]. Như vậy, có thể nói quá trình phúc khảo của SV và chấm phúc khảo của GV diễn ra công khai, minh bạch, đảm bảo tính khách quan, trung thực. Từ đó tạo động lực để SV không ngừng phấn đấu, không ngừng rèn luyện trong học tập. Bên cạnh đó, khẳng định được quá trình chấm thi, quá trình vào điểm ... vẫn tìm thấy sai sót, tuy nhiên không nghiêm trọng.

Thực tế cho thấy, trong 5 năm (2016-2020) Khoa TLGD đã tổ chức rất nhiều kỳ thi với số lượng bài thi tự luận, vấn đáp, thực hành của rất nhiều học phần, nhưng số lượng bài thi có đơn đề nghị phúc khảo rất ít, đã thể hiện sự khách quan, công bằng, độ tin cậy, chính xác của hoạt động chấm thi.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học và được công bố công khai.
- Người học được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần.
- Số lượng sinh viên phúc khảo ít

3. Tồn tại

Nhà trường chưa triển khai hệ thống phúc khảo online để SV dễ dàng tiếp cận với quy trình phúc khảo, khiếu nại về kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường chưa triển khai hệ thống phúc khảo online	Phòng KT&ĐBCLGD	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và thực hiện tốt quy trình khiếu nại, thông báo và chỉ rõ sinh viên cách thức tiếp cận với quy trình.	Khoa TL-GD Tổ TLH Phòng KT&ĐBCLGD	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Mặc dù còn một số tồn tại như đã nêu, nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của người học ở Khoa TL-GD được thực hiện theo đúng quy định, bám sát các hướng dẫn của ĐHĐN và Trường ĐHSP để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Khoa TL-GD luôn tập trung sâu vào đánh giá kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học thông qua các kì thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí: 5/ 7

TIÊU CHUẨN 6

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Mở đầu

Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên có ý nghĩa quan trọng đối với CTĐT của ngành. Đội ngũ này là cơ sở nền tảng để xây dựng, thực hiện, triển khai và phát triển CTĐT. Do đó, việc phân tích thực trạng đội ngũ GV, cán bộ viên chức không chỉ nhằm đánh giá điểm mạnh, điểm yếu để thực hiện, triển khai chương trình đào tạo của ngành mà còn có vai trò to lớn trong việc đề xuất các giải pháp, biện pháp khắc phục các điểm yếu, phát huy các điểm mạnh về cả số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, để từ đó xây dựng, điều chỉnh, thực hiện và phát triển chương trình đào tạo ngày càng hoàn thiện, tốt hơn đáp ứng mục tiêu, chiến lược của Nhà trường, Khoa và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Đội ngũ GV, nghiên cứu viên có vai trò quan trọng hàng đầu trong sự phát triển của nhà trường cũng như quyết định chất lượng đào tạo và NCKH. Trên cơ sở Sứ mạng Tầm nhìn, Trường xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ GV trường ĐHSP- ĐHĐN giai đoạn 2012-2016; 2017-2022 và kế hoạch quy hoạch phát triển đội ngũ GV [H6.06.01.01]. Để thực hiện chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực gắn với Tầm nhìn và Mục tiêu chiến lược, trên cơ sở Trường xây dựng Đề án Vị trí việc làm để xác định được nhu cầu đáp ứng về số lượng CBGV và nhân viên so với yêu cầu công việc [H6.06.01.02]. Công tác quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, khoa học, phù hợp với quy định chung của Nhà trường, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Định hướng phát triển công tác cán bộ của Khoa luôn phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường [H6.06.01.03]

Hiện nay, đội ngũ cán bộ, GV của Khoa bao gồm 20 người. Độ tuổi bình quân của cán bộ cơ hữu Khoa là 33,45 tuổi; Số cán bộ đạt trình độ Tiến sĩ là 9 (chiếm 45%); số cán bộ đang làm nghiên cứu sinh trong nước là 02 (5,26%) [H6.06.01.04]. Cụ thể:

Bảng 6.1.1. Thống kê trình độ của đội ngũ giảng viên theo năm học

Năm học	Tổng cộng	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
2015-2016	23	0	02	04	19	0
2016-2017	24	0	02	05	17	01
2017-2018	23	0	03	07	16	01
2018-2019	20	0	02	09	11	0
2019 -2020	19	0	02	11	7	0

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, Ban chủ nhiệm Khoa và CTĐT ngành TLH đã xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong 5 năm nhằm đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu [H6.06.01.05]. Trong bản mô tả vị trí việc làm, tùy từng cấp bậc, Khoa đã mô tả các nhiệm vụ cơ bản của GV xoay quanh các vấn đề về giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đây là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV [H6.06.01.02]. Ngoài hướng nghiên cứu đã được xác định, Khoa xác định các chỉ tiêu cụ thể đối với các nhiệm vụ NCKH, đặc biệt là các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ và các bài báo quốc tế [H6.06.01.06]. Hằng năm, Khoa triển khai cho CBVC lập kế hoạch năm học cá nhân trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có nhiệm vụ NCKH [H6.06.01.07].

Để thực hiện chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực gắn với Tầm nhìn và Mục tiêu chiến lược, Nhà trường đã ban hành quy trình tuyển dụng giảng viên với các quy định và yêu cầu nghiêm ngặt, dựa trên Luật Giáo dục Đại học, Luật Viên chức và quy định của Trường [H6.06.01.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH [H6.06.01.02] [H6.06.01.09]

Khoa thực hiện các chính sách phát triển đội ngũ: tuyển mới GV trẻ và có năng lực đã được đào tạo Sau đại học tại các cơ sở giáo dục uy tín trong và ngoài nước để trở thành cán bộ nguồn [H6.06.01.10]. Đội ngũ GV từng bước được trẻ hóa nhưng vẫn đảm bảo sự kế thừa giữa các thế hệ; GV mới được tuyển dụng thể hiện định hướng và cam kết với Nhà trường bồi dưỡng và nâng cao năng lực chuyên môn [H6.06.01.11]. Khoa và Nhà trường có chiến lược quy hoạch phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn và cũng như

có hình thức hỗ trợ phù hợp [H6.06.01.12]. Việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn cho từng cán bộ được giao cho các tổ bộ môn đảm nhận, các GV trẻ trước khi đứng lớp đều được 1 GV có kinh nghiệm hướng dẫn, bồi dưỡng về chuyên môn [H6.06.01.13]. Theo lộ trình phát triển đội ngũ của Khoa, phân đầu đến năm 2020, cán bộ GV cơ hữu có học vị tiến sĩ là 7 nhưng đã vượt chỉ tiêu (năm 2020, có 9 giảng viên đạt trình độ tiến sĩ). Việc tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc được thực hiện theo *Quy trình tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp* [H6.06.01.14].

Trong thời gian 5 năm vừa qua, để đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy cho CTĐT; Khoa luôn thu hút và tuyển dụng GV có trình độ về giảng dạy tại Khoa. Đội ngũ cán bộ được tuyển dụng, Ban chủ nhiệm khoa luôn quan tâm và đầu tư đặc biệt cho việc bồi dưỡng nâng cao chuyên môn đáp ứng yêu cầu giảng dạy của CTĐT, thông [H6.06.01.15].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV được thực hiện nghiêm túc đúng các quy định hiện hành của Luật lao động và Luật Viên chức [H6.06.01.16]. Hàng năm, Nhà trường và Ban Chủ nhiệm Khoa có kế hoạch cụ thể về gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng với GV nghỉ hưu. Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng hoặc nghỉ hưu, kéo dài thời gian công tác đều được thông báo trước cho Ban Chủ nhiệm khoa và đương sự. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành [H6.06.01.17].

Theo kế hoạch của Nhà trường, hàng năm Ban Chủ nhiệm Khoa luôn chú ý tiến hành rà soát, quy hoạch công tác cán bộ. Theo kế hoạch, Trường và Khoa tiến hành việc quy hoạch các chức danh cán bộ quản lý từ Trưởng bộ môn đến Phó Trưởng khoa, Trưởng khoa, Hiệu phó, Hiệu trưởng [H6.06.01.18].

2. Điểm mạnh

- Đội ngũ GV của CTĐT có trình độ chuyên môn đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Trường có chiến lược và kế hoạch sử dụng đội ngũ hiệu quả thể hiện qua tỉ lệ tiến sĩ tăng nhanh từ năm 2017-2019.

3. Điểm tồn tại

Chế độ đãi ngộ trong tuyển dụng của Nhà trường chưa thu hút được GV có trình độ cao cho CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần ban hành chính sách hỗ trợ phù hợp để có thể tuyển dụng, thu hút được GV có chất lượng cao cho CTĐT.	P. TC-HC	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, bổ sung Quy hoạch ngắn hạn (1 năm), dài hạn (5 năm) về tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ GV của CTĐT.	P. TC-HC	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Căn cứ vào sứ mạng và tầm nhìn, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ CBVC giai đoạn 2017-2022 [H6.06.02.01]. Cụ thể: Đến năm 2020, Trường có 280 GV, trong đó:

- Tỷ lệ Giáo sư, PGS: đạt trên 7% trong tổng số GV (25)
- Tỷ lệ Tiến sĩ đạt trên 40% trong tổng số GV (120)
- Tỷ lệ Thạc sĩ 100 %
- GV dưới 40 tuổi phải có trình độ ngoại ngữ đủ điều kiện để gửi đi đào tạo ở nước ngoài. GV tuyển dụng mới phải đảm bảo chuẩn ngoại ngữ B2 hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương
- 80% GV có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ sử dụng thành thạo 1 ngoại ngữ trong giao tiếp và làm việc với khách quốc tế, sử dụng thành thạo máy vi tính trong công tác giảng dạy, quản lí. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên ngành Tâm lý học trong năm học 2019-2020 là 15,95 [H6.06.02.02] [H6.06.02.03] [H6.06.02.04].

Bảng 6.2.1. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên

Năm học	Tổng số GV	Tổng số người học	Tỷ lệ sinh viên/GV
---------	------------	-------------------	--------------------

2015 - 2016	33	201	6,09
2016 - 2017	33,3	223	6,70
2017 - 2018	39,3	293	7,46
2018 - 2019	35	330	9,43
2019 - 2020	35	319	9,11

Ghi chú: Số lượng GV tính theo tỉ lệ FTE

Nhìn chung, tỉ lệ sinh viên/giảng viên đáp ứng được yêu cầu đào tạo. Mặc dù tỉ lệ này có xu hướng tăng nhưng vẫn thấp hơn 20. Đội ngũ GV của ngành với số lượng đông và ngày càng nâng cao về chất lượng, trình độ, kinh nghiệm nên luôn đảm bảo được chất lượng giảng dạy cũng như tư vấn học thuật cho SV. Do đó, tỷ lệ SV/GV phù hợp với quy định [H6.06.02.05].

Để đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng đào tạo, phát triển chương trình, Khoa thực hiện xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển đội ngũ trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ [H6.06.02.06]. Việc này được thực hiện dựa trên qui định của Nhà trường về vị trí việc làm [H6.06.02.07].

Khoa luôn chú trọng việc nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cũng như ngoại ngữ, do đó tăng cường hiệu quả làm việc với khách quốc tế, sử dụng thành thạo máy vi tính trong công tác giảng dạy, quản lí. Điều này được thể hiện ở hồ sơ năng lực của giảng viên [H6.06.02.08].

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được quy đổi theo giờ chuẩn được cụ thể hóa cho từng đối tượng GV (GV và GV giữ chức vụ quản lý). Trường qui định số giờ giảng của giảng viên sau 1 năm tập sự là 140giờ/năm, giảng viên (hạng 3) là 280 giờ/năm, giảng viên chính (360 giờ/năm). Đồng thời, Nhà trường qui định số giờ NCKH của giảng viên như sau: Giảng viên 600giờ/năm, giảng viên chính (660 giờ/năm), phó Giáo sư và Giảng viên cao cấp là 720 giờ/năm, Giáo sư là 840 giờ/năm [H6.06.02.09]. Đồng thời, Nhà trường cũng qui định chế độ khen thưởng đối với các hoạt động KH&CN của giảng viên, tạo động lực cho đội ngũ giảng viên trong nghiên cứu khoa học [H6.06.02.11]. Mặt khác, Nhà trường cũng quy định việc đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động khá chi tiết, cụ thể [H6.06.02.12]. Chính vì vậy, trong những năm qua, đội ngũ giảng viên của Khoa đã đạt được những kết quả đáng kể trong lĩnh vực này.

Bảng 6.2.2. Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ các cấp của Khoa từ năm

2016 đến tháng 7/2020

Năm học	Tổng cộng	Cấp cơ sở	Cấp ĐHDN	Cấp Bộ	Cấp Nhà nước	Địa phương
2015-2016	03	02	01	0	0	0
2016-2017	03	02	0	0	0	0
2017-2018	06	04	01	01	0	0
2018-2019	11	04	04	02	0	01
2019 -2020	03	0	02	0	0	01

Số lượng đề tài NCKH các cấp của cán bộ, giảng viên Khoa có sự gia tăng và nâng cao chất lượng ở các cấp. Nếu năm học 2015-2016 chỉ có 3 đề tài được nghiệm thu thì đến năm 2018-2019 tăng gấp gần 4 lần (11 đề tài nghiên cứu các cấp được nghiệm thu). Đồng thời, số lượng đề NCKH cấp Bộ được nghiệm thu cũng tăng lên đáng kể, đặc biệt là năm 2018-2019 [H6.06.02.13]. Mặt khác, Khoa cũng đẩy mạnh triển khai và thực hiện các đề tài NCKH ở các địa phương nhằm chuyển giao khoa học và công nghệ đến cộng đồng xã hội. Năm học 2018-2019, Nhóm nghiên cứu và giảng dạy của Khoa đã thực hiện và nghiệm thu thành công đề tài cấp Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng “Xây dựng chương trình phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học thành phố Đà Nẵng” [H6.06.02.14]. Hiện nay, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của Khoa đang thực hiện đề tài “Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp can thiệp cộng đồng phòng chống trầm cảm ở người cao tuổi tại thành phố Quảng Ngãi” [H6.06.02.15].

Bảng 6.2.3. thể hiện được số lượng các bài đăng trên tạp chí quốc tế, trong nước của cán bộ giảng viên công bố theo các năm ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là những công bố trên Tạp chí quốc tế uy tín [H6.06.02.16]. Điều này thể hiện Khoa và Nhà trường chú trọng đến công tác NCKH của đội ngũ GV, làm tiền đề cho việc cải tiến chất lượng giảng dạy.

Bảng 6.2.3. Số lượng ấn phẩm nghiên cứu của giảng viên của Khoa

Năm học	Hình thức xuất bản			Tổng số
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí/tập san của cấp trường	
2015 - 2016	1	1	5	7
2016 - 2017	2	4	0	6
2017 - 2018	4	6	4	14
2018 – 2019	4	6	0	10
2019 - 2020	12	22	1	35

Về công tác giảng dạy, trước mỗi học kỳ giảng dạy, Nhà trường triển khai công việc phân công giảng dạy, báo giảng đến từng Khoa, trên cơ sở đó, Khoa triển khai cho các Bộ môn tiến hành phân công giảng dạy, Khoa xét duyệt và chuyển về Phòng đào tạo tiến hành thực hiện báo giảng [H6.06.02.17]. Sau mỗi học kỳ, phòng Đào tạo sẽ thống kê toàn bộ khối lượng giảng dạy qui đổi của giảng viên [H6.06.02.18] [H6.06.02.19], từ đó, phòng Kế hoạch – Tài chính căn cứ khối lượng này để thanh toán giờ giảng cho giảng viên [H6.06.02.18] [H6.06.02.19] [H6.06.02.20]. Đồng thời, Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế cũng tiến hành thống kê và thực hiện qui đổi giờ NCKH theo qui định [H6.06.02.21]. Đây là cơ sở để Nhà trường tiến hành xét duyệt mức phụ cấp ưu đãi hàng năm cho cán bộ, giảng viên [H6.06.02.22]. Mặt khác, mỗi cá nhân tiến hành tự đánh giá, xếp loại cá nhân sau từng năm học, Khoa tiến hành họp và xếp loại thi đua cho từng cá nhân [H6.06.02.23], trên cơ sở đó, Nhà trường tiến hành họp, đánh giá xếp loại thi đua, khen thưởng và ra quyết định công nhận [H6.06.02.24]. Ngoài ra, tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ là cơ sở để hưởng thu nhập tăng thêm theo quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường và để xếp loại thi đua vào cuối năm [H6.06.02.25] [H6.06.02.26].

Nhìn chung, cán bộ, GV của Khoa hài lòng với khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá của Khoa và Nhà trường về công việc GV đã thực hiện.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học/GV và khối lượng công việc của từng GV ngành TLH được xác định rõ ràng và đủ điều kiện để tuyển sinh cũng như giảng dạy của ngành. Khoa TLGD

có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, luôn tâm huyết với nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Hàng năm, đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành khối lượng giảng dạy và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, Khoa TLGD chưa có cán bộ có học hàm GS. Trình độ ngoại ngữ giữa các giảng viên trong khoa còn chưa đồng đều, do đó các bài báo có công trình quốc tế theo thang điểm chức danh chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Đến năm 2025 ít nhất có từ 1-2 GS giảng dạy cho ngành TLH. - Đề xuất với Nhà trường tạo điều kiện về thời gian và sẽ hỗ trợ kinh phí đào tạo cho GV tham gia vào các khóa học tiếng Anh nếu đạt được kết quả thi IELTS từ 6,0 trở lên hoặc tương đương.	Phòng Tổ chức – Hành chính Khoa TLGD Tổ TLH	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát lại các quy định về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV để đáp ứng được công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Phòng Tổ chức – Hành chính Khoa TL-GD Tổ TLH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Việc phát triển đội ngũ GV, nghiên cứu viên có ý nghĩa hết sức quan trọng. Điều này được Nhà trường thể chế hoá thông qua các quy định cũng như việc chi tiết hoá, mô tả vị trí công việc tùy thuộc vào từng chức danh khác nhau [H6.06.03.01] [H6.06.03.02]. Đây là cơ sở để Trường thực hiện công tác tuyển dụng. Trường có các tiêu chí tuyển

dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ [H6.06.03.03] [H6.06.03.04].

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng CBVC đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho các đơn vị [H6.06.03.05]. Để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ, đặc biệt phát triển các nhà giáo xuất sắc, Khoa đã đề thống nhất các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, NCV để có đội ngũ chất lượng phục vụ mục tiêu phát triển của Trường, Khoa; trong đó yêu cầu người được tuyển dụng phải đạt các tiêu chí cơ bản:

- Có trình độ chuyên môn giỏi; có năng lực sáng tạo, tư duy đổi mới
- Có đạo đức tốt, sức khỏe tốt
- Có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc
- Yêu nghề, gắn bó với Nhà trường

Thông báo tuyển dụng được công khai bằng văn bản và trên website của Khoa, Trường và qua nhiều kênh truyền thông khác [H6.06.03.06]. Tất cả GV này đều trải qua kì thi tuyển viên chức và sát hạch về chuyên môn với sự cạnh tranh cao. Quy trình này được thực hiện một cách chặt chẽ và minh bạch [H6.06.03.07]. Sau khi trúng tuyển, Nhà trường sẽ tiến hành các thủ tục công nhận trúng tuyển, kí hợp đồng làm việc theo qui định [H6.06.03.08].

Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ, đảm bảo việc thực hiện chương trình đào tạo, Khoa cũng như Nhà trường đã có các chính sách nhân sự như: thu hút đội ngũ cán bộ, GV có trình độ cao trong tuyển dụng cũng như chính sách nâng bậc lương trước thời hạn... [H6.06.03.09] [H6.06.03.10]

Trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các qui định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GV chính, phó giáo sư, giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó Khoa, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm Lãnh đạo khoa, Trưởng bộ môn ngoài việc dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ mà còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý của Khoa và Nhà trường. Việc bổ nhiệm và quy hoạch cán bộ đều

được thực hiện có quy trình: lấy phiếu tín nhiệm cấp Bộ môn, cấp Khoa, Ban Giám hiệu, Đảng ủy Nhà trường thông qua cuộc họp [H6.06.03.11].

Bên cạnh việc bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, việc bổ nhiệm các chức danh chuyên môn theo tiêu chuẩn nghề nghiệp cũng được tiến hành theo qui định [H6.06.03.13]

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa TLGD có kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển dụng cao (chỉ tuyển người đã có trình độ TS), do đó, việc thu hút được GV đáp ứng tiêu chí này về công tác tại Khoa còn gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng những chính sách tuyển dụng nhân sự chất lượng cao cho ngành	- Phòng TC-HC - Khoa TLGD Tổ TLH	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phổ biến rộng rãi các văn bản về tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển, trên website của Nhà trường và Khoa TLGD.	Phòng Tổ chức – Hành chính Khoa Tâm lý – Giáo dục Tổ TLH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ GV là yếu tố quyết định đến chất lượng đào tạo của Nhà trường. Đội ngũ GV được tuyển chọn theo các tiêu chuẩn quy định đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.04.01]. Nhà trường cũng ban hành cũng như hướng dẫn qui định, cách thức để đánh giá xếp loại năng lực CBVC hàng năm [H6.06.04.02]. Trong định hướng phát triển của Khoa, CTĐT TLH đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Năng lực của đội ngũ GV được xác định bao gồm cả 3 yêu cầu: năng lực giảng, NCKH và phục vụ cộng đồng. Những ứng viên được tuyển làm GV của Trường đại học ĐHSP-ĐHĐN nói chung và Khoa TLGD nói riêng đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về

học vị, ngoại ngữ, và nghiệp vụ sư phạm [H6.06.04.03]. Sau khi trúng tuyển, họ đều được cử đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm do ĐHĐN tổ chức [H6.06.04.04]. 100% các GV ngành TLH được Khoa, Nhà trường đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% tỷ lệ giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, 100% tỷ lệ giảng viên trình độ tin học, ngoại ngữ bắt buộc theo quy định. Đội ngũ GV cũng tích cực tham gia NCKH và có nhiều công trình chất lượng [H6.06.04.05]. Bên cạnh đó, GV còn tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: ủng hộ người nghèo, đồng bào bị bão lụt, người dân bị ảnh hưởng dịch covid-19,... [H6.06.04.06]. Như vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa ban hành qui định hồ sơ giảng dạy của giảng viên, trong đó chú trọng việc thiết kế và triển khai chương trình dạy và học, xây dựng đề cương học phần, triển khai các phương pháp dạy, học, đánh giá theo CDR, năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học [H6.06.04.07]. Nhà trường quy định đối với GV trong việc tham gia hội thảo, hướng dẫn SV làm khóa luận tốt nghiệp, đào tạo thực tế hoặc đưa SV đi thực tập [H6.06.04.08] [H6.06.04.09] [H6.06.04.10]. Đồng thời, Nhà trường qui định giảng viên hướng dẫn sinh viên NCKH, cụ thể mỗi GV hướng dẫn 02 đề tài/năm học [H6.06.04.11].

Việc đánh giá các học phần của được thông qua việc triển khai của Phòng KT&ĐBCLGD [H6.06.04.12]. Kết thúc mỗi học phần, Phòng KT&ĐBCLGD đều lấy ý kiến phản hồi của người học về môn học thông qua phiếu đánh giá và trên hệ thống Website. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của SV đều cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học. SV đánh giá cao hoạt động giảng dạy của GV CTĐT TLH [H6.06.04.13].

Trên cơ sở đó, vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới [H6.06.04.14]. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức năng nhiệm vụ theo chức danh, nhiệm vụ được giao. Sau đó, Lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua và quyết định công nhận [H6.06.04.15]. Công tác bình xét thi đua – khen thưởng hàng năm giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, giúp cho các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của cán bộ và có tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu trong toàn Khoa, từ đó có định

hướng chiến lược phát triển phù hợp. Dữ liệu GV tự đánh giá sẽ làm căn cứ để điều chỉnh các chính sách, xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ đào tạo của Khoa và Bộ môn TLH. Các kết quả đánh giá cũng phục vụ công tác thi đua, khen thưởng, xét nâng bậc lương, luân chuyển, phân công công tác hoặc thôi việc. Danh sách các GV trong diện đánh giá, đến hạn đánh giá và kết quả đánh giá và lộ trình yêu cầu cho GV các được thông báo trong toàn trường [H6.06.04.16] [H6.06.04.17].

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp. Phần lớn các GV của Khoa có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức tương đối cao điểm đạt từ 90 đến 96%, xếp loại A và nhiều cá nhân được khen thưởng [H6.06.04.18].

Như vậy, các khen thưởng của cán bộ, GV hết sức đa dạng cả về loại hình và cấp độ. Ngoài ra, trong lĩnh vực KH&CN, một số cũng được Nhà trường khen thưởng, vinh danh vì đạt thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học [H6.06.04.19].

2. Điểm mạnh

- Kế hoạch, quy trình, quy chế đánh giá năng lực của đội ngũ GV đã được quan tâm và thực hiện theo đúng quy định.
- Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.
- Đội ngũ cán bộ GV của Khoa có trình độ Tiến sĩ được đào tạo trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Chưa có hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ để đánh giá xếp loại viên chức hàng năm (trong đó có giảng viên).

4. Kế hoạch hành động

	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng phần mềm đánh giá cán bộ viên chức hàng năm	P. CSVCTổ CNTT&TT	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện bộ công cụ đánh giá năng lực	P. TC-HC	Hàng năm

		Tiếp tục động viên, khuyến khích cán bộ, GV học tập bậc Tiến sĩ trong và ngoài nước	K.TL-GD	
--	--	---	---------	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Công tác phát triển đội ngũ được lãnh đạo Trường chú trọng trong suốt những năm qua. Năm 2017, Trường đã xây dựng và ban hành *Chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2017 - 2022* làm nền tảng công tác phát triển đội ngũ [H6.06.05.01]. Căn cứ vào nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, Nhà trường đã xây dựng quy trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng sự phát triển của Nhà trường [H6.06.05.02]. Để xác định cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ GV, NCV, Nhà trường triển khai cho các đơn vị xây dựng kế hoạch bồi dưỡng CBVC [H6.06.05.03]. Đồng thời, Nhà trường thực hiện báo cáo đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của mỗi đơn vị, đặc biệt là các Khoa chuyên môn để từ đó có phương án phát triển đội ngũ [H6.06.05.04].

Hoạt động bồi dưỡng, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa TLGD luôn bám sát quy định về phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn của Nhà trường [H6.06.05.05]. Hàng năm, Nhà trường đều cử cán bộ GV của Khoa đi đào tạo trong nước và nước ngoài nhằm nâng trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng dạy [H6.06.05.06]. Đồng thời, Nhà trường và Khoa cũng cử đội ngũ GV tham dự các khoá bồi dưỡng nhằm nâng cao nghiệp vụ cho GV như: Bồi dưỡng E-learning, tập huấn, Lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực công bố quốc tế, Lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực huy động nguồn nhân lực thuộc dự án FCB, Tập huấn về giáo dục STEM trong giáo dục trung học tại thành phố Đà Nẵng, Tập huấn dạy học tích hợp các vấn đề toàn cầu trong trường đại học,... [H6.06.05.07]. Nhà trường phân bổ kinh phí cho GV đi đào tạo bồi dưỡng thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.05.08] [H6.06.05.09]. Nhờ những chính sách phát triển đội ngũ của Nhà trường, trong những năm qua đội cán bộ, GV của đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Trong giai đoạn từ 2013-2020, 7 GV đã hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ. Hiện tại, khoa có 3 GV đang học NCS trong và ngoài nước. Nhìn chung, đội ngũ cán

bộ, GV trong những năm qua đã được đào tạo chuyên môn, đặc biệt là trình độ tiến sĩ trong và ngoài nước như: Liên bang Nga, Trung Quốc [H6.06.05.10].

Bảng 6.5.2. Tổng hợp tình hình GV được bồi dưỡng đào tạo và phát triển chuyên môn của Khoa TL-GD

STT	Nội dung đào tạo	Trong nước	Quốc tế	Kết quả đã tốt nghiệp	Tỷ lệ (%)
1.	Nghiên cứu sinh trong và ngoài nước	5	5	6	60
2.	Bồi dưỡng cho giảng viên giảng dạy chuyên ngành bằng Tiếng Anh				
3.	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đại học	19		19	100
4.	Bồi dưỡng lý luận chính trị - hành chính	4		3	75
5.	Các khóa đào tạo ngắn hạn về TLH		2	2	
6.	Hội thảo khoa học	5	4	9	100
7.	Seminar khoa học	4	5		

Bên cạnh hoạt động nâng cao trình độ, công tác nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cũng được Khoa, Nhà trường chú trọng. Trong 5 năm qua, 100% GV có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm [H6.06.05.11]. Hơn nữa, hiện nay, ngoài 1 cán bộ đang tham gia học, Khoa đã có 3 cán bộ GV đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị [H6.06.05.12]. Nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, cán bộ giảng viên của Khoa cũng đã tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về Tâm lý học như: Tập huấn sử dụng trắc nghiệm đo lường trí tuệ trẻ em (WISC 5), Tập huấn phục hồi chức năng tâm lý cho trẻ khuyết tật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng,... [H6.06.05.13],

Tất cả các hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ được tổng kết, báo cáo và đánh giá thông qua báo cáo tổng kết và phương hướng năm học của Khoa và Nhà trường [H6.06.05.14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng đến chất lượng và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao như cử đi đào tạo ngắn hạn và dài hạn tại nước ngoài.

Nội dung nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo...). Các hoạt động triển khai các khóa tập huấn cho GV nhanh chóng, hiệu quả.

Nhà trường tổ chức và cử GV tham gia khoá bồi dưỡng, hội thảo nhằm tăng cường năng lực chuyên môn, NCKH.

3. Điểm tồn tại

Nguồn kinh phí cho các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường tổ chức một số khóa đào tạo, các khóa học ngoại ngữ có chất lượng cao và tổ chức khảo sát lấy ý kiến người học sau khi tham dự lớp học.	Phòng TC-HC Khoa TLGD Tổ TLH	Từ năm học 2020- 2021
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Nhà trường đặc biệt quan tâm tới các GV mới, GV tập sự, hành lập quỹ hỗ trợ GV trẻ, có chính sách hỗ trợ GV mới NCKH qua các đề tài khởi nghiệp. - Đẩy mạnh việc tìm kiếm các nguồn tài trợ để hỗ trợ cho GV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ	P. TC-HC P.KH&HTQT P. KH-TC Khoa TLGD Tổ TLH P.TC-HC P.KH&HTQT P. KH-TC	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản lý theo kết quả công việc của giảng viên, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Hoạt động quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ cán bộ, GV được Nhà trường xác định là nhiệm vụ then chốt trong phát triển đội ngũ giai đoạn hiện nay. Nhà trường thường xuyên tiến hành đánh giá GV nhằm giúp GV có thông tin phản hồi về hoạt động dạy học và các công tác khác; qua đó có những điều chỉnh hoạt động dạy học, cải tiến nâng cao chất lượng dạy học và chất lượng đào tạo tại Trường. Đồng thời, là căn cứ để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo GV hoặc thực hiện luân chuyển, quy hoạch, bổ nhiệm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ và dự nguồn cán bộ quản lý,

lãnh đạo [H6.06.06.01]. Căn cứ vào chức vụ, vị trí công việc khác nhau, mỗi cán bộ, GV của Khoa thực hiện việc đăng ký thi đua hàng năm, từ đầu năm học [H6.06.06.02].

Hồ sơ năng lực cán bộ, GV được xem làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ GV [H6.06.06.03]. Công tác đánh giá kết quả công việc của được thực hiện dựa trên khối lượng công việc được giao như: giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và phục vụ cộng đồng hàng năm [H6.06.06.05] [H6.06.06.06] [H6.06.06.07]. Cán bộ GV Khoa TLGD thường xuyên tham gia các hoạt động tình nghĩa, ủng hộ người nghèo, đồng bào lũ lụt, và nhiều hoạt động tuyên truyền, vận động cộng đồng về bảo vệ môi trường.... Hầu hết các GV và chuyên viên của Khoa TLGD đều được khuyến khích tham gia các hoạt động mang tính thực tiễn cao trong lĩnh vực tâm lý ở nhiều địa phương [H6.06.06.08].

Kết thúc mỗi năm học, Nhà trường triển khai công tác đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức [H6.06.06.09]. Trên cơ sở đó, Khoa tiến hành họp và đánh giá xếp loại cán bộ, viên chức theo qui định cho mỗi cá nhân [H6.06.06.10]. Việc tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn của Nhà trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.11].

Trên cơ sở đánh giá, xếp loại viên chức của Khoa, Nhà trường tiến hành họp bình xét xếp loại, đánh giá thi đua toàn trường. Để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBVC được gửi đến từng đơn vị, cá nhân để có phản hồi trước khi ban hành quyết định công nhận đánh giá, xếp loại. Nếu không có thông tin phản hồi, Trường sẽ ra quyết định công nhận đánh giá, xếp loại viên chức toàn trường [H6.06.06.12] và công khai trên trang văn thư điện tử để toàn thể cán bộ, GV biết [H6.06.06.13].

Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho cán bộ đã tạo động lực cho cán bộ phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu, đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động KHCN của Khoa có TS. Nguyễn Thị Hằng Phương đạt giải Nhì hoạt động NCKH năm học 2017-2018, TS. Hà Văn Hoàng vì có bài báo đăng trong danh mục tạp chí ISI [H6.06.06.14].

Để phù hợp với điều kiện thực tiễn trong việc đánh giá kết của công việc của cán bộ, GV, năm học 2018 - 2019, Trường đã góp ý cho ĐHĐN để rà soát, cập nhật, ban hành hướng dẫn đánh giá xếp loại CBVC và thi đua khen thưởng phù hợp với điều kiện hiện nay [H6.06.06.15]. Đồng thời, Nhà trường đã chủ trương tổ chức rà soát và nghiên

cứu xây dựng bộ chỉ số đánh giá cán bộ GV theo năng lực thực hiện công việc giúp đánh giá chính xác năng lực, mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ GV. Cụ thể, năm 2018 Nhà trường tổ chức Tập huấn về xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực hoàn thành nhiệm vụ theo KPIs [H6.06.06.16].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV, không chỉ giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV được tốt.

- Các GV Khoa TLGD đều vượt định mức qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy). Nhiều giảng viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, cấp cơ sở, khen thưởng của Nhà trường, của Khoa.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa có hệ thống đồng bộ để theo dõi sự cải tiến của GV sau khi đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống đồng bộ để theo dõi sự cải tiến của GV sau khi đánh giá.	P. TC-HCKhoa TLGD	Năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện các quy định về thi đua khen thưởng, khuyến khích, tạo điều kiện để GV hoàn thành nhiệm vụ - Tiếp tục rà soát quy định về đánh giá khen thưởng để đảm bảo tính công bằng.	P. TC-HC Khoa TLGD	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường luôn xác định nghiên cứu KHCN, phát triển và đổi mới là những nhiệm vụ cốt lõi. Các chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới được Nhà trường ban hành và tiến hành rà soát, điều chỉnh định kì cho phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển KH&CN, sứ mạng và tầm nhìn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và phù hợp với điều kiện về CSVC, đội ngũ nhân lực hiện tại và tương lai của Nhà trường [H6.06.07.01]. Tất cả các chính sách này được Nhà trường áp dụng cho tất cả các hoạt động cụ thể cũng như kế hoạch hằng năm. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành quy định về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ cấp khoa bao gồm seminar khoa học cấp Khoa/Bộ môn; seminar khoa học mời chuyên gia báo cáo; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia; tổ chức hội thảo, hội nghị cấp Khoa/Ngành [H6.06.07.02].

Các chính sách về hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo được cụ thể hoá trong các quy định về KHCN phù hợp với thể mạnh của Trường, phù hợp với từng lĩnh vực nghiên cứu cũng như phù hợp với nhu cầu của cán bộ GV: *Quy định về tham dự hội nghị hội thảo trong và ngoài nước*: hướng dẫn quy trình và chế độ cho GV về việc tham dự hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước [H6.06.07.03]; *Quy định về biên soạn giáo trình và công nhận tài liệu học tập*: hướng dẫn quy trình, các bước thực hiện việc nghiệm thu giáo trình, tài liệu học tập một cách cụ thể, rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho CBGV trong công tác biên soạn giáo trình và tài liệu học tập [H6.06.07.04]; *Quy định về quản lí đề tài KHCN cấp Trường*: quy định các bước thực hiện đề tài cấp Trường chặt chẽ, rõ ràng, công bằng và minh bạch (từ khâu đầu tiên là thông báo đăng kí đề xuất, xét chọn danh mục đề tài đến khâu nghiệm thu đều được thực hiện theo đúng quy định. Phụ lục các biểu mẫu đính kèm quy định giúp cho GV và cán bộ quản lí đề tài thực hiện thuận lợi hơn) [H6.06.07.05]; *Quy định khen thưởng hoạt động khoa học công nghệ của Trường ĐHSP – ĐHDN*: quy định các hình thức khen thưởng và quy trình gửi hồ sơ khen thưởng. Quy định đã phần nào tạo động lực và khuyến khích cán bộ tham gia NCKH [H6.06.07.06]; *Quy định hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN cấp Khoa tại Trường Đại học Sư phạm - ĐHDN*: dựa trên quy định này, các Khoa có định hướng ngay từ đầu năm học về việc xây dựng kế hoạch hoạt động của Khoa trong năm học và việc tổ chức thực hiện các hoạt động KH&CN đã đăng kí cũng trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn nhờ các điều khoản hướng dẫn cụ thể của quy định, các biểu mẫu đăng kí có sẵn [H6.06.07.07]. Đồng thời, Nhà trường cũng tiến hành xây dựng Sổ tay

NCKH nhằm thuận lợi tốt hơn trong hoạt động này [H6.06.07.08].

Trong những năm gần đây, Nhà trường chú trọng đến việc tăng số lượng các nhóm Nghiên cứu - Giảng dạy (TRT), việc thành lập các nhóm nghiên cứu giảng dạy cũng được Nhà trường quan tâm và đang nghiên cứu để triển khai thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh [H6.06.07.09]. Quy trình thực hiện dựa vào *Quy chế hoạt động các nhóm Nghiên cứu - Giảng dạy thuộc ĐHĐN và các Trường thành viên* [H6.06.07.10].

Trong quá trình áp dụng thực hiện các chính sách về nghiên cứu, Nhà trường đã có những điều chỉnh, bổ sung và đổi mới các quy định để phù hợp với xu hướng mới, phù hợp với điều kiện của cán bộ GV và phù hợp với chiến lược của Nhà trường trong từng giai đoạn. Cụ thể: Quy định Khen thưởng hoạt động KHCN thường niên Trường ĐHSP năm 2017 được thay thế bằng quy định Khen thưởng hoạt động KHCN Trường ĐHSP ban hành vào năm 2019. Quy định mới vẫn giữ nguyên các bước thực hiện nhưng đã điều chỉnh về hình thức khen thưởng, ngoài việc hỗ trợ các công bố quốc tế thuộc danh mục ISI/ SCOPUS, còn có hỗ trợ các tác giả có bằng phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, chủ nhiệm các đề tài dự án lớn..., hình thức xét thưởng cũng có nhiều điểm mới như tăng mức kinh phí hỗ trợ đối với các công bố quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS, tạo sự công bằng khi tính điểm và xếp loại các công bố quốc tế ISI và SCOPUS [H6.06.07.11]; Quy định biên soạn giáo trình và công nhận tài liệu học tập ban hành năm 2017 cũng đã được thay đổi bằng quy định mới năm 2019. Quy định mới rút ngắn một số giai đoạn nhưng vẫn đảm bảo tính cụ thể, rõ ràng và minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi về mặt thủ tục và thời gian cho CBGV [H6.06.07.12]; Nhà trường cũng đang lấy ý kiến và dự kiến sẽ ban hành quy định tham dự hội nghị, hội thảo mới thay thế cho quy định tham dự hội nghị hội thảo ban hành năm 2017 [H6.06.07.13]. Quy định NCKH SV cũng được điều chỉnh sửa đổi phù hợp với mục tiêu phát triển KHCN của Nhà trường, bảo đảm chế độ hỗ trợ GV hướng dẫn và SV thực hiện nghiên cứu [H6.06.07.14].

Việc ban hành và áp dụng thực hiện các chính sách về NCKH một cách nhất quán đã đem lại những kết quả tốt trong lĩnh vực NCKH của Nhà trường, tiêu biểu là đề tài KHCN các cấp, công bố khoa học trong nước và quốc tế, giáo trình và tài liệu học tập hầu hết tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng mà Khoa đã thực hiện.

Số lượng đề tài cấp Bộ được nghiệm thu tăng lên rất nhanh. Từ năm 2015-2016 Khoa chưa có đề tài nghiên cứu nhưng đến năm 2018-2019, có 02 đề tài được nghiệm

thu. Ngoài ra, đề tài cấp Trường và cấp ĐHĐN cũng tăng lên đáng kể. Năm học 2018-2019, số lượng đề tài cấp này tăng gần 3 lần so với năm học 2015-2016 và gấp 4 lần năm học 2016-2017. Từ năm 2017, số lượng đề tài các cấp (cấp tỉnh/thành phố, cấp Trường, ĐHĐN, Bộ,...) tăng lên đáng kể nhờ các chính sách hỗ trợ của Nhà trường. Các kết quả nghiên cứu của đề tài đã được Nhà trường sử dụng để phát triển và đổi mới trong công tác dạy và học. Hầu hết các đề tài NCKH đều có sản phẩm là đào tạo thạc sĩ, đào tạo cử nhân, hướng dẫn SV NCKH, bên cạnh các sản phẩm khoa học, sản phẩm ứng dụng khác. Ngoài ra, một số đề tài thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học giáo dục đều tập trung giải quyết các vấn đề mang tính thời sự của tâm lý học như: “Hoạt động tham vấn tâm lý cho học sinh tại các trường THCS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”, “Nghiên cứu thích nghi trắc nghiệm tranh vẽ “Con vật không có thật” vào chẩn đoán hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn tại thành phố Đà Nẵng”. Các đề tài nghiên cứu những vấn đề tâm lý trên địa bàn các tỉnh, thành phố, đặc biệt là thành phố Đà Nẵng, đã đem lại nhiều kết quả khả quan như: Xây dựng chương trình giáo dục phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học Thành phố Đà Nẵng, Xây dựng chương trình tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông tại Đà Nẵng, Hình thành năng lực tham vấn hướng nghiệp cho sinh viên Trường ĐH – ĐHĐN, Nghiên cứu Stress của giáo viên mầm non trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng,... [H6.06.07.15].

Số lượng giáo trình tăng mạnh, năm học 2019-2020, tăng gấp 4 lần so với năm học 2016-2017 và tăng gấp 8 lần so với các năm liền kề trước đó. Tiêu biểu là các giáo trình như: Kỹ năng tham vấn (chủ biên TS. Nguyễn Thị Trâm Anh); Kỹ năng giao tiếp (Chủ biên TS. Nguyễn Thị Trâm Anh); Tâm lý học giáo dục (chủ biên PGS. TS. Lê Quang Sơn); Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non (chủ biên PGS. TS. Lê Quang Sơn); Tâm lý học giáo dục (chủ biên PGS. TS. Lê Quang Sơn), Lý luận dạy học đại học (chủ biên PGS. TS. Lê Quang Sơn). Tuy nhiên, số lượng sách chuyên khảo vẫn còn hạn chế, ngoài sách chuyên khảo được xuất bản tại Liên bang Nga [H6.06.07.16]. Hơn nữa số lượng sách tham khảo do cán bộ, giảng viên Khoa thực hiện cũng chưa được thực hiện nhiều, ngoài sách tham khảo được xuất bản tại nước ngoài [H6.06.07.17].

Số lượng bài báo công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế tăng lên hàng năm. Trong đó, số bài báo đã công bố trên Tạp chí quốc tế từ 1 bài từ năm 2015-2016 lên 12 bài, trong đó có 3 bài báo thuộc danh mục ISI, các bài báo khoa học cấp ngành cũng tăng nhanh, năm học 2019-2020 tăng gấp 22 lần so với năm học 2015-2016, cao

gấp 5,5 lần so với năm học 2017-2018 [H6.06.07.18].

Trong 5 năm qua, số lượng các bài báo cáo tại các hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế, cấp Trường có xu hướng tăng. Đặc biệt, đội ngũ cán bộ, GV Khoa tích cực, chủ động tham gia và báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo Quốc tế, nếu năm 2015-2016 chỉ có 17 bài báo cáo tham luận nhưng đến năm 2019-2020, toàn Khoa có 31 bài báo cáo, tham luận [H6.06.07.19]. Một số GV được cử tham gia Hội thảo – Tập huấn tại Thái Lan, Nhật Bản [H6.06.07.20].

Khoa cũng đã tiến hành các hoạt động KHCN khá đa dạng nhằm phục vụ công tác đào tạo và phát triển chương trình đào tạo. Đặc biệt, năm 2016, Khoa đã phối hợp với Hiệp hội Tâm lý học đường cùng với Nhà trường tổ chức thành công Hội thảo Khoa học quốc tế “Tâm lý học đường” [H6.06.07.21]. Ngoài ra, hàng năm, Khoa cũng tổ chức các hội nghị cấp Khoa nhằm xây dựng chương trình, trao đổi học thuật như: xây dựng mạng lưới thực hành, thực tập cho sinh viên ngành Tâm lý học và Công tác xã hội, Hội nghị Xây dựng chương trình phòng ngừa trầm cảm cho người cao tuổi,... [H6.06.07.22]. Các bộ môn cũng tiến hành tổ chức các seminar để tăng cường sinh hoạt chuyên môn như: Ứng dụng Tâm lý học trong nhà trường phổ thông, Phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông,... [H6.06.07.23].

Kết quả hoạt động NCKH của cán bộ, GV được Khoa và Nhà trường tổng hợp, đánh giá và báo cáo toàn trường là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thiện nhiệm vụ, căn cứ để đánh giá xếp loại thi đua của GV [H6.06.07.24] [H6.06.07.25].

Để đẩy mạnh hoạt động NCKH phục vụ công tác đào tạo và phát triển chương trình đào tạo, nhà trường cũng đã triển khai lấy ý kiến phản hồi của GV và các bên liên quan [H6.06.07.26]. Đây cũng chính là cơ sở thực tiễn để cải thiện chất lượng NCKH cũng như phục vụ công tác đào tạo.

2. Điểm mạnh

Cán bộ, GV của Khoa đã thực hiện được khối lượng sản phẩm KHCN đáng kể trên tất cả các lĩnh vực: đề tài NCKH các cấp, xuất bản sách, giáo trình, tham gia các Hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước, công bố các tạp chí khoa học, đặc biệt là các tạp chí quốc tế có uy tín.

3. Điểm tồn tại

Các đề tài NCKH có sự hợp tác với các nhà khoa học nước ngoài còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục	Nội dung	Đơn vị, người	Thời gian
----	-----	----------	---------------	-----------

	tiêu		thực hiện	thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hợp tác quốc tế để thực hiện các đề tài NCKH có sự hợp tác với các nhà khoa học nước ngoài	P. KH&HTQT P. KH-TC Khoa TLGD	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	- Nhà trường tiếp tục hỗ trợ và tìm kiếm các nguồn tài trợ cho GV trong hoạt động KHCN trên nhiều mặt: công tác tổ chức, kinh phí, CSVC, chính sách ưu tiên; góp phần khuyến khích CBGV thực hiện tốt các đề tài KHCN. - Nhà trường cần đa dạng hơn hoạt động NCKH khác nhau để GV tham và gia phù hợp với hoàn cảnh của từng nhóm GV.	P. KH&HTQT P. KH-TC Khoa TLGD	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 6

Trong những năm qua, căn cứ tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu chiến lược, kế hoạch của Nhà trường, Khoa đã xây dựng, phát triển đội ngũ GV, nhân viên đảm bảo cả về số lượng và chất lượng nhằm thực hiện tốt nhất CTĐT. Một mặt, đội ngũ GV, nhân viên của Khoa hàng năm được bổ sung và nâng cao trình độ. Mặt khác, đội ngũ GV, nhân viên của Khoa không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện các hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ công tác đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cũng như phát triển năng lực nghề nghiệp của bản thân.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, khả năng ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên vẫn còn hạn chế. Do đó, trong tương lai, việc nâng cao trình độ ngoại ngữ là một trong những yêu cầu cấp thiết đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Khoa với những giải pháp cụ thể và đồng bộ để phục vụ tốt hơn việc thực hiện và phát triển chương trình đào tạo.

Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí với đánh giá chung: 5,14/7.

TIÊU CHUẨN 7 ĐỘI NGŮ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên của Khoa TLGD được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên của Khoa có tinh thần trách nhiệm cao, có năng lực chuyên môn và luôn sẵn sàng tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ thư viện, cán bộ phòng thực nghiệm, cán bộ công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bài bản, khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Trên cơ sở các văn bản của Nhà trường, Khoa đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ của Khoa, mô tả vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên văn phòng khoa [H7.07.01.01] [H7.07.01.02] [H7.07.01.03]. Bên cạnh đó, Khoa cũng phân tích, dự báo đội ngũ nhân viên, xây dựng đề án vị trí việc làm và trình nhà trường để ra quyết định phân công hỗ trợ hoặc tuyển dụng nhân sự mới [H7.07.01.03] [H7.07.01.04]. Chính sách tuyển dụng đội ngũ nhân viên của nhà trường công khai, minh bạch thông qua thi tuyển hoặc xét tuyển. Nhà trường luôn có những hoạt động cụ thể để chuẩn bị (thông báo tuyển dụng, bồi dưỡng...) trước nguồn lực nhân viên sẽ thiếu trong tương lai. Đây là cơ sở để quy hoạch đội ngũ nhân viên hàng năm. [H7.07.01.05][H7.07.01.06][H7.07.01.07] [H7.07.01.08][H7.07.01.09][H7.07.01.10] [H7.07.01.11] [H7.07.01.12] [H7.07.01.13].

Nhà trường đã có chính sách thu hút, tuyển dụng phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, tổ CNTT & truyền thông và các dịch vụ hỗ trợ khác, được thể hiện trong các văn bản: Quy định/quy trình tuyển dụng của Nhà trường [H7.07.01.14], Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học Vùng và các CSGD đại học thành viên của Bộ GD&ĐT [H7.07.01.15] và Quyết định của Giám đốc ĐHĐN "Về cơ cấu tổ chức Trường ĐHSP" [H7.07.01.16], Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐN, các CSGD đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc [H7.07.01.17], quy chế chi tiêu nội bộ [H7.07.01.18]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được tuyển dụng và sử dụng theo quy chế tổ chức của Nhà trường. Đa số nhân viên hỗ trợ hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, đồng thời cũng góp phần quan trọng trong việc đề ra phương hướng và nhiệm vụ trong từng năm học [H7.07.01.19].

Từ năm 2016 đến năm 2020, Khoa TL-GD có thêm nhân viên hỗ trợ cho hoạt động đào tạo của Khoa [H7.07.01.20]. Các nhân viên hỗ trợ thực hiện chức năng nhiệm vụ được phân công theo quy định chuẩn nghề nghiệp và mô tả công việc với từng chức

danh cụ thể [H7.07.01.21]. Trong vai trò giáo vụ khoa, các nhân viên này hỗ trợ các mặt liên quan đến học vụ, xử lý các tác vụ liên quan đến công tác hành chính, soạn thảo văn bản, quản lý công văn, xây dựng lịch làm việc của Khoa. Các nhân viên hỗ trợ của khoa hoạt động kết hợp đồng bộ trên nguyên tắc cá nhân phụ trách, tập thể chịu trách nhiệm và được mô tả cụ thể trong các bản mô tả công việc của từng cá nhân và được các cấp lãnh đạo phê duyệt cụ thể, nghiêm túc Theo định kỳ, các Khoa và các phòng ban gửi lên Trường ĐHSP kế hoạch nhân sự về đội ngũ cán bộ hỗ trợ dựa theo phân tích nhu cầu quy mô đào tạo và định hướng phát triển nhà trường. Hồ sơ, lý lịch các nhân viên hỗ trợ của khoa được lưu trữ cẩn thận và đúng quy định tại văn phòng khoa TLGD [H7.07.01.22].

Thực hiện quy chế đào tạo theo quy định, Khoa TLGD thường xuyên phân công GV thuộc Bộ môn Tâm lý học tham gia công tác chủ nhiệm và cố vấn học tập. Văn bản phân công được công bố công khai và lưu tại văn phòng khoa [H7.07.01.23]. Các GV được phân công năng lực chuyên môn tốt, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, là kênh thông tin kết nối giữa người học và CTĐT, có khả năng tư vấn tốt, kịp thời hỗ trợ người học, có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thành kế hoạch giảng dạy chung của Khoa TLGD và của của Trường. Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ của Khoa làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà nước. Các GV kiêm nhiệm công việc trợ lý luôn có giờ trực và công việc cụ thể tại Khoa.

Cùng với việc phân công GV tham gia công tác chủ nhiệm, cố vấn học tập, CTĐT TLH trong từng năm học, từng thời điểm cũng phân công các GV tham gia làm các công tác kiêm nhiệm: Công tác khảo thí, ĐBCL, NCKH, thực hành - thực tập, ...[H7.07.01.24]. Đội ngũ kiêm nhiệm và nhân viên hỗ trợ được tập huấn về chuyên môn nhằm tăng cường năng lực và hiệu quả phục vụ Khoa, Trường một cách tốt nhất. Khoa, Trường thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn để hỗ trợ đội ngũ này thực hiện nhiệm vụ như tập huấn kỹ năng soạn thảo, lưu trữ văn bản; hướng dẫn khởi nghiệp; công tác chủ nhiệm/cố vấn học tập...[H7.07.01.25] [H7.07.01.26] [H7.07.01.27].

Khoa TL-GD có phòng thực hành Tâm lý đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập của GV, sinh viên và nhu cầu tư vấn của cộng đồng. Việc phụ trách Phòng thực hành được phân công cho 1 các bộ Khoa có trình độ chuyên môn đảm nhận để hỗ trợ có hiệu quả cho người học [H7.07.01.28] [H7.07.01.29].

Cùng với đội ngũ cán bộ hỗ trợ tại Khoa, các GV giảng dạy tại Khoa TL-GD và người học còn được hỗ trợ tài liệu, thông tin qua đội ngũ nhân viên kỹ thuật của các

phòng chức năng, tổ trực thuộc [H7.07.01.30]. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ đã được quy hoạch ngắn hạn và dài hạn một cách có hệ thống từ cấp ĐHĐN đến Trường ĐHSP cũng như cấp phòng và khoa nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu cả về chất lượng và số lượng.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên có liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên của Khoa. Việc lấy ý kiến đánh giá được thực hiện định kỳ và lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của Khoa, các buổi họp khoa. Trong 05 năm qua, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của chương trình, khoa luôn đảm bảo yêu cầu công việc, đáp ứng được nhu cầu cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. 100% nhân viên hỗ trợ của Khoa đều được đánh giá là hoàn thành tốt công việc được phân công.

2. Điểm mạnh

- Đội ngũ nhân viên thường xuyên được quy hoạch, rà soát, sắp xếp hợp lý đảm bảo nâng cao chất lượng phục vụ. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ Khoa được tuyển chọn đúng tiêu chuẩn, phù hợp đáp ứng tốt CTĐT;

- Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ giảng dạy, NCKH, học tập của GV và SV được thực hiện khoa học, từ cấp đơn vị đến cấp trường.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ phục vụ còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức thêm các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ nhân viên phục vụ	Phòng TC-HC	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, tuyển dụng, bổ sung nhân sự	Phòng TC-HC Khoa TLGD	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Để thu hút được đông đảo các cán bộ, nhân viên có năng lực, hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã có kế hoạch tuyển dụng, ban hành các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng minh

bach đối với đội ngũ nhân viên. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và nâng bậc đối với cán bộ hỗ trợ của trường được quy định bởi Bộ Nội vụ Việt Nam, Bộ giáo dục đào tạo và ĐHDN [H7.07.02.01] [H7.07.02.02]. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên được Nhà trường xây dựng và xác định rõ ràng trong đó có các tiêu chí về đạo đức, về năng lực chuyên môn, về độ tuổi, về chuyên ngành phù hợp với từng vị trí việc làm [H7.07.02.03]. Các thông tin về tuyển dụng đội ngũ CB hỗ trợ hàng năm đều có chỉnh sửa, được phổ biến đến toàn thể CB, GV, nhân viên, được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường và được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng trước khi tuyển dụng [H7.07.02.04]. Các tiêu chí tuyển dụng và các tiêu chí khuyến khích được xây dựng để đánh giá không chỉ là bằng cấp của ứng cử viên, mà còn cả năng lực tiếng Anh, năng lực công nghệ thông tin, đạo đức nghề nghiệp cũng như kinh nghiệm [H7.07.02.03] [H7.07.02.05]. Ngoài ra, Trường ĐHSP cụ thể hóa các tiêu chí này cho từng vị trí việc làm đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu và phục vụ riêng của Trường [H7.07.02.06].

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu của bộ môn, Khoa đề xuất số lượng nhân viên cần tuyển dụng trình Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt [H7.07.02.07] [H7.07.02.08]. Trường có kế hoạch phân bổ chỉ tiêu biên chế cho Khoa trên cơ sở số lượng biên chế của Trường. Khoa TL-GD thực hiện việc tiếp nhận, điều chuyển nhân viên hỗ trợ theo các quyết định của Phòng TC-HC, bảo đảm tuân thủ các quy chế về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ viên chức theo các đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định. Sau khi được tuyển chọn, các ứng viên trải qua thời gian tập sự tại vị trí tuyển dụng dưới sự giám sát của người hướng dẫn để đánh giá khả năng và sự phù hợp với công việc được giao. Kết quả tập sự sẽ là căn cứ để bổ nhiệm họ vào vị trí chính thức. Ngoài ra, trong quá trình công tác một số cán bộ được xem để luân chuyển, chuyển ngạch phù hợp với nhu cầu và năng lực được đánh giá hàng năm của họ. Để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, Nhà trường và Khoa luôn chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, cải cách thủ tục hành chính.

Hàng năm để xây dựng những tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được rõ ràng, hiệu quả, Nhà trường căn cứ trên yêu cầu công việc, phân tích khảo sát nhu cầu và ý kiến đóng góp của các bên liên quan (GV và SV) về từng vị trí việc làm để đưa ra bộ tiêu chuẩn phù hợp. Các cá nhân khi dự tuyển phải đảm bảo các quy định chung, các tiêu chí tuyển dụng về chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, Nhà trường còn yêu cầu hoặc ưu tiên các ứng viên thành thạo tin học văn phòng và ngoại ngữ tùy theo yêu cầu của từng vị trí công việc. Trong công tác tuyển dụng,

trường ĐHSP-ĐHĐN luôn nghiêm túc tuyển theo đúng quy trình và được công khai minh bạch, thông báo đến tất cả các ứng viên. Sau khi Phòng Tổ chức tổng hợp chỉ tiêu tuyển dụng từ các đơn vị, được Hiệu trưởng duyệt, Nhà trường sẽ công khai đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường.

Bên cạnh đó, các quy định đối với công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, điều chuyển cán bộ cũng được Nhà trường xây dựng thành các tiêu chí cụ thể và phổ biến đến toàn thể cán bộ, GV trong toàn trường thông qua website, sổ tay cán bộ GV hay thông qua các buổi sinh hoạt.

2. Điểm mạnh

- Tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch. Nhà trường luôn tuyển được đội ngũ nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

- Đội ngũ nhân viên nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc Quy chế Văn hóa công sở của nhà trường và của Khoa.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Công khai thông tin tuyển dụng bằng nhiều kênh khác nhau	- Phòng TC-HC - Khoa TLGD	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Có thêm hình thức khen thưởng, động viên kịp thời tạo động lực làm việc cho cán bộ nhân viên	Khoa Tâm lý- Giáo dục	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Chất lượng đào tạo của Nhà trường liên quan đến nhiều yếu tố, trong đó một trong những yếu tố hỗ trợ quan trọng là đội ngũ nhân viên. Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy định của Nhà trường, có tiêu chí rõ ràng, có công cụ đánh giá năng lực của nhân viên. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh

giá theo các tiêu chuẩn quy định của Nhà trường dựa trên các tiêu chí như trình độ chuyên môn, Tiếng Anh, kỹ năng nghề nghiệp, công nghệ thông tin, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ... [H7.07.03.01] [H7.07.03.02] [H7.07.03.03] [H7.07.03.04].

Nhà trường xây dựng quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên (tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ...) một cách rõ ràng, công khai [H7.07.03.05]. Bộ công cụ đánh giá này được xây dựng căn cứ vào quy định, hướng dẫn của ĐHQĐN.

Đội ngũ nhân viên của Khoa gồm có 2 cấp: hỗ trợ trực tiếp và hỗ trợ gián tiếp. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ gián tiếp trực thuộc các bộ phận, phòng, tổ và trung tâm của Trường. Khoa TL-GD có cán bộ hỗ trợ trực tiếp, gồm cán bộ phụ trách công tác sinh viên, thư ký Khoa làm việc trực tiếp tại Khoa. Các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ từ Cử nhân trở lên. Chương trình còn có đội ngũ GV kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ gồm: cố vấn học tập, cán bộ trợ lý NCKH, cán bộ trợ lý Giáo vụ [H7.07.03.06]. Để đảm bảo chất lượng, các cán bộ hỗ trợ và GV kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như: kỹ năng tin học, công tác văn thư, thủ thư, NCKH... [H7.07.03.07] [H7.07.03.08]. Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ của Khoa làm việc giờ hành chính. Các GV kiêm nhiệm làm việc theo lịch công tác tuần.

Nhà trường và Khoa xây dựng quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên (tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ...) một cách rõ ràng, công khai.

Khoa TLGD đã thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên hàng năm, đã xác định và phân loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Đội ngũ nhân viên được đánh giá nhằm làm rõ ưu điểm, hạn chế, những mặt mạnh, những mặt chưa đạt theo quy trình đánh giá cán bộ GV:

- Làm báo cáo tự đánh giá nhiệm vụ được giao
- Trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp để mọi người đóng góp ý kiến
- Khoa thông qua phân loại xét thi đua
- Hội đồng thi đua khen thưởng

đánh giá.

- Hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường ra quyết định phân loại, xét danh hiệu thi đua.

- Các cá nhân phản hồi về kết quả thi đua (nếu có)

- Nhà trường chuẩn y danh sách phân loại thi đua, khen thưởng

Việc đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên còn được thực hiện hàng năm thông qua việc chấm điểm hoàn thành nhiệm vụ dựa trên các tiêu chí về quy định của chương trình, khoa, nhà trường [H7.07.03.09].

Khoa TL-GD đã thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên hằng năm, đã xác định và phân loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả đánh giá có 100% nhân viên của CTĐT hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H7.07.03.10].

Việc đánh giá hàng năm của Trường ĐHSP và các cuộc khảo sát từ các GV và sinh viên cho thấy rằng các nhân viên hỗ trợ cung cấp một mức độ thỏa đáng của dịch vụ cho cả sinh viên và GV [H7.07.03.11]. Khảo sát hàng năm cũng cho thấy các cán bộ hỗ trợ hài lòng với vai trò, khối lượng công việc và môi trường làm việc của họ.

Các dịch vụ được cung cấp bởi đội ngũ cán bộ hỗ trợ đối với sinh viên đã được cải tiến liên tục đặc biệt là khi Trường ĐHSP thực hiện tiến hành khảo sát hàng năm về sinh viên và GV đối với các hoạt động của họ. Hoạt động của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được công nhận bởi Trường ĐHSP thông qua đánh giá hàng năm. Từ đó, Trường ĐHSP có khen thưởng kịp thời cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ [H7.07.03.12].

Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn thực hiện việc đánh giá chất lượng công việc sau một năm học và xây dựng kế hoạch cho năm học tới cho các cán bộ hỗ trợ [H7.07.03.13]. Những đóng góp của đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa luôn được sự công nhận, khen thưởng của Khoa và Nhà trường đối với đóng góp và thành tích của đội ngũ hỗ trợ.

Kết quả đánh giá cho thấy năng lực đội ngũ nhân viên của khoa đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% đội ngũ này đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu về vị trí việc làm. Tuy nhiên, hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên thực hiện CTĐT còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

- Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có năng lực đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn Nhà

trường đề ra được xác định và đánh giá theo quy định.

- Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

- Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên thực hiện CTĐT còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của SV đối với đội ngũ NV thực hiện CTĐT	- Phòng TC-HC - Khoa Tâm lý-Giáo dục	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Định kì rà soát, sắp xếp vị trí việc làm của đội ngũ CBVC và người lao động nhằm tăng hiệu suất làm việc	Khoa Tâm lý-Giáo dục	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên luôn được Trường ĐHSP-ĐHĐN quan tâm chú trọng. Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên luôn được Khoa quan tâm thực hiện một cách có tổ chức và có kế hoạch, các chính sách hỗ trợ cho cán bộ quản lý và nhân viên tham gia các hoạt động chuyên môn cũng được quy định rõ ràng để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên [H7.07.04.01][H7.07.04.02][H7.07.04.03].

Nhà trường có chính sách rõ ràng để khuyến khích nhân viên tham gia đào tạo và phát triển [H7.07.04.04][H7.07.04.05]. Ngân sách được phân bổ cho đào tạo nhân viên và giảng viên theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H7.07.04.06]. Hầu hết các nhân viên đều có cơ hội tham gia vào hoạt động đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu [H7.07.04.07]. Một số cán bộ hỗ trợ thậm chí có thể theo học các bậc học cao hơn trong

chuyên môn của họ với sự hỗ trợ của Trường ĐHSP [H7.07.04.08].

Hàng năm, nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ hỗ trợ được xác định một cách có hệ thống từ các khoa, phòng chức năng đến Nhà trường. Căn cứ trên nhu cầu của nhân viên hỗ trợ, Khoa xây dựng triển khai các kế hoạch thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về kinh phí và thời gian theo quy chế của Trường. Nhà trường đã mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn như: tập huấn về công tác văn thư, lưu trữ, soạn thảo văn bản, tập huấn tin học văn học, các lớp học ngoại ngữ, quản lý dạy và học trên Elearning, ... hay đề xuất nhà trường cử cán bộ tham gia học tập các lớp ngắn hạn, hoặc tham quan học hỏi kinh nghiệm về văn thư, y tế, công nghệ thông tin,... [H7.07.04.07]. Trên cơ sở các kế hoạch này, khoa, nhà trường sắp xếp cán bộ tham gia hợp lý, phù hợp trình độ chuyên môn, vị trí công việc và thời gian làm việc. Các hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn được phòng TCHC lên kế hoạch và thực hiện đến từng đơn vị trong nhà trường. Việc lập kế hoạch và thực hiện đào tạo đội ngũ nhân viên thông qua quy trình của Bộ tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 của Nhà trường. [H7.07.04.01]

Khoa TL-GD hàng năm đã thực hiện việc xác định nhu cầu về ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên [H7.07.04.09]. Khoa đã triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên theo kế hoạch của Nhà trường [H7.07.04.07]

2. Điểm mạnh

- Hàng năm, Nhà trường và Khoa TL-GD luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên. Nhà trường và Khoa đã có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó, khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí.

- Đội ngũ nhân viên của Khoa được bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ công đồng.

3. Điểm tồn tại

- Chưa có quy định về số giờ tập huấn bồi dưỡng hàng năm cho cán bộ hỗ trợ.

- Còn ít các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ hỗ trợ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cụ thể hóa số giờ bồi dưỡng hàng năm	Phòng TCHC Khoa TLGD	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tạo điều kiện về thời gian để cán bộ hỗ trợ có thể tham gia các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	Phòng TCHC Khoa TLGD	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Nhà trường, Khoa TL-GD thực hiện đánh giá kết quả thực thi công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ theo quy định về công tác thi đua khen thưởng dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận [H7.07.05.01] [H7.07.05.02]. Khoa TL-GD đã xây dựng bản mô tả vị trí công việc của GV và nhân viên để làm căn cứ mức độ hoàn thành công việc của GV và nhân viên. Mỗi nhân viên hỗ trợ đều được giao nhiệm vụ, trong đó thể hiện rõ khối lượng công việc, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH [H7.07.05.03]. Ngoài ra, Nhà trường quản lý hiệu quả công việc của cán bộ hỗ trợ dựa trên quản lý khối lượng giờ làm việc bằng hệ thống ghi nhận vân tay [H7.07.05.04]. Đó là một trong những cơ sở để đánh giá tiến độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi nhân viên. Lãnh đạo Khoa cũng dựa vào kết quả khảo sát sự hài lòng đối với đội ngũ hỗ trợ để đánh giá năng lực và hiệu quả công việc của nhân viên.

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên

được thực hiện nghiêm túc thông qua trưởng các đơn vị. Hàng năm, Nhà trường căn cứ vào khả năng hoàn thành nhiệm vụ làm cơ sở cho việc khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho những nhân viên có thành tích xuất sắc [H7.07.05.05] [H7.07.05.06] [H7.07.05.07] [H7.07.05.08]. Ngoài ra, nhằm tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa, Nhà trường có văn bản quy định riêng về các chế độ dành cho nhân viên (ngạch chuyên viên). Theo đó, nếu làm việc ngoài giờ hành chính sẽ có những chính sách tiền thưởng hoặc trả thù lao thêm giờ... . Việc theo dõi giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện nghiêm túc thông qua trưởng các đơn vị, bộ phận thanh tra theo các văn bản được quy định ở Khoa, Trường [H7.07.05.09].

Khoa TL-GD luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo [H7.07.05.10].

Theo báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng hằng năm của nhà trường đã thể hiện đội ngũ này đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, đây là động lực lớn góp phần khuyến khích đội ngũ này tiếp tục nỗ lực phấn đấu trong công tác phục vụ Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa tích cực tiếp thu ý kiến phản hồi của nhân viên về cơ chế làm việc, quy định khen thưởng. 100% nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Vì vậy, 100% nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Khoa và Nhà trường.

2. Điểm mạnh

- Có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

- Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

- Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Chưa có chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các cán bộ trong quá trình làm việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các cán bộ trong quá trình làm việc	- Phòng TC-HC - Khoa Tâm lý-Giáo dục	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng công việc của nhân viên.	Khoa Tâm lý-Giáo dục	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 7:

Đội ngũ nhân viên thường xuyên được quy hoạch, rà soát, sắp xếp hợp lý đảm bảo nâng cao chất lượng phục vụ. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ Khoa được tuyển chọn đúng tiêu chuẩn, phù hợp đáp ứng tốt CTĐT. Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ giảng dạy, NCKH, học tập của GV và SV được thực hiện khoa học, từ cấp đơn vị đến cấp trường.

Tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch. Nhà trường luôn tuyển được đội ngũ nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Đội ngũ nhân viên nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc Quy chế Văn hóa công sở của nhà trường và của Khoa. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có năng lực đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn Nhà trường đề ra được xác định và đánh giá theo quy định.

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

Có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Khoa có sự phân công công

việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa có quy định về số giờ tập huấn bồi dưỡng hàng năm cho cán bộ hỗ trợ. Còn ít các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ hỗ trợ. Chưa có chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các cán bộ trong quá trình làm việc. Những tồn tại này sẽ được Nhà trường và khoa khắc phục trong thời gian tới.

Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí với mức đánh giá 5/7.

TIÊU CHUẨN 8

NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Chương trình đào tạo lấy người học làm trung tâm với mục tiêu phát triển kiến thức và năng lực đáp ứng với các yêu cầu CDR của chương trình. Chính vì vậy người học và hoạt động hỗ trợ người học đóng một vai trò rất quan trọng trong đảm bảo chất lượng của CTĐT. Những hoạt động này bao gồm xác lập và công khai chính sách tuyển sinh của Nhà trường, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, xây dựng hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan Nhà trường. Những dữ kiện thu thập được sẽ là cơ sở để đảm bảo chất lượng và cải thiện việc học tập của sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và rèn luyện của người học.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả

Công tác tuyển sinh được coi là khâu khởi đầu của chuỗi quá trình đào tạo. Trong đó, chính sách tuyển sinh đóng vai trò quan trọng, đưa thông tin về các hình thức tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh đến với những thí sinh có nhu cầu. Ngành TLH được tuyển sinh theo quy chế của Bộ GD&ĐT, chính sách tuyển sinh của ĐHĐN và kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.01] [H8.08.01.02] [H8.08.01.03]. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên. Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch, chiến lược tuyển sinh nhằm công bố hình thức, chỉ tiêu, quy trình xét tuyển và các thông tin liên quan được xác định và ghi trong đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh của Nhà trường công bố trên website của Nhà trường <https://ued.udn.vn/>, <https://www.facebook.com/ued.udn.vn> [H8.08.01.04] [H8.08.01.05] [H8.08.01.06]; quảng bá trên các Brochure tuyển sinh - giới thiệu các CTĐT Trường ĐHSP [H8.08.01.07], tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh do ĐHĐN, các Sở Giáo dục và các đơn vị báo chí tổ chức [H8.08.01.08], [H8.08.01.09]. Bên cạnh đó, nhà trường còn xây dựng Website riêng dành cho các thông tin về tuyển sinh tại địa chỉ <http://tuyensinh.ued.udn.vn> để người có nhu cầu học dễ dàng tìm kiếm thông tin. Nhằm

nâng cao hiệu quả quảng bá và đưa thông tin tuyển sinh đến các địa phương khác, nhà trường thành lập Tổ Truyền thông đi đến từng địa phương [H8.08.01.10].

Những thông tin dự báo về nhu cầu nhân lực của ngành TLH luôn được phân tích nhằm đưa ra những chính sách tuyển sinh phù hợp với thực tế [H8.08.01.11].

Có 2 hình thức tuyển sinh: tuyển thẳng và xét tuyển đầu vào. Phương thức tuyển thẳng được áp dụng với các thí sinh đã tốt nghiệp THPT tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự cuộc thi KHKT quốc tế; thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi các môn văn hóa cấp quốc gia; thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi KHKT cấp quốc gia. Xét tuyển thẳng vào các ngành sư phạm đối với các học sinh tốt nghiệp các trường THPT chuyên cấp tỉnh, thành phố. Xét tuyển thẳng vào các ngành ngoài sư phạm đối với các học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba các môn văn hóa cấp tỉnh [H8.08.01.07]. Phương thức xét tuyển căn cứ theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia của thí sinh theo tổ hợp môn xét tuyển, và căn cứ vào điểm trung bình chung 3 môn học trong tổ hợp môn xét tuyển năm lớp 12, số lượng chỉ tiêu cho từng trường hợp xét tuyển, điều kiện xét tuyển được ban hành hằng năm [H8.08.01.12].

Bên cạnh triển khai hoạt động tuyển sinh theo kế hoạch của Nhà trường, khoa cũng có những hoạt động tuyển sinh cụ thể và rõ ràng dựa trên những thế mạnh của khoa về ngành Tâm lý học. Các thông tin tuyển sinh của khoa về ngành Tâm lý học liên tục được cập nhật trên website <http://tuyensinh.ued.udn.vn>; <http://tlgd.ued.udn.vn/>; <http://facebook/Khoatamlygiaoduc> [H8.08.01.13].

Khoa luôn tổ chức các hoạt động tư vấn trực tuyến nhằm giới thiệu, quảng bá cũng như giải đáp tất cả các thắc mắc của thí sinh về thông tin tuyển sinh, hoạt động này luôn thu hút được sự quan tâm của đông đảo học sinh và phụ huynh [H8.08.01.14]. Bên cạnh đó, thông qua các cuộc thi khởi nghiệp, sáng tạo, triển lãm khoa học công nghệ nhiều sản phẩm nghiên cứu, sản phẩm ứng dụng về Tâm lý học của Khoa cũng được giới thiệu, đó cũng là hình thức đưa hình ảnh của Khoa, Nhà trường đến với xã hội [H8.08.01.15]. Ngoài ra, khoa cũng thành lập Tổ tư vấn tuyển sinh nhằm tăng cường các hoạt động đưa tin, truyền thông để tăng hiệu quả quảng bá tuyển sinh, tích cực giới thiệu về ngành Tâm lý học đến với học sinh THPT trong ngày hội hướng nghiệp [H8.08.01.16] [H8.08.01.17]. Với chính sách tuyển sinh của nhà trường và khoa từ khi mở ngành Tâm lý học đến nay, ngành Tâm lý học trường ĐHSP được xã hội biết đến,

chất lượng đào tạo được công nhận, là sự lựa chọn của những học sinh có đam mê với lĩnh vực sinh học nói chung và Tâm lý học nói riêng tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

Sau khi kết thúc công tác tuyển sinh hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh nhằm mục đích đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh, từ đó xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học tới nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh hằng năm [H8.08.01.18] [H8.08.01.19].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có cơ hội kết nối, thông tin đến các giáo viên phổ thông, vốn là cựu sinh viên của nhà trường về thông tin tuyển sinh, chế độ, nhu cầu, chính sách tuyển sinh hằng năm đến các học sinh phổ thông.

- Ngành Tâm lý học định hướng phát triển theo hướng Tâm lý học đường, tập trung đào tạo các cử nhân Tâm lý có kiến thức kỹ năng về lĩnh vực tâm lý trường học đáp ứng nhu cầu nhân lực có trình độ để phát triển nền tâm lý và hỗ trợ được tâm lý cho học sinh, phụ huynh, giáo viên và đội ngũ cán bộ giáo dục tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường có chính sách học bổng khuyến khích cho tân sinh viên, tuy nhiên thông tin này chưa phổ biến rộng rãi đến với người học.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các kênh quảng bá khác nhau nhằm đưa các thông tin về chính sách học bổng khuyến khích cho tân sinh viên đến với học sinh THPT trước thời điểm đăng ký nguyện vọng.	Nhà trường Khoa Tâm lý – Giáo dục	Từ năm học 2020 - 2021
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp để lấy ý kiến về xây dựng chính sách tuyển sinh và hợp tác với các trường THPT trong công tác hướng nghiệp và tư vấn tuyển sinh hiệu quả.	Nhà trường, Khoa Tâm lý – Giáo dục	Từ năm học 2020 - 2021

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xây dựng căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.08.02.01]. Thông tin về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh [H8.08.02.02]. Tất cả thông tin về kết quả tuyển sinh đều được thông báo rõ ràng, đầy đủ trên website của ĐHĐN, trường ĐHSP [H8.08.02.03].

Từ năm 2018, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh, đây chính là cơ sở để đánh giá tính phù hợp của những tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học. Từ đó rút kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tuyển sinh cho những năm tiếp theo [H8.08.02.04].

2. Điểm mạnh

- Hình thức tuyển sinh đa dạng đã giúp thu hút được một số học sinh giỏi đến từ các trường chuyên, những học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi.

- Việc mở rộng các tổ hợp tuyển sinh đã tạo điều kiện cho những em học sinh có nhiều điểm mạnh khác nhau có thể theo đuổi ngành học.

3. Tồn tại

Từ năm tuyển sinh 2020, Trường ĐHSP đã sử dụng hình thức tuyển sinh xét tuyển thông qua điểm kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TPHCM tổ chức nhưng vẫn chưa thu hút được nhiều thí sinh đăng ký xét tuyển theo hình thức này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến về các hình thức tuyển chọn, đặc biệt là các hình thức mới.	Trường ĐHSP Khoa TLGD	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường việc xây dựng hệ thống tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, đặc biệt chú trọng xác định năng lực nền của học sinh phù hợp với ngành học, lựa chọn tổ hợp tuyển sinh phù hợp và mở rộng các tổ hợp tuyển sinh.	Trường ĐHSP Khoa TLGD	Hàng năm

5. *Tự đánh giá*: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Người học được tư vấn hỗ trợ kịp thời trong suốt quá trình học. Trước hết nhà trường có quy trình, có công cụ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng của người học. Nhà trường dựa trên Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của Đại học Đà Nẵng [H8.08.03.01] [H8.08.03.02], đồng thời ban hành quy chế đào tạo riêng của trường ĐHSP Đà Nẵng về việc xây dựng đề cương chi tiết, quy định về tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết thúc học phần, công bố điểm, quy định rõ ràng chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, quy định đánh giá điểm rèn luyện [H8.08.03.03] [H8.08.03.04] [H8.08.03.05] [H8.08.03.06] [H8.08.03.07] [H8.08.03.08]. Sự tiến bộ, kết quả học tập và khối lượng học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên được quản lý bởi phòng Đào tạo, giáo vụ Khoa và cố vấn học tập [H8.08.03.09] [H8.08.03.10]. Phòng đào tạo quản lý các quy trình bằng hệ thống website <http://qlht.ued.udn.vn>, tiến hành đánh giá định kỳ để phân tích, tổng hợp kết quả học tập cho từng người học và kết quả học tập từng kỳ được gửi trực tiếp đến sinh viên thông qua hệ thống [H8.08.03.11]. Cố vấn học tập và các giảng viên trong bộ môn và khoa căn cứ vào kết quả học tập để kịp thời khích lệ, tuyên dương cũng như nhắc nhở, tư vấn và hướng dẫn người học điều chỉnh kế hoạch học tập.

CTĐT ngành Tâm lý được thực hiện theo hệ thống tín chỉ được đăng tải lên website <http://tuyensinh.ued.udn.vn>; <http://tlgd.ued.udn.vn/>; <http://facebook/Khoatamlygiaoduc> hằng năm để sinh viên lập kế hoạch học tập linh hoạt cho cá nhân [H8.08.03.12]. Đối với sinh viên tốt nghiệp phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ (120 tín chỉ bắt buộc và 15 tín chỉ tự chọn). Số lượng tín chỉ được phân bổ hợp lý giữa các kỳ, trong đó các môn học đại cương về chính trị, pháp luật được phân bổ đều vào các học kỳ để tránh sự nhàm chán, đặc biệt trong học kỳ đầu tiên khi sinh viên mới vừa nhập học, chương trình phân bổ 1-2 học phần liên quan đến chuyên ngành không cần điều kiện tiên quyết để các giảng viên của bộ môn tiếp cận sinh viên ngay từ đầu, (như học phần Kỹ năng học tập – để hướng dẫn các em biết các học tập bậc Đại học) kịp thời định hướng nghề nghiệp, giải đáp thắc mắc về cơ hội việc làm cũng như định hướng cho sinh viên tham gia vào các nhóm nghiên cứu khoa học ngay từ học kỳ đầu

tiên. Các kì học được phân bổ hợp lí từ lí thuyết, thực hành, thực tập để người học phát triển đầy đủ kiến thức, kĩ năng, để đảm bảo hầu hết sinh viên có thể tốt nghiệp đúng tiến độ nhưng cũng linh hoạt nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có thể đăng kí học vượt hoặc học cải thiện [H8.08.03.13] [H8.08.03.14] [H8.08.03.15].

Kết quả học tập của từng môn học của người học được cập nhật lên hệ thống quản lí trực tuyến để thông báo cho sinh viên qua tài khoản cá nhân cũng như tính khối lượng tín chỉ và điểm trung bình tích lũy [H8.08.03.16]. Kết quả tích lũy là cơ sở để đưa ra chỉ tiêu cho từng sinh viên xét học bổng, cảnh báo học vụ, xét điều kiện khóa luận, tốt nghiệp [H8.08.03.16] [H8.08.03.17] [H8.08.03.18] [H8.08.03.19] [H8.08.03.20] [H8.08.03.21].

Định kỳ mỗi tháng, Nhà trường tổ chức các buổi sinh hoạt lớp để cố vấn học tập của khoa nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, quá trình học tập của sinh viên [H8.08.03.22]. Qua đó phối hợp với Ban chủ nhiệm khoa để có hướng điều chỉnh và hỗ trợ SV tốt nhất. Cuối mỗi học kì, sinh viên được đối thoại trực tiếp với toàn bộ giảng viên trong khoa để giải đáp các thắc mắc của sinh viên về đào tạo, học tập [H8.08.03.23] [H8.08.03.24]. Qua đây, khoa, nhà trường tổng hợp các ý kiến, các đề xuất của người học để kịp thời điều chỉnh, giám sát và hỗ trợ người học.

Trong quá trình học tập, những sinh viên chậm tiến độ được theo dõi, hỗ trợ từ giáo vụ Khoa, đặc biệt là cố vấn học tập nhằm tìm hiểu nguyên nhân và hỗ trợ sinh viên trong những tình huống khó khăn, có những trường hợp cần thiết cần liên lạc với gia đình để phối kết hợp hỗ trợ, tháo gỡ những vướng mắc của người học.

Đối với những sinh viên đăng kí khóa luận tốt nghiệp, khoa tổ chức đăng kí đề tài, và phân công giảng viên hướng dẫn trước một học kì để sinh viên có thời gian bố trí thí nghiệm, làm nghiên cứu, xử lí số liệu và viết bài cũng như kịp thời điều chỉnh hướng nghiên cứu nếu trong quá trình làm khóa luận gặp khó khăn [H8.08.03.19]. Bên cạnh đó, đối với sinh viên không đăng kí làm khóa luận tốt nghiệp thì được thay thế bằng thực tập tốt nghiệp có quy trình đánh giá tương ứng để nâng cao năng lực nghiên cứu, báo cáo cho người học khi tốt nghiệp [H8.08.03.25].

2. Điểm mạnh

- Trường ĐHSP - ĐHDN có hệ thống giám sát trực tuyến nhằm theo dõi và cập nhật tiến độ học tập của người học kịp thời, chính xác;
- Cán bộ GV trong khoa hầu hết là những người trẻ, nhiệt huyết, gần gũi với sinh

viên nên kịp thời nắm bắt chính xác vấn đề của sinh viên gặp phải và sẵn sàng hỗ trợ người học.

3. Tồn tại

Tài khoản quản lý của GVCN chỉ biết được kết quả học tập chung của sinh viên theo từng học kỳ mà không truy xuất được thông tin chi tiết về kết quả từng học phần. Thông tin chi tiết này chỉ được trích xuất thông qua tài khoản của Giáo vụ Khoa. Điều này gây khó khăn cho GVCN trong quá trình theo dõi sự tiến bộ của người học

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cải tiến công cụ giám sát kết quả học tập của sinh viên thông qua tài khoản điện tử dành cho CVHT	Nhà trường	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của người học, đặc biệt là các sinh viên bị cảnh báo học vụ để hỗ trợ kịp thời	Khoa Tâm lý – Giáo dục	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Chuyển từ môi trường giáo dục phổ thông lên môi trường giáo dục đại học có rất nhiều sự khác biệt, điều này khiến cho người học gặp phải nhiều khó khăn để thích ứng. Chính vì vậy, SV cần được tư vấn về học tập, các hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác ngay từ thời gian đầu ở trường đại học cho đến khi tốt nghiệp. Những hoạt động tư vấn này hướng đến mục tiêu giúp cải thiện hiệu quả học tập và khả năng có việc làm của người học, qua đó nâng cao hiệu quả chất lượng của CTĐT.

Tại trường, người học được tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả trong suốt quá trình học tập, sinh hoạt ngoại khóa. Các hoạt động tư vấn được thực hiện bởi phòng CTSV, Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên, Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh

nghiệp, đội ngũ giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập và các trợ lý giáo vụ, trợ lý NCKH của khoa [H8.08.04.01] [H8.08.04.02]. Nhà trường ban hành Quyết định cử Giáo viên chủ nhiệm – cố vấn học tập là các giảng viên chuyên môn của khoa để hỗ trợ, theo dõi và hướng dẫn sinh viên trong suốt quá trình học tập trong đó có quy định rõ nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập [H8.08.04.03], hằng năm tổ chức hội nghị giao ban công tác giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập để tổng kết rút kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp hỗ trợ sinh viên kịp thời và hiệu quả [H8.08.04.04]. Cố vấn học tập tư vấn đăng kí tín chỉ, việc rút hoặc học vượt tín chỉ, các hình thức đóng học phí trong quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H8.08.04.05].

Những sinh viên mới nhập học được tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa để phổ biến các quy chế, hướng dẫn phương pháp học tập, cách thức đánh giá cũng như các quy định của nhà trường để giúp các em có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học [H8.08.04.06]. Bên cạnh đó, nhà trường cấp sổ tay sinh viên để mỗi sinh viên tham khảo và sử dụng khi cần trong suốt quá trình học [H8.08.04.07]. Ngoài ra, nhà trường còn phân công các khoa chủ quản trong vòng 1 tháng sau khi tân sinh viên nhập học cần tổ chức buổi đón tiếp sinh viên mới có sự tham gia đầy đủ cán bộ giảng viên trong khoa, đại diện nhà trường và tất cả sinh viên của khoa [H8.08.04.08].

Trong suốt quá trình học, người học được hỗ trợ rất nhiều từ chính sách học bổng từ ngân sách của nhà trường và ngoài ngân sách [H8.08.04.09] [H8.08.04.10] [H8.08.04.11], chương trình vay vốn tín dụng [H8.08.04.12] [H8.08.04.13], quyết định miễn giảm học phí cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ chi phí học tập đối với SV người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, cũng như việc trợ cấp xã hội cho sinh viên [H8.08.04.14] [H8.08.04.15]. Cuối mỗi học kì, Khoa và Nhà trường tổ chức đối thoại với sinh viên, tiếp thu ý kiến và lắng nghe tâm tư nguyện vọng của người học để kịp thời điều chỉnh. Nhà trường còn thành lập trung tâm hỗ trợ sinh viên và trung tâm tư vấn hướng nghiệp để hỗ trợ việc làm trong thời gian đi học cũng như sau khi tốt nghiệp của người học, đăng tải thông tin tuyển dụng cũng như có báo cáo tổng kết đánh giá tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.16] [H8.08.04.17].

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được nhà trường quan tâm đẩy mạnh và hỗ trợ kinh phí, nhà trường đã hoàn thiện quy trình quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên như: ban hành quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường ĐHSP Đà Nẵng, thông báo đăng kí đề tài sinh viên NCKH,

thông báo báo cáo tiến độ thực hiện đề tài SVNCKH, công văn về việc triển khai thực hiện đề tài SVNCKH, kế hoạch tổ chức hội nghị SVNCKH [H8.08.04.18] [H8.08.04.19] [H8.08.04.20] [H8.08.04.20].

Bên cạnh việc hỗ trợ học tập, các chính sách xã hội, tổ chức Đoàn thanh niên nhà trường cũng tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa bổ ích cho người học và thu hút được đông đảo sinh viên tham gia như: Tổ chức chương trình huấn luyện kỹ năng mềm “Tạo động lực cho bản thân” cho hơn 500 sinh viên (đa phần là sinh viên năm thứ nhất), Triển khai rộng rãi nhiều chương trình, cuộc thi sáng tạo, khởi nghiệp các cấp: tham gia Ngày hội kết nối ý tưởng sáng tạo - Khởi nghiệp năm 2018 cụm Duyên hải Nam Trung Bộ; Tham gia Festival sáng tạo trẻ trong khuôn khổ Đại hội Hội Sinh viên thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2018 - 2023; Tham gia vòng chung kết cuộc thi “Danang Starup Runway 2019”. Tổ chức ngày hội Sinh viên khỏe lần thứ III năm 2019. Hoạt động đã thu hút đông đảo sinh viên đăng ký tham gia và trở thành ngày hội thực sự ý nghĩa góp phần hỗ trợ viên đạt danh hiệu sinh viên 5 tốt các cấp. Tổ chức sinh viên tham gia Hội chợ triển lãm sách của quận Liên Chiểu và các hoạt động văn hóa văn nghệ trong Hội chợ, tổ chức chương trình văn nghệ với chủ đề “Vút bay” tân sinh viên khóa tuyển sinh năm 2019 kết hợp trao 50 suất học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn và rất nhiều hoạt động ý nghĩa hỗ trợ phát triển kỹ năng và cải thiện việc học tập [H8.08.04.21] [H8.08.04.22]. Nhiều CLB, Đội, Nhóm đã được thành lập và thu hút sự tham gia của nhiều sinh viên, đây là môi trường tốt để sinh viên có cơ hội rèn luyện, nâng cao kỹ năng và tham gia vào các hoạt động xã hội [H8.08.04.23].

Song song việc hỗ trợ theo chỉ đạo của nhà trường, Khoa Tâm lý – Giáo dục cũng tổ chức rất nhiều hoạt động hỗ trợ và phát triển kỹ năng cho người học như các hội thảo Khoa học, seminar, diễn đàn khoa học như: Năm 2015: Hội thảo khoa học với chủ đề “*Sức khỏe tâm thần học đường – Từ nghiên cứu, đào tạo đến thực tiễn*” (06/11/2015); năm 2016: Hội thảo quốc tế với chủ đề “*Phát triển Tâm lý học học đường trên thế giới và ở Việt Nam*”; Từ năm 2009 – 2019: *Hội thảo tập huấn triển khai dự án liệu pháp Dosha – hou*, kết hợp với trường Đại học Aichi Gakuin và tổ chức JICA (Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản). Tổ chức khóa tập huấn về phát triển kỹ năng tham vấn tâm lý cho sinh viên như sermina khoa học: “*Nhận thức của trẻ em dưới góc nhìn Tâm lý học*”, ngày 10/6/2019. [H8.08.04.24]

Có chương trình tình nguyện viên nước ngoài giảng dạy Tiếng anh cho sinh viên

ĐHSP – ĐHDN nói chung và sinh viên ngành Tâm lý học nói riêng, như tình nguyện viên Monica Patti, Jenny Cachaya (Hoa Kỳ), Tiến sĩ Harvey John Lewis, tình nguyện viên từ Australia [H8.08.04.25]

Để nâng cao chất lượng đào tạo, tìm kiếm đầu ra cho sinh viên ngành Tâm lý học, khoa tổ chức buổi tọa đàm lấy ý kiến doanh nghiệp về chuẩn đầu ra của CTĐT cũng như những đóng góp ý kiến về nhu cầu tuyển dụng để khoa có những định hướng đào tạo đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng [H8.08.04.26]. Khoa đã ký biên bản ghi nhớ hợp tác với các đơn vị như Trung tâm tâm lý Family; Trung tâm Tâm lý Cadeaux và các cơ sở khác về việc tiếp nhận sinh viên thực hành, thực tập và công tác sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.27]. Hỗ trợ cho sinh viên tiếp cận với thông tin tuyển dụng của các cơ quan, thông tin tuyển dụng đăng trên website cũng như fanpage của khoa [H8.08.04.28]. Khoa luôn kết nối mời các chuyên gia đầu ngành liên quan đến Tâm lý về trao đổi chia sẻ nói chuyện với sinh viên [H8.08.04.29]. Ngoài ra, nhà trường ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Trường Đại học Giáo dục Quốc gia Chinju – Hàn Quốc (23/4/2015); trường Đại học Roi-et Rajabhat Thái Lan (ngày 24/3/2016) để tăng các cơ hội phát triển học tập và làm việc cho sinh viên [H8.08.04.23].

Ngoài các hoạt động hỗ trợ của trường, khoa, Liên chi Đoàn Khoa cũng tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ sinh viên, như chào Tân sinh viên; Chào năm học mới; tổ chức tham gia “Tiếp sức mùa thi” và chiến dịch “Mùa hè xanh” [H8.08.04.24].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, khoa có rất nhiều hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa, thi đua để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học cụ thể, rõ ràng, trong đó nổi trội là nhiều hoạt động hợp tác với tổ chức trong và ngoài nước, nhiều chương trình khởi nghiệp để sinh viên trải nghiệm.

3. Điểm tồn tại

Trong năm 2019, do tình hình Covid nên hoạt động ngoại khóa, trao đổi sinh viên với các trường trên thế giới bị ảnh hưởng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc	Tổ chức các hoạt động trao đổi học	Khoa TL-GD,	Từ năm

	phục tồn tại	thuật theo hình thức trực tuyến	Trường ĐHSP	học 2020- 2021
2	Phát huy điểm mạnh	-Tìm kiếm và liên kết thêm các trường học trong khu vực và trên thế giới có bề dày kinh nghiệm về đào tạo Tâm lý học để tăng cường giao lưu trao đổi sinh viên, mở rộng cơ hội du học cho người học - Tìm kiếm và liên kết thêm các trường học trong khu vực và trên thế giới có bề dày kinh nghiệm về đào tạo Tâm lý học để tăng cường giao lưu trao đổi sinh viên, mở rộng cơ hội du học cho người học - Triển khai các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn, các chứng chỉ về tư vấn tâm lý học đường; phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho người học có nhu cầu.	Khoa TL-GD Phòng KH& HTQT	Từ năm học 2020 - 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Nhằm thiết lập môi trường học tập có chất lượng, hiệu quả nhà trường luôn có chính sách về đảm bảo môi trường học tập, sức khỏe và an toàn cho người học [H8.08.05.01]. Để có được cảnh quan sạch đẹp nhà trường luôn hợp đồng với đội vệ sinh luân phiên làm việc từ 7h-22h tất cả các ngày [H8.08.05.02]. Sơ đồ Trường ĐHSP được bố trí hợp lý các khu giảng đường, khu hành chính, thí nghiệm, thể thao, giải trí [H8.08.05.03], đặc biệt nhà trường đã xây dựng hồ sen với diện tích 500m² và trồng nhiều cây xanh tạo cảnh quan tâm lý thoải mái cho người dạy và học [H8.08.05.04]. Để khuyến khích sinh viên và nhân viên tham gia thể thao nhà trường đã xây dựng sân bóng

đá, sân bóng chuyên, sân bóng rổ, phòng tập gym, nhà thi đấu thể thao và nhà sinh hoạt đa năng. Nhà trường có khu kí túc xá dành cho sinh viên ngoại tỉnh với cảnh quan thoáng mát, tiện nghi và nhiều chính sách hỗ trợ internet, thể thao, ăn uống, sinh hoạt [H8.08.05.04] [H8.08.05.05] [H8.08.05.06] [H8.08.05.07].

Khoa và Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, an toàn giao thông và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong trường [H8.08.05.08].

Nhà trường có sơ đồ, vị trí lắp đặt pano, băng rôn và hình ảnh pano, băng rôn trong đó có các Pano tại các khu giảng đường để mọi người học, nhân viên luôn nhận thức được vai trò sứ mệnh của bản thân, có động lực làm việc, học tập, phát triển bản thân [H8.08.05.09].

Nhằm hỗ trợ tâm lý cho người học, nhà trường thành lập phòng Tham vấn tâm lý, là nơi giúp cho sinh viên chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ của mình để tìm cách giải quyết vấn đề của mình. Trong đợt Covid vừa rồi, Phòng Tham vấn tâm lý đã triển khai hoạt động trợ giúp tâm lý cho sinh viên và người dân giảm thiểu khủng hoảng và ảnh hưởng tâm lý vì Covid [H8.08.05.10].

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, nhà trường có phòng y tế tại tòa nhà B5 với một cán bộ phụ trách luôn hỗ trợ sinh viên về vấn đề y tế cơ bản, hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ và cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế cho sinh viên [H8.08.05.11].

Ngoài ra, nhà trường luôn chú trọng hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, các phòng làm việc, KTX... được trang bị đầy đủ, được lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy kiểm tra định kỳ [H8.08.05.12]. Nhà trường quy định toàn cán bộ công nhân viên phải đeo băng tên khi làm việc, giữ thái độ hòa nhã và tận tụy với sinh viên và luôn nhấn mạnh văn hóa học đường, ban hành các nội quy giảng đường, nội quy phòng thí nghiệm, nội quy Thư viện và nội quy KTX [H8.08.05.13] [H8.08.05.14]. Nhà trường đã bố trí phòng thực hành tham vấn tâm lý tại nhà A5 và được trang bị cơ sở vật chất phù hợp với hoạt động thực hành tham vấn, đáp ứng nhu cầu tư vấn của người học [H8.08.05.15]

Nhằm phát triển người học về cả lý luận và thực tiễn, Khoa Tâm lý Giáo dục đã

triển khai hỗ trợ sinh viên từ việc nghiên cứu lý thuyết (thông qua việc Giảng viên hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học; làm bài tập nhóm) đến việc dẫn sinh viên đi thực hành, thực tập tại cơ sở (thông qua các hoạt động tại cơ sở) [H8.08.05.16] [H8.08.05.17] [H8.08.05.18].

Hằng kỳ, Khoa và Trường tổ chức đối thoại với sinh viên để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên để đưa ra những giải pháp cho các vấn đề mà sinh viên gặp phải. Đa số sinh viên hài lòng với những điều kiện về cơ sở vật chất Nhà trường mang lại [H8.08.05.19] [H8.08.05.20].

2. Điểm mạnh

- Trường Đại học Sư phạm có cảnh quan hài hòa, cơ sở vật chất hiện đại, có phòng hỗ trợ tư vấn tâm lý cho sinh viên

- Khoa Tâm lý – Giáo dục có bố trí các phòng thực hành tâm lý khoa học, trang bị các tài liệu khoa học nhằm cung cấp tư liệu và sự thuận tiện cho sinh viên nâng cao tri thức, chuyên môn.

3. Tồn tại

Trường chưa có những phòng chuyên biệt, hiện đại dành riêng cho hoạt động bảo vệ khoá luận tốt nghiệp, luận văn, luận án.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Bố trí các phòng chuyên biệt dành riêng cho bảo vệ khoá luận tốt nghiệp, luận văn, luận án.	Phòng CSVC	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nắm bắt được tâm lý người học để kịp thời chia sẻ, động viên	Khoa TL-GD Nhà trường	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 8:

Với mục tiêu lấy người học làm trung tâm, tất cả các hoạt động của Khoa/ Trường đều hướng đến người học từ khi lựa chọn ngành, trong suốt quá trình học tập và cũng theo sát người học ngay cả khi họ đã ra trường. Về chính sách tuyển sinh được xác định

rõ ràng, dựa vào nhu cầu của xã hội đối với ngành nghề và mức độ đáp ứng của đội ngũ giảng viên. Tất cả thông tin đều được công bố công khai và cập nhật trên các phương tiện truyền thông như website, Facebook của Trường, Khoa và các thông tin này đều được nhắc lại nhiều lần ở các dịp tư vấn tuyển sinh trực tiếp và gián tiếp.

Về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, Trường và Khoa đã sử dụng các hình thức tuyển sinh đa dạng, như xét học bạ, xét điểm tốt nghiệp qua kỳ thi THPT Quốc gia, xét tuyển thẳng với học sinh đạt giải các cấp theo quy định của Bộ GD&ĐT; và hướng đến xét tuyển thông qua điểm kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG, Tp HCM tổ chức.

Về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, Nhà trường đã dựa trên quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT; ngoài sự tham gia tích cực của các phòng ban, nhà Trường cũng đã thành lập đội ngũ cố vấn học tập/ kiêm giáo viên chủ nhiệm để đồng hành, tư vấn hỗ trợ cho sinh viên từ khi vào học đến lúc ra trường. Nhà Trường ban hành quy định về đánh giá học tập, rèn luyện; kết quả học tập được báo thông qua tài khoản cá nhân của mỗi người.

Nhà Trường đã thực sự quan tâm và tập trung đầu tư về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa (có nhiều câu lạc bộ) và các dịch vụ hỗ trợ khác như có các chính sách về học bổng; miễn/giảm học phí; và tư vấn hướng nghiệp để giúp người học phát triển khả năng của bản thân trong suốt quá trình học tập. Để giúp người học yên tâm học tập, nhà Trường đã tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất an toàn, hiện đại, tạo môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan đáp ứng nhu cầu người học.

Trong thời gian tới, Trường và Khoa sẽ tăng cường quảng bá về ngành; phối hợp chặt chẽ hơn trong việc đồng hành cùng sinh viên, tìm giải pháp trong việc nâng cao ngoại ngữ, đáp ứng chuẩn đầu ra và tăng cường các giao lưu quốc tế.

Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí với đánh giá chung: 5,4/7

TIÊU CHUẨN 9

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Mở đầu

Hiện nay, với nguồn lực hiện có, Nhà trường và Khoa Tâm lý - Giáo dục luôn cố gắng đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu và các nhiệm vụ đã đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng tham vấn tâm lý và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành mà Khoa hiện đã và đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHSP - ĐHQĐN tọa lạc tại khu vực trung tâm thành phố Đà Nẵng (số 459 Tôn Đức Thắng, P.Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng). Tổng diện tích khuôn viên là 4.67 ha, trong đó diện tích nơi làm việc là 2118 m², diện tích dành cho giảng đường: 1952m², diện tích dành cho khu giải trí, thư giãn: 6000m². Toàn trường có 99 phòng học gồm phòng học với tổng diện tích là 19526m², trung bình tỷ lệ 3m/1 sinh viên [H9.09.01.01].

Có 3 hội trường dành cho hoạt động hội thảo và họp: tòa nhà A (tầng 3: 170 ghế ngồi), A5 (tầng 3:200 và tầng 5: 550 ghế ngồi) và A6 (2 phòng x 120 ghế ngồi) [H9.09.01.02]. Trường hiện có 1043 máy tính đang sử dụng tốt [H9.09.01.03].

Nhà trường có khu tự học, nhà tập và thi đấu thể thao, 1 hồ bơi rộng 4000 m², nhà sinh hoạt đa năng rộng 2000 m², sân tập thể dục rộng ha, phục vụ cho các môn học giáo dục thể chất, hoạt động ngoài trời [H9.09.01.04], [H9.09.01.05]. Ngoài ra, để đáp ứng các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cho cán bộ và sinh viên nhà trường bố trí hội trường, có sân khấu đáp ứng công tác tổ chức giao lưu văn nghệ tạo nên tinh thần kết nối cho sinh viên trong toàn trường

Ngoài ra, Trường còn có các phòng chức năng: Phòng Đào tạo, Phòng CSVC, Phòng Khảo thí, Phòng hành chính, Phòng Công tác chính trị, Phòng Đảm bảo chất lượng... với diện tích rộng rãi, được trang bị đầy đủ tiện nghi cùng các dãy ghế cho GV và SV ngồi đợi khi đến làm việc.

Hiện tại, Khoa Tâm lý - Giáo dục đang sử dụng 12 giảng đường gồm các dãy nhà A1, A3, A4, A5, A6, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8 [H9.09.01.06]. Hầu hết các phòng

học được trang bị điều hòa và đầy đủ các thiết bị phục vụ hoạt động dạy và học như hệ thống âm thanh, ánh sáng, quạt, và máy chiếu [H9.09.01.01]. Trường cung cấp cho Khoa TLGD 01 phòng làm việc với diện tích là 30m² và phòng chức năng được bố trí ở dãy B1. Phòng làm việc của Khoa được trang bị 2 tủ đựng tài liệu, 2 máy tính, 4 bàn làm việc, 1 dãy bàn cho hoạt động hội họp để phục vụ công tác quản lý hồ sơ, giải quyết vấn đề học vụ của Khoa. Với điều kiện trang thiết bị đã được cung cấp, Khoa đã vận hành để giải quyết công việc dạy học hiệu quả. Mỗi năm, dựa vào đề xuất đầu tư TTB của Khoa cũng như đánh giá về tình hình CSV&TTB và nhu cầu của các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong năm học mới, Khoa sẽ đề xuất nhà trường mua sắm mới CSV&TTB [H9.09.01.07], [H9.09.01.08], Trường ĐHS&ĐHĐN lập kế hoạch, dự trù kiểm tra, sửa chữa và nâng cấp, mua sắm mới cơ sở vật chất [H9.09.01.09].

Nhà trường giao cho Phòng cơ sở vật chất tăng cường quản lý tài sản, trang thiết bị nhằm đảm bảo an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng [H9.09.01.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành kế hoạch chiến lược phát triển về cơ sở vật chất giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và kế hoạch định hướng quy hoạch phát triển CSV trường ĐHS&ĐHĐN đến năm 2025, tầm nhìn 2030 [H9.09.01.11].

Kết quả khảo sát trên SV về thực trạng CSV & TTB đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các Khoa và bộ môn cho thấy, đa số GV đánh giá phòng học và phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các Khoa và bộ môn, chỉ có 15% GV cho rằng chưa đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy. Tùy theo năng lực thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu giảng dạy của các Khoa và bộ môn cũng như tình hình phát triển, Trường có quy hoạch và kế hoạch xây dựng phù hợp với từng năm học [H9.09.01.12]. Hàng năm, trên cơ sở của các đơn vị sử dụng CSV, trang thiết bị, Nhà trường có kế hoạch và kinh phí để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp kịp thời trang thiết bị bảo đảm cho việc triển khai CTĐT và thực hiện rà soát các phòng học, trang thiết bị để có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu CTĐT của Khoa [H9.09.01.13].

Ý kiến phản hồi của người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học và trang thiết bị cho thấy, 70.6% người học cho rằng CSV của nhà trường đáp ứng đủ yêu cầu dạy và học, chỉ 29.4% cho rằng CSV của Trường chưa đáp ứng được yêu cầu của người học. Từ kết quả này, nhà trường tổ chức họp các đơn vị và có biện pháp khắc phục những tồn tại và phát huy những điểm tích cực [H9.09.01.14].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHSP đã đáp ứng đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy học. Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ máy chiếu. Nhiều phòng học được trang bị điều hòa, diện tích phòng học rộng rãi, thoáng mát.

3. Điểm tồn tại

03 dãy nhà cấp 4 B4, B5, B6 lợp mái tôn không được cách âm, khi mưa to gây ồn, ảnh hưởng đến chất lượng bài giảng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch cải tạo cách âm cho 03 dãy nhà B4, B5, B6	Phòng CSVC	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch và các dự án đầu tư về phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng.	Phòng CSVC	Năm học 2020 -2021

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Xác định Thư viện là một trong những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy và học, Nhà trường đã xây dựng quy trình kiểm soát hoạt động thư viện nhằm thiết lập, thực hiện và duy trì kiểm soát các hoạt động của thư viện [H9.09.02.01]. Với quan điểm trên, thư viện được bố trí ở khu vực trung tâm trong khuôn viên nhà trường, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho GV và sinh viên tiếp cận. Thư viện được trang bị tương đối đầy đủ các thiết bị đáp ứng nhu cầu công tác chuyên môn và phục vụ như: Máy tính, máy in, máy scan, photocopy, máy đọc mã vạch và các số lượng các đầu sách phục vụ nhu cầu bạn đọc. Tổng số sách không ngừng được bổ sung mới qua các năm. Thống kê về các tài liệu học tập của thư viện Trường Đại học Sư phạm được trình bày ở Bảng 9.2.

Bảng 9.2. Thống kê các tài liệu học tập tại thư viện Trường ĐHSP-ĐHĐN

Loại tài liệu	Thống kê qua các năm				
	2016	2017	2018	2019	2020

Sách giáo trình và tài liệu tham khảo	10.617 / 100.212 cuốn sách	20.230 / 113.815 cuốn sách	20.240 / 113.844 cuốn sách	20.364 / 115.697	26.038 / 122.098
Khóa luận tốt nghiệp	2.294 (thêm 512)	2.721 (thêm 427)	3.052 (thêm 331)	3.325 (thêm 273)	3.574 (thêm 249)
Tài liệu tham khảo trong và ngoài nước		12.803 / 26.940	21.990 / 36.887	22.088 / 37.065	22.012 / 37.089

Bên cạnh đó, hàng năm Trường cũng được bổ sung thêm một số lượng sách và giáo trình tham khảo từ các Khoa. Năm học 2018-2019, Khoa Tâm lý - Giáo dục đã xuất bản 07 giáo trình thuộc lĩnh vực Tâm lý học, Giáo dục học, cung cấp thêm tài liệu học tập hữu ích cho sinh viên trường Đại học Đà Nẵng [H9.09.02.01].

Để phục vụ công tác đào tạo, Thư viện đã bổ sung được nguồn tài liệu đáp ứng nhu cầu đào tạo chuyên ngành với số lượng 42 nhan đề 929 bản tài liệu chuyên sâu. Hàng năm, Thư viện trường không ngừng bổ sung các nguồn tài liệu đáp ứng quá trình phát triển của ngành, năm 2016 với số lượng 31 nhan đề 201 bản, năm 2017 với số lượng 42 nhan đề, 78 bản, năm 2019-2020 với số lượng 7 nhan đề, 20 bản tài liệu [H9.09.02.02].

Thư viện có cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Có đầy đủ danh mục tài liệu cho mỗi học phần thuộc chương trình đào tạo ngành Tâm lý học và có TLTK đối với mỗi học phần thuộc CTĐT như khóa luận, luận văn... [H9.09.02.03].

Bên cạnh các hoạt động phục vụ truyền thống, Trường đã đầu tư xây dựng thư viện điện tử, phần mềm quản lý thư viện ALNET được dùng chung cho mạng lưới thư viện Đại học Đà Nẵng để tăng cường khả năng tiếp cận thông tin, tiếp cận nguồn tài liệu phục vụ học tập nghiên cứu một cách thuận tiện nhất, [H9.09.02.04].

Hiện tại, nguồn tài nguyên điện tử trong thư viện là 39.916 file và số lượng file đang tăng nhanh, sinh viên có thể dễ dàng tra cứu nguồn tài liệu đã được số hóa theo đường link <http://thuvien.ued.vn:8080/dspace>. Trong chiến lược phát triển cơ sở vật chất của nhà trường, ưu tiên hàng đầu sẽ dành cho các tài liệu điện tử. Bên cạnh đó sinh viên

còn có thể dùng chung tài liệu toàn văn từ các CSDL của các trường thành viên, mục đích trao đổi và chia sẻ nguồn tin điện tử với Thư viện.

Hàng năm, Trường có dự trù kinh phí bổ sung, việc bổ sung có sự phối hợp giữa Thư viện với khoa, được rà soát, đảm bảo đáp ứng chương trình đào tạo và NCKH. Kinh phí bổ sung và nguồn tài liệu đều tăng qua các năm. Kinh phí bổ sung mua sắm tài liệu năm 2015-2016 dự trù là 10.705.000 đồng, 2016-2017 dự trù là 39.982.000 đồng, 2019-2020 dự trù 6.802.000 đồng [H9.09.02.05].

Công thông tin điện tử cho phép người sử dụng tiếp cận các thông tin cơ bản về những tài liệu hiện có trong thư viện. Người dùng có thể chọn lựa nhiều phương án tìm kiếm tài liệu theo yêu cầu của mình, có thể tìm theo tác giả, nhan đề, chủ đề. Ngoài ra, phần mềm quản lý thư viện cho phép SV và GV tự theo dõi, quản lý lịch sử sử dụng của mình thông qua tài khoản cá nhân [H9.09.02.06]. Ngoài dạng tài liệu giấy, thư viện còn có các nguồn tài nguyên điện tử khác (tiếng Việt và cơ sở dữ liệu ngoại văn) [H9.09.02.07].

Trong chiến lược phát triển cơ sở vật chất của Nhà trường, ưu tiên hàng đầu sẽ dành cho các tài liệu điện tử. Bên cạnh đó, sinh viên còn có thể dùng chung tài liệu toàn văn từ các CSDL Thư viện mua quyền truy cập như: Thư viện có ký kết hợp tác, trao đổi và chia sẻ nguồn tin điện tử với Thư viện; kết nối thư viện số với các thư viện khác tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung.

Thư viện luôn tạo điều kiện tốt nhất về thời gian cho sinh viên và giáo viên, giờ mở cửa cho mượn và trả theo giờ hành chính, từ thứ 2 đến thứ 6 [H9.09.02.08].

Để đáp ứng công tác chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ tốt công tác đào tạo của nhà trường, đội ngũ viên chức của Thư viện được lãnh đạo nhà trường quan tâm tuyển chọn, với tổng số 05 nhân viên. Trong đó trình độ cử nhân chuyên ngành Thư viện: 04, trình độ cử nhân chuyên ngành Địa lý: 01. Đội ngũ này thường xuyên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho từng vị trí công việc [H9.09.02.09].

Để theo dõi nhu cầu sử dụng và khả năng đáp ứng, thư viện khảo sát hai năm/lần. Kết quả khảo sát năm 2017 cho thấy phần lớn bạn đọc hài lòng về mức độ đáp ứng nhu cầu bạn đọc, chỉ có 2% số bạn đọc được khảo sát cho rằng thư viện chưa đáp ứng được nhu cầu của bạn đọc. Việc khảo sát được lên kế hoạch, kết quả học tập được tổng hợp và có biện pháp khắc phục hạn chế nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của bạn đọc [H9.09.02.10].

2. Điểm mạnh

Thư viện được đầu tư nguồn học liệu phù hợp, trang thiết bị hiện đại và được cập nhật thường xuyên để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Ngoài ra, Trường còn có hệ thống thư viện điện tử và thư viện số, người dùng có thể truy cập thông tin một cách dễ dàng, nhanh chóng.

3. Điểm tồn tại

Sách và giáo trình của các tác giả nước ngoài có giá thành cao, gây khó khăn cho giảng viên và sinh viên trong quá trình tiếp cận các nghiên cứu mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch thực hiện từng bước để mua một số cơ sở dữ liệu, ebooks để phát triển nguồn lực thông tin; tiếp tục số hóa tài liệu, phục vụ khai thác thông tin qua mạng	Thư viện Bộ phận CSVC Khoa TLGD	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện công tác thư viện, phục vụ tốt nhu cầu nghiên cứu của GV và SV	Thư viện	Hàng năm

5. Đánh giá tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 9.3 Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Để nâng cao chất lượng dạy và học, gắn liền giữa lý thuyết và thực hành tại trường, Trường ĐHSP-ĐHĐN đã đầu tư xây dựng phòng Thực hành TLGD và phòng tham vấn tâm lý theo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT nhằm hình thành kỹ năng và năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, học viên cao học, đáp ứng chuẩn đầu ra của việc đào tạo GV, cũng như việc đào tạo ngành cử nhân TLH và công tác xã hội [H9.09.03.01].

Phòng thực hành và tham vấn tâm lý được bố trí khu vực tại phòng 308 và 309 nhà A5, là khu vực thoáng mát, đảm bảo môi trường học tập và thực hành chuyên môn [H9.09.03.02]. Phòng thực hành tham vấn có diện tích 50-60m², có thể đáp ứng cho khoảng 50-60 sinh viên thực hành tham gia học tập. Phòng tham vấn có diện tích khoảng

10m2. Phòng tham vấn tâm lý được cung cấp một số trang thiết bị như ghế sofa, bàn tròn, 2 tủ đựng hồ sơ, 1 kệ đựng sách, 2 máy tính để bàn, 1 máy in, máy chiếu, hệ thống âm thanh, đèn điện, micro, camera, một số công cụ đo lường và đánh giá trong tâm lý và đánh giá trong Tâm lý học nhằm phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trang thiết bị trong phòng thực hành được cập nhật, bảo dưỡng để đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu của CTĐT và người sử dụng. Phòng cũng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về ánh sáng, nhiệt độ, được bài trí phù hợp [H9.09.03.01].

Đối với một ngành khoa học có tính ứng dụng cao như ngành Tâm lý học thì việc có phòng thực hành và tham vấn tâm lý là rất cần thiết và phù hợp với xu hướng phát triển chung trên thế giới. Hiện tại phòng thực hành và tham vấn tâm lý có máy tính được kết nối internet và có một số công cụ đặc thù cho ngành Tâm lý học đảm bảo việc nghiên cứu và đào tạo của cán bộ và sinh viên, học viên cao học của Khoa. Để phát huy hiệu quả, đảm bảo sử dụng và bảo quản tốt các trang thiết bị, Khoa phân công cụ thể GV phụ trách [H9.09.03.03]. Mỗi phòng đều có một cán bộ phụ trách làm nhiệm vụ quản lý và có đội ngũ sinh viên tình nguyện viên hỗ trợ với lịch trình làm việc cụ thể cũng như nội quy quy định hoạt động rõ ràng [H9.09.03.04]. Các thiết bị được cung cấp theo yêu cầu của Khoa và đều thông qua quy trình đã được Trường phê duyệt. Kế hoạch mua sắm, kết quả thực hiện và quản lý, sử dụng đều được công khai [[H9.09.03.05]. Chương trình hoạt động có sổ nhật ký theo dõi, cập nhật tình hình sử dụng trang thiết bị trong phòng hàng ngày [H9.09.03.06].

Trong tương lai, phòng Thực hành và phòng Tham vấn tâm lý sẽ tiếp tục phát huy vai trò là đầu mối tổ chức các hoạt động nghề nghiệp như thực hành tham vấn, thực hành xử lý số liệu nghiên cứu, tổ chức seminar, các hoạt động tham vấn hỗ trợ sinh viên cũng như cộng đồng. Ví dụ, trong hai đợt dịch vừa qua, Phòng tham vấn đã tổ chức nhiều đợt tư vấn online hỗ trợ các nạn nhân trong dịch Covid vượt qua sang chấn tâm lý [H9.09.03.07]. Để đáp ứng được yêu cầu hoạt động của Phòng, Khoa đã bổ nhiệm các GV có nhiều kỹ năng, kinh nghiệm trong hoạt động tham vấn tham gia điều hành và hỗ trợ nhân lực tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên đăng ký tham gia khi có nhu cầu cần hỗ trợ [H9.09.03.08] [H9.09.03.09]. Phản hồi của SV sau khi được tham vấn tâm lý tại phòng nhìn chung đều hài lòng và đánh giá cao sự hỗ trợ tham vấn kịp thời và hiệu quả của các thầy cô giáo [H9.09.03.10]. Ngoài ra, phòng thực hành và phòng tham vấn tâm lý còn là địa điểm thích hợp để các chuyên gia dạy kỹ năng thực hành thực tập tốt nghiệp cho sinh viên cuối khóa [H9.09.03.11]. Ngoài ra, phòng tham vấn còn phát huy vai trò

xung kích đi đầu trong các hoạt động hỗ trợ cộng đồng như tư vấn online trong mùa dịch Covid 19 cho các nạn nhân có biểu hiện lo lắng, rối loạn lo âu khi phải đối mặt với tình hình dịch bệnh, [H9.09.03.12] [H9.09.03.13]. Năm 2018 Bộ giáo dục quyết định phê duyệt dự án tập huấn về phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật tại thành phố Đà Nẵng, vì vậy Nhà trường cấp cho Khoa phòng A5 -108 làm phòng Dự án với chức năng quản lý, phân phối và lên chi tiết công việc cho các đoàn chuyên gia của Nhật về thực hành phương pháp Dosha-hou [H9.09.03.14] [H9.09.03.15].

2. Điểm mạnh

Sự ra đời và hoạt động của phòng thực hành và phòng tham vấn tâm lý góp phần quan trọng vào việc kết hợp đào tạo lý thuyết và thực hành ngành Tâm lý - Giáo dục; hỗ trợ đắc lực các hoạt động chuyên môn và công tác nghiên cứu khoa học của Khoa, góp phần hỗ trợ tâm lý cho những SV gặp khó khăn trong đời sống tinh thần, giúp SV yên tâm học tập.

3. Điểm tồn tại

Giá thành của các bộ công cụ nghiên cứu, trắc nghiệm tâm lý khá cao, do đó các công cụ phục vụ hoạt động nghiên cứu hiện có chưa phong phú và đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Đề xuất nhà trường hỗ trợ thêm kinh phí để trang bị thêm các bộ công cụ phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu chuyên sâu.	Khoa TLGD	Từ năm 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường trao đổi học thuật thông qua việc tổ chức các chương trình tập huấn, hội thảo, seminar để phát huy hiệu quả hoạt động của Phòng	Khoa TLGD và tổ TLH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHSP-ĐHĐN có hệ thống CNTT (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường và Khoa. Nhà trường thành lập Tổ Công nghệ thông tin nhằm quản lý và bảo trì các thiết bị máy chủ, thiết bị mạng và đường truyền kết nối liên thông mạng nội bộ nhằm đảm bảo hệ thống mạng của Nhà trường và Khoa hoạt động liên tục [H9.09.04.01].

Trường ĐHSP-ĐHĐN có 1043 máy vi tính được kết nối với internet. SV có thể sử dụng các phòng máy này cho mục đích tìm kiếm thông tin [H9.09.04.02]. Các máy tính được cài đặt với nhiều phần mềm có bản quyền và luôn cập nhật các phiên bản mới nhất. Trường cũng đã xây dựng một phòng đa phương tiện để phục vụ SV trong hoạt động học tập trực tuyến [H9.09.04.03].

Trong những năm gần đây, SV và GV cũng có thể chia sẻ tài liệu và kinh nghiệm dạy và học thông qua tài khoản cá nhân trên website <http://truonghocketnoi.edu.vn> của MOET và website học tập trực tuyến e-learning. Bên cạnh đó, Nhà trường đã nâng cấp hệ thống máy chủ, hệ thống mạng truyền thông, wifi đảm bảo chia sẻ thông tin dữ liệu hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu [H9.09.04.04], [H9.09.04.05].

Nhà trường đã trang bị cho Khoa Tâm lý - Giáo dục 2 máy tính để bàn, một máy in, một máy photocopy phục vụ hoạt động hành chính, văn phòng, 3 máy tính xách tay cho Lãnh đạo khoa, trong đó có công việc phụ trách trang web Khoa dùng để đăng bài, hỗ trợ các công việc liên quan đến hoạt động giảng dạy của Khoa [H9.09.04.06].

Trong quá trình đổi mới các phương pháp giảng dạy, Nhà trường đã chủ trương xây dựng hệ thống học trực tuyến. Trong năm học 2019-2020, Nhà trường đã áp dụng hệ thống Elearning triển khai các học phần chung và học phần đại cương cho nhiều khoa trong đó có ngành TLGD [H9.09.04.07]. Cả khoa có 16 giảng viên tham gia giảng dạy một số môn chung đã được tập huấn soạn bài giảng, vận hành hệ thống Elearning [H9.09.04.08].

Để đảm bảo cho hoạt động của Trường hiệu quả và thông suốt, các đơn vị chuyên trách đều có phần mềm quản lý công việc phù hợp. Nhà trường đã đầu tư các phần mềm liên quan đến quản lý đào tạo [H9.09.04.09].

Dạy học trực tuyến, đặc biệt, hệ thống phần mềm Dạy học trực tuyến Microsoft 365 đã góp phần phục vụ đắc lực hoạt động dạy học trực tuyến trong mùa dịch Covid, nhờ đó, trong suốt cả mùa dịch, hoạt động học vẫn diễn ra bình thường, đúng tiến độ

[H9.09.04.10] [H9.09.04.11].

Trong khuôn viên Trường có hệ thống wifi miễn phí. Tỷ lệ máy tính dùng cho công tác quản lý và các phòng chức năng đạt 100%. Tất cả cán bộ, GV đều có email công vụ; website trường và các khoa, đơn vị được cập nhật thông tin đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình công tác và giảng dạy. Để phục vụ và quản lý tốt việc dạy và học, năm 2017, Trường đã nâng cấp website quản lý đào tạo <http://qlht.ued.udn.vn>. SV có thể truy cập website 24/24h để theo dõi kết quả học tập, tiến độ học tập và đăng ký tín chỉ.

Ngoài hệ thống website của Trường, Khoa Tâm lý-Giáo dục đã xây dựng website riêng: <http://www.tlgd.ued.udn.vn>. Công việc này được bàn giao cho 1 thư ký phụ trách trang web chịu trách nhiệm về mặt nội dung và hình ảnh, thường xuyên cập nhật những thông tin cần thiết phục vụ công tác đào tạo, quản lý sinh viên của khoa, NCKH [H9.09.04.12]. Ngoài ra, Khoa sử dụng email ued.udn@gmail.com để liên hệ với sinh viên, GV và trang mạng xã hội facebook *Khoa tâm lý giáo dục* để cập nhật thông tin cần thiết, hữu ích cho sinh viên. .

Để nâng cao chất lượng sử dụng hệ thống CNTT, Trường có sổ Nhật ký theo dõi và kiểm tra thiết bị phục vụ giảng dạy từng ngày, từng tháng [H9.09.04.13]. Do đó, khi có sự cố xảy ra, bộ phận IT của Trường nhanh chóng sửa chữa, nâng cấp kịp thời. Toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin thường xuyên được duy trì, bảo dưỡng và cập nhật liên tục. Nhà trường có kế hoạch nâng cấp hệ thống các phần mềm, hệ thống mạng wifi, trang bị thêm máy tính cho các phòng làm việc, phòng thực hành máy tính, máy chiếu projector ở các phòng học và có nhật ký theo dõi, kiểm tra thiết bị phục vụ giảng dạy của trường [H9.09.04.14], [H9.09.04.15].

Kết quả khảo sát trực tuyến sự hài lòng của người học về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học trong năm học 2016-2017 cho thấy, 70.6% người học cho rằng hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng là đầy đủ, luôn cập nhật và đáp ứng tốt các yêu cầu trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, chỉ có 29.4% người học là chưa thật sự hài lòng về mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu [H9.09.04.16].

2. Điểm mạnh

- Hệ thống công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính tại các phòng chuyên đề, hệ thống wifi) được chú trọng đầu tư và nâng cấp để phục vụ hoạt động giảng dạy và quản

lý đào tạo;

- Đội ngũ cán bộ nhân viên nhà trường chủ động, sáng tạo trong việc sử dụng các công cụ trực tuyến hữu dụng như FB, Zalo, Teams... để ứng dụng tối đa các tính năng ưu việt của các công cụ này vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Một số vị trí trong Trường tín hiệu wifi vẫn chưa ổn định.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục nâng cấp hệ thống mạng trong toàn trường, phủ phát sóng mạng không dây đến toàn bộ khuôn viên Nhà trường, tăng cường hướng dẫn giảng viên và SV khai thác hiệu quả dữ liệu nhằm phục vụ tốt nhất cho công tác đào tạo, giảng dạy và NCKH	Tổ CNTT&TT	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tập huấn nâng cao năng lực ứng dụng CNTT trong giảng dạy, đặc biệt là năng lực xây dựng bài giảng trực tuyến.	Tổ CNTT&TT	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Bên cạnh việc chú trọng đầu tư chất lượng dạy - học, Trường ĐHSP - ĐHĐN cũng rất quan tâm đến việc xây dựng môi trường lành mạnh, thúc đẩy phát triển sức khỏe và an toàn cho SV, trong đó có lưu ý đến đặc thù của người khuyết tật. Các giảng viên Khoa Tâm lý - Giáo dục cũng đã lưu ý điều chỉnh phong chữ, màu sắc, vị trí chỗ ngồi trong các giờ giảng cho những sinh viên khiếm thị [H9.09.05.01]

Để giữ cho môi trường được sạch đẹp, Trường có một đội nhân viên vệ sinh thay phiên nhau làm việc liên tục tất cả các ngày trong tuần 24/24 giờ [H9.09.05.02], và một hồ sen rộng làm không gian thư giãn cho SV sau những giờ học tập căng thẳng [H9.09.05.03].

Trường ĐHSP có một phòng y tế tại nhà A4 với cán bộ phụ trách có trình độ chuyên môn để cung cấp các dịch vụ y tế thiết yếu và xử lý kịp thời các tính huống y tế khẩn cấp xảy ra. Vào đầu mỗi năm học, Trường sẽ thông báo cho SV kế hoạch khám sức khỏe, thành lập ban tổ chức khám sức khỏe đầu khóa cho sinh viên, thống kê số lượng, hợp đồng khám sức khỏe cũng như đăng ký bảo hiểm y tế và tai nạn cho SV [H9.09.05.04], [H9.09.05.05], [H9.09.05.06], [H9.09.05.07]. Để khuyến khích các hoạt động thể thao, rèn luyện sức khỏe cho SV và cán bộ, Trường ĐHSP đã xây dựng các sân bóng đá, bóng chuyền, và bóng rổ ngoài trời cũng như một nhà đa năng với đầy đủ các sân chơi thể thao và nhà tập thể hình [H9.09.05.08].

Để đảm bảo an toàn trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Trường quyết định thành lập ban chỉ huy PCCC [H9.09.05.09]. Định kỳ, Trường tổ chức tập huấn PCCC cho cán bộ viên chức và sinh viên trong toàn trường [H9.09.05.10] [H9.09.05.11]. Ngoài ra, Trường còn thành lập đội PCCC phản ứng nhanh tại chỗ thường xuyên thực hành thực tập phương án chữa cháy và các kế hoạch ứng phó khẩn cấp khi có các sự cố bất ngờ xảy ra [H9.09.05.12], [H9.09.05.13], [H9.09.05.14], [H9.09.05.15].

Để đảm bảo an toàn trong toàn bộ khuôn viên của nhà trường, Trường ĐHSP đã thuê đội bảo vệ từ công ty bảo vệ. Đội ngũ cán bộ Tổ bảo vệ trực 24/24 đảm bảo trật tự, an ninh trong Nhà trường [H9.09.05.16], [H9.09.05.17]. Ngoài ra, Trường còn ký quy chế phối hợp giữa cảnh sát khu vực phụ trách địa bàn phường Hòa Khánh Nam với đội tự quản sinh viên ký túc xá trường ĐHSP về công tác đảm bảo an ninh trật tự trong ký túc xá trường ĐHSP [H9.09.05.18]. Ngoài ra, Trường còn có một lực lượng xung kích được thành lập từ các cán bộ viên chức. Mỗi năm lực lượng này được tập huấn một lần để luôn trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu khi có sự cố mất an ninh bất ngờ xảy ra. Hiện nay, Trường ĐHSP cũng đã xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp khi các sự cố bất ngờ xảy ra [H9.09.05.14]. Đồng thời, nhà trường còn có các quy định cụ thể về nội quy Trường học, nội quy giảng đường để đảm bảo sự an toàn môi trường học đường [H9.09.05.19] [H9.09.05.20].

Công tác vệ sinh môi trường phòng ngừa dịch bệnh luôn được nhà trường chú trọng và đảm bảo [H9.09.05.21], [H9.09.05.22], [H9.09.05.23], [H9.09.05.24].

Nhà ăn, căng tin của Trường đã thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thực phẩm, chế độ dinh dưỡng phục vụ thường xuyên cho CB, GV và người học [H9.09.05.25].

Trường Đại học Sư phạm luôn có các chính sách hỗ trợ sinh viên nghèo như giảm học phí, học bổng, hỗ trợ trong ký túc xá [H9.09.05.26].

2. Điểm mạnh

- Công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo sức khỏe và an toàn cho cán bộ và SV được thực hiện tốt và có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật;
- Cảnh quan, môi trường của Trường phù hợp với môi trường sư phạm.

3. Điểm tồn tại

- Việc hỗ trợ cho SV khuyết tật mới chỉ dừng lại ở sự bố trí các phòng học ở tầng 1, nơi có hệ thống đường dành riêng cho người khuyết tật. Một số nhà thiết kế cũ (khá lâu) nên không có hệ thống thang máy, gây khó khăn cho SV khuyết tật khi di chuyển.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hợp lý đường dốc từ sân trường lên tầng 1 của mỗi tòa nhà, giúp SV khuyết tật có thể tự vào phòng học mà không cần phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người xung quanh.	Phòng CSVC	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng diện tích phủ xanh trong khuôn viên Nhà trường	Phòng CSVC	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 9:

Mặc dù vẫn còn một số tồn tại như đã chỉ ra trong từng tiêu chí, nhưng nhìn chung, việc đánh giá tình trạng cơ sở vật chất và trang thiết bị của Khoa Tâm lý - Giáo dục nói riêng, Trường ĐHSP nói chung về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu học tập của sinh viên và giảng viên.

Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí với mức đánh giá: 4,8/7

TIÊU CHUẨN 10

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đóng vai trò quan trọng – bởi đó chính là những cải tổ, thay đổi không ngừng phù hợp với những biến đổi của yêu cầu xã hội. Trong 15 năm đào tạo ngành Tâm lý học của Khoa Tâm lý-Giáo dục đã có rất nhiều lần rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng, đặc biệt hiện nay, chương trình đào tạo đã được định hướng theo tiêu chuẩn hình thành năng lực người học; đưa nhiều các học phần thực hành, thực tế góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp cho sinh viên sau đào tạo. Để có được chất lượng của chương trình đào tạo, Khoa cũng đã đảm bảo được việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để làm căn cứ phát triển chương trình; luôn có những đánh giá, cải tiến trong việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra; Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học; Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến; Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

Trong tiêu chuẩn này, có 6 tiêu chí, được đánh giá như sau:

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1. Mô tả

Với mục tiêu đào tạo ra các SV có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục và hội nhập giáo dục trên thế giới, CTDH ngành TLH được thiết kế dựa trên sự tham khảo các trường trong và ngoài nước để có những điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện và sự phát triển của Việt Nam. CTDH ngành TLH cũng được điều chỉnh theo hướng coi trọng đào tạo năng lực và tạo sự thuận tiện cho người học. Việc rà soát, điều chỉnh CDR, CTDH đều được thực hiện theo quy trình và có sự so sánh giữa CTDH trong nước và quốc tế, và được thực hiện theo quy trình, quy định của Nhà trường trong đó có bước khảo sát ý kiến của các bên liên quan [H10.10.01.01] [H10.10.01.02][H10.10.01.03][H10.10.01.04].

Nhà trường và Khoa đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên

liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp). Để việc khảo sát được hiệu quả, Khoa đã sử dụng quy trình khảo sát các bên liên quan để thu thập thông tin làm căn cứ cho việc xây dựng và phát triển CTDH [H10.10.01.01]. Các hình thức thu thập thông tin được thường được sử dụng là lấy ý kiến trực tiếp thông qua Hội nghị đào tạo, phiếu khảo sát, qua google form, qua hình thức phỏng vấn... Hoạt động khảo sát được tổ chức định kỳ hàng năm.

Khoa Tâm lý - Giáo dục sử dụng thông tin phản hồi và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của các đơn vị liên quan làm căn cứ để thiết kế CTDH. Để có các thông tin phản hồi, Khoa đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nhân viên, SV, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và SV đã tốt nghiệp). Điều đó đã được thể hiện ở Thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H10.10.01.05]; văn bản hướng dẫn rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo của ĐHQĐ [H10.10.01.06]; biên bản họp đào tạo cấp Khoa giao nhiệm vụ thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.01.07], biên bản lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH [H10.10.01.08]. Ngoài ra, trong năm học 2018-2019, Khoa còn tổ chức Hội nghị đào tạo, Hội nghị về mạng lưới thực hành-thực tập có mời các nhà tuyển dụng, các đơn vị thực hành-thực tập, từ đó xin các ý kiến phản hồi trực tiếp cho chương trình đào tạo [H10.10.01.09]. Các đợt khảo sát nhà tuyển dụng, quản lý giáo dục và giáo viên thường tập trung vào các khía cạnh sau: sự hài lòng của các bên liên quan đến chất lượng cử nhân TLH tốt nghiệp CTDH về kiến thức, kỹ năng, thái độ; đánh giá về sự phù hợp của CĐR và CTDH, nhu cầu của các bên liên quan về nguồn nhân lực cho lĩnh vực tâm lý học [H10.10.01.10].

Sau khi có được ý kiến của các bên liên quan thông qua phiếu hỏi, phỏng vấn, tọa đàm trực tiếp tại Hội nghị, Hội thảo, Seminar có thể tổng hợp lại thành 2 cách xử lý thông tin theo phương pháp định tính và định lượng. Đối với các ý kiến thu thập từ phỏng vấn, đối thoại được ghi trong biên bản từ Hội thảo, Hội nghị, Seminar được tổng hợp thành nhóm các ý kiến giống nhau; Đối với các ý kiến được khảo sát thông qua phiếu được tính toán dựa trên phần mềm thống kê toán học để đảm bảo độ chính xác và tin cậy của các thông tin. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được áp dụng vào điều chỉnh chương trình đào tạo [H10.10.01.11]. Bên cạnh đó, mỗi năm học,

CTDH đều lấy ý kiến đánh giá của GV, SV cuối khóa về CTDH, những ý kiến này là cơ sở để xây dựng, cải tiến, điều chỉnh CTDH [H10.10.01.10] [H10.10.01.12][H10.10.01.13].

Hàng năm, Trường và Khoa TL-GD đã tổ chức thu thập dữ liệu về tình hình sinh viên tốt nghiệp, việc làm của SV. Đến nay, Trường và Khoa đã có cơ sở dữ liệu về địa chỉ liên lạc và tình hình việc làm của SV tốt nghiệp. Các dữ liệu nói trên được lưu thành văn bản tại Phòng KT&ĐBCLGD [H10.10.01.14], [H10.10.01.15]. Qua những thông tin này, Khoa đánh giá lại quá trình đào tạo, cải tiến điều chỉnh CTDH sao cho phù hợp nhằm giúp người học được trang bị những kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết trước khi tốt nghiệp.

Thực hiện theo đúng chủ trương cải tiến chất lượng đào tạo, giảng dạy, năm 2019, Trường tiếp tục điều chỉnh lần 2 CTDH ngành TLH sau 2 năm đào tạo. Trong quá trình cập nhật điều chỉnh CTDH, Khoa TL-GD mời các chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các viện nghiên cứu, các nhà tuyển dụng lao động, giảng viên và cán bộ quản lý, sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan sử dụng làm căn cứ điều chỉnh CTDH lần 2 nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội. Qua các góp ý của các bên liên quan cho thấy, hầu hết các ý kiến cho rằng CTDH ngành TLH là hợp lý, tên các học phần, số tín chỉ của các học phần là phù hợp, tuy nhiên trong CTDH cần tăng thêm các tín chỉ thực hành sinh viên. Dựa trên kết quả điều tra, Khoa TLGD đã thiết kế và phát triển CTDH ngành TLGD cho khóa đại học hệ chính quy 2020 với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa là 130/148 tín chỉ nhằm tăng cường các kỹ năng làm việc của SV ngành TLH [H10.10.01.16].

Để có được kết quả như trên, Nhà trường và khoa đã xây dựng các quy định, mẫu phiếu điều tra khảo sát cụ thể và kế hoạch lấy ý kiến khảo sát, phản hồi của các bên liên quan kịp thời và đều đặn, nhằm phục vụ cho việc đánh giá và điều chỉnh CTDH của khoa. Khoa TL-GD và Phòng KT&ĐBCLGD tiếp nhận các thông tin phản hồi của các bên liên quan qua điều tra bằng bảng hỏi, hội thảo, điều tra bằng bảng hỏi qua internet [H10.10.01.17].

Các thông tin phản hồi thu thập được đảm bảo tính khoa học, độ tin cậy, là căn cứ quan trọng để Khoa thiết kế và phát triển CTDH. Khoa đã sử dụng thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để làm căn cứ thiết kế, xây dựng và điều chỉnh, phát triển CTDH [H10.10.01.18]... Khoa đã điều chỉnh CTDH với số lượng tín chỉ phù

hợp, ghép các học phần lý thuyết và thực hành để tăng tính chuyên sâu và liên tục trong đào tạo, tăng cường môn thực hành, bổ sung ... nhằm giúp sinh viên rèn luyện nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

2. Điểm mạnh

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan được tiến hành theo quy trình hướng dẫn, phương pháp lấy ý kiến khoa học, tin cậy; sự phối hợp để cung cấp thông tin của các bên liên quan khá tích cực, hiệu quả cho việc thiết kế chương trình đào tạo. Những điểm mạnh này có được xuất phát từ mối quan hệ gắn bó của Khoa với các cơ sở tuyển dụng, phối hợp thực hành, thực tập; ngoài ra, có sự hỗ trợ của đội ngũ các chuyên viên chuyên trách của các phòng, ban trong nhà trường, sự nỗ lực và chuyên tâm của các giảng viên trong Khoa.

3. Điểm hạn chế

Hệ thống khảo sát online cho các đối tượng bên ngoài trường còn chưa linh hoạt do hạn chế phần mềm yêu cầu bắt buộc phải cung cấp tài khoản.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tích hợp dữ liệu thu thập thông tin dành cho đối tượng ngoài trường vào phần mềm đảm bảo tính linh hoạt trong thu thập dữ liệu	Phòng ĐT Phòng KT&ĐBCLGD	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì kinh nghiệm triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan, phát huy các phương pháp lấy ý kiến hiệu quả, tin cậy	Phòng KT&ĐBCLGD Khoa Tâm lý – Giáo dục	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Chương trình dạy học ngành TLH được thiết kế một cách rõ ràng, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. CTDH được thiết lập căn cứ vào CDR ngành TLH, định kỳ điều chỉnh, đánh giá tính hiệu quả thông

qua những ý kiến khảo sát, phản hồi từ các bên liên quan.

Nhà trường và Khoa thực hiện quy trình xây dựng và phát triển CTDH theo quy định của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.01] [H10.10.02.02][H10.10.02.03][H10.10.02.04], [H10.10.02.05], thể hiện rõ cấu trúc, khối lượng, kiến thức và CĐR cần đạt được của người học [H10.10.02.06]. Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo là đầu mối tổ chức chỉ đạo các khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTDH. Khoa là đơn vị trực tiếp xây dựng, thiết kế và phát triển CTDH theo hướng dẫn. CTDH ngành TLH tiến hành phát triển CTDH sao cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể theo quy định của nhà trường. CTDH bao gồm các thành tố: mục tiêu, CĐR, tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng; các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế và được thiết kế theo hướng phát triển năng lực người học, giúp người học hình thành năng lực thực hành nghề nghiệp, đảm bảo cho mọi SV ra trường đều có việc làm và được xây dựng theo quy trình được quy định tại các văn bản của nhà trường. Bộ môn/chương trình và Hội đồng Khoa tổ chức họp và thông qua CTDH [H10.10.02.07].

Chương trình dạy học được định kỳ điều chỉnh và đánh giá tính hiệu quả từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Căn cứ vào việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập dựa trên văn bản hướng dẫn quy trình căn cứ vào kết quả xử lý phiếu khảo sát dữ liệu lấy ý kiến của các bên liên quan [H10.10.02.08]; Khoa Tâm lý-Giáo dục đã rà soát, cải tiến lại những nội dung chương trình, điều đó đã được thể hiện ở chương trình dạy học được điều chỉnh 2019 như việc tăng thêm số lượng tín chỉ thực hành trong môn học, tăng tính chuyên sâu và liên mạch của của chương trình môn học (ghép các môn học Công tác xã hội và Kỹ năng Công tác xã hội thành môn Công tác xã hội-3TC; môn Giáo dục kỹ năng sống và Thực hành giáo dục kỹ năng sống thành môn Phương pháp giáo dục kỹ năng sống (4TC), điều chỉnh kế hoạch dạy học tăng động lực học tập, trải nghiệm của sinh viên) [H10.10.02.09].

Việc điều chỉnh, cập nhật CTDH có sự đối chiếu từ các CTDH chuyên ngành Tâm lý học của trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội, trường Đại học Đại học Oakland, Mỹ [H10.10.02.10].

CTDH ngành TLH đã điều chỉnh 02 lần, đó là các năm 2017 và 2019. Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa đều thực hiện theo quy trình cụ thể [H10.10.02.02] [H10.10.02.03] [H10.10.02.04] [H10.10.02.05].

Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa Tâm lý - Giáo dục thành lập nhóm chuyên gia

về chuyển đổi CTDH bao gồm đại diện các cơ sở sử dụng SV tốt nghiệp; giảng viên; cán bộ quản lý các cấp; các chuyên gia trong lĩnh vực Tâm lý học [H10.10.02.11]. Theo hướng dẫn của trường ĐHSP - ĐHDN, nhóm chuyên gia đề xuất chương trình, sau đó Tổ Tâm lý, Hội đồng khoa Khoa Tâm lý – Giáo dục đã thảo luận để thống nhất [H10.10.02.12] [H10.10.02.13]. Các nội dung trong khung chương trình dự thảo được gửi đến giảng viên, các nghiên cứu viên, chuyên gia tâm lý học, nhà tâm lý học thực hành, các cán bộ quản lý đào tạo để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi thẩm định [H10.10.02.14] [H10.10.02.15]. Sau khi thẩm định, nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến góp ý của các bên liên quan và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để trường ĐHSP-ĐHDN thẩm định lần cuối và chính thức ban hành khung CTDH Khoa Tâm lý-Giáo dục sau điều chỉnh năm 2017, 2019 [H10.10.02.16] [H10.10.02.17].

CTDH ngành TLH hằng năm được định kỳ rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển. Hoạt động này là bắt buộc tại CTDH TLH. Định kỳ sau mỗi năm học, CTDH TLH sẽ gửi phiếu khảo sát CTDH cho các bên liên quan đánh giá sự phù hợp của CT, những phương pháp tiếp cận dạy và học có góp phần hỗ trợ người học hoàn thành CTDH.

Căn cứ vào chuẩn đầu ra ban hành trong các giai đoạn của CTDH trình độ đại học ngành Tâm lý học, Khoa sẽ tiến hành đánh giá việc thực hiện chuẩn đầu ra trong việc biên soạn đề cương các học phần, giáo trình đáp ứng chuẩn đầu ra [H10.10.02.18]. Trong quá trình thực hiện CTDH, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến giảng viên về chất lượng CTDH, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H10.10.02.08]. Ngoài ra, ý kiến của các chuyên gia có uy tín, giảng viên thường xuyên được ghi nhận trong các biên bản của các Hội nghị, Hội thảo, Hội nghị thực tập thực tế của Khoa, các Tọa đàm trao đổi thông tin học thuật nhằm củng cố các khối kiến thức lý thuyết gắn với thực hành nghề, đem lại sự tiếp cận đa dạng cho người học về nghề nghiệp chuyên môn từ thực tiễn chuyên môn của các chuyên gia [H10.10.02.19].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá và cải tiến CTDH được thực hiện định kỳ 2 năm/lần theo quy trình thống nhất của trường ĐHSP-ĐHDN. Các ý kiến hoạt động đánh giá có sự tham gia đông đảo của các chuyên gia đầu ngành Tâm lý học, cán bộ quản lý các cấp, giảng viên, SV đang học, cựu SV và nhà tuyển dụng. CTDH được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

Rất nhiều giảng viên, cựu SV của Khoa Tâm lý - Giáo dục tham gia vào quá trình phản hồi ý kiến xây dựng chương trình đã có thời gian học tập theo các chương trình tiên tiến của nước ngoài và/hoặc có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy trong các CTDH cử nhân ngành tâm lý của các trường đại học khác. Do đó, họ có sự đối sánh giữa các CTDH TLH để đưa ra những góp ý mang tính xây dựng cho CTDH TLH của Khoa Tâm lý - Giáo dục.

3. Điểm tồn tại

Đối với các môn đặc thù mời thỉnh giảng, GV thỉnh giảng còn gặp hạn chế trong thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Chỉ đạo GV cải tiến và viết tài liệu giảng dạy theo yêu cầu mới - Có lộ trình hỗ trợ GV thỉnh giảng điều chỉnh chương trình môn học - Tổ chức tập huấn hỗ trợ GV phát triển chương trình môn học - Thường xuyên lấy ý kiến đánh giá cho chương trình đào tạo từ các bên liên quan.	Khoa TLGD Tổ TLH	Từ năm học 2020 - 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức tốt hoạt động thiết kế và phát triển chương trình dạy học	Khoa TLGD Tổ TLH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Trường ĐHSP-ĐHĐN đã áp dụng hệ thống các quy trình để rà soát quá trình tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT trong quá trình thực hiện CTĐT [H10.10.03.01]. Nhà trường đã xây dựng một hệ thống giám sát

chặt chẽ tiến trình này nhằm đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp với những gì đã thiết kế và công bố [H10.10.03.02]. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Để tổ chức đảm bảo chất lượng dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên đảm bảo tính tương thích với chuẩn đầu ra môn học và chương trình đào tạo, Khoa Tâm lý - Giáo dục dựa vào Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng và Trường ĐHSP ban hành năm 2015 [H10.10.03.02], [10.10.03.03]. Vấn đề rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập người học được thực hiện thường xuyên, định kỳ mỗi năm.

Để tiến tới cải tiến hoạt động đánh giá người học theo năng lực tích lũy, các học phần đều đã xây dựng dựa trên CĐR học phần/đề cương chi tiết học phần, công bố công khai tới SV trên trang web của Khoa. Mục đích của việc thiết kế là để chuẩn hóa hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng và phù hợp với mục tiêu đào tạo, góp phần chuẩn hóa và nâng cao chất lượng giảng dạy; đồng thời giúp người học chủ động lập kế hoạch học tập có chiến lược và phương pháp, đáp ứng CĐR của học phần. Đến thời điểm này, đề cương học phần được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT. Tất cả đề cương môn học đều được rà soát, điều chỉnh hằng năm nhằm cập nhật những thông tin về nội dung môn học, trọng số đánh giá, phương pháp dạy học, danh mục tài liệu tham khảo hay cách thức đánh giá quá trình hoặc hình thức kiểm tra kết thúc học phần. Mỗi đề cương chi tiết có chỉnh sửa đều được thông qua nhóm GV dạy, thành lập hội đồng phản biện và làm tờ trình đề xuất điều chỉnh gửi khoa, Phòng Đào tạo trình duyệt thông qua đề cương môn học mới. Và mọi chỉnh sửa về đề cương đều dựa trên ý kiến đóng góp các chuyên gia, hội đồng phản biện điều chỉnh chương trình [H10.10.03.03] [H10.10.03.04].

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và học phần. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm:

bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Chú trọng đánh giá việc đổi mới PPGD và kiểm tra, đánh giá theo hướng hình thành và phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu cho người học nên các tiêu chí trung cầu ý kiến người học tập trung đánh giá việc áp dụng các PPGD tích cực, các phương pháp kiểm tra, đánh giá hiện đại theo tiếp cận đánh giá quá trình. Đồng thời nhằm kiểm tra mức độ phù hợp và tương thích với CDR của CTĐT, các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, SV năm cuối ngành TLH được thực hiện tự đánh giá để kiểm tra năng lực tích lũy kiến thức và kỹ năng theo CDR [H10.10.03.03].

Hàng năm, Khoa Tâm lý – Giáo dục tổ định kỳ họp rà soát, đánh giá quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập của sinh viên cấp Tổ bộ môn và Khoa, tham gia xét học vụ theo sự chỉ đạo của Nhà trường và phòng Đào tạo [H10.10.03.05].

Mỗi học kỳ, hoạt động giảng dạy của GV được đánh giá từ người học. Kết quả này được Khoa thông báo đến GV để biết điều chỉnh kịp thời phương pháp giảng dạy phù hợp. Bên cạnh đó, nhằm đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, khoa và Tổ bộ môn thường xuyên giám sát, kiểm tra, dự giờ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV theo định kỳ. Kết thúc mỗi học kỳ, nhà trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan đến chất lượng giảng dạy của giảng viên và hoạt động kiểm tra, đánh giá. 100% các học phần trong CTĐT ngành TLH đều được lấy ý kiến đánh giá. Kết quả thu được cho thấy, chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được SV đánh giá cao [H10.10.03.06] [H10.10.03.07]. Ngoài ra, Khoa TL-GD tổ chức các buổi Đối thoại sinh viên nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của SV cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá [H10.10.03.08].

Công tác cố vấn học tập được Khoa chú trọng thực hiện đặc biệt quan tâm đến việc theo dõi tình hình kết quả học tập của SV từng học kỳ để tư vấn cho SV đăng ký, điều chỉnh kế hoạch học tập sao cho phù hợp [H10.10.03.09].

Tất cả ý kiến đóng góp từ các bên liên quan về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập được tiếp thu và Khoa tích cực triển khai cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

2. Điểm mạnh

Việc rà soát quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học được Nhà trường và Khoa chú trọng quan tâm, thực hiện thường xuyên theo các quy định của Nhà trường và của Khoa, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của ngành TLH.

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường ĐHSP-ĐHĐN, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu, chưa định kỳ tổ chức các seminar về quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học tại Tổ bộ môn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ tổ chức các seminar về quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học tại Tổ bộ môn nhằm chia sẻ kinh nghiệm dạy học và kiểm tra, đánh giá.	Khoa Tâm lý - Giáo dục Tổ TLH	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì sự phối hợp đồng bộ và đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá của giảng viên trong Khoa	Khoa Tâm lý – Giáo dục	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Các kết quả NCKH được Khoa TL-GD sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Trong các tiêu chí đánh giá cải tiến việc dạy học, thì ứng dụng NCKH vào hoạt động dạy học là một trong những tiêu chí quan trọng được đưa vào đề cương môn học, đề cương bài giảng. Hàng năm, Trường cũng như Khoa TLGD khuyến khích các GV và SV tham gia NCKH trong đó thể hiện mục tiêu sử dụng kết quả đó phục vụ cho việc dạy và học [H10.10.04.01] [H10.10.04.02] [H10.10.04.03]. Dưới đây là bảng thống kê một số đề tài được ứng dụng trong giảng dạy của giảng viên và học tập của SV trong giai đoạn từ năm 2015 – 2020 [H10.10.04.04]:

Bảng 1. Bảng thống kê một số đề tài được ứng dụng trong giảng dạy và học tập của GV và SV trong giai đoạn từ năm 2015 – 2020

TT	Tên đề tài	Năm nghiệm thu	Lĩnh vực ứng dụng
1	Nghiên cứu hoạt động tham vấn tâm lý cho học sinh tại các trường THCS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	2015	Tâm lý học tham vấn
2	Xây dựng chương trình giáo dục phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học thành phố Đà Nẵng	2017- 2018	Giáo dục kỹ năng sống
3	Nghiên cứu đề xuất giải pháp bồi dưỡng kỹ năng tư vấn tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm tại các trường THCS trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	2018- 2020	Tâm lý học tham vấn
4	Xây dựng chương trình giáo dục sức khỏe tâm thần cho học sinh các trường THCS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	2018- 2020	Tâm bệnh học; Tâm lý học trị liệu; Tâm lý học giáo dục
5	Ứng dụng phương pháp Dohsa-hou trong trị liệu tâm lý cho trẻ khuyết tật thành phố Đà Nẵng	2018- 2020	Tâm bệnh học; Tâm lý học trị liệu
6	Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp can thiệp cộng đồng phòng chống trầm cảm ở người cao tuổi tại thành phố Quảng Ngãi.	2019- 2021	Tâm bệnh học; Tâm lý học trị liệu

Khoa Tâm lý – Giáo dục là một trong những khoa có phong trào nghiên cứu khoa học mạnh của trường, cụ thể số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước và nước ngoài của giảng viên trong Khoa liên tục tăng cao trong những năm gần đây. Đối với GV, NCKH là nhiệm vụ được quy định và nhà trường có các hình thức hỗ trợ động viên phù hợp và được khen thưởng kịp thời [H10.10.04.02]. Ngoài ra, NCKH cũng là tiêu chí quan trọng quyết định kết quả thi đua của giảng viên [H10.10.04.05]. Nhờ vậy, mà kết quả NCKH của GV trong Khoa tăng trong những năm gần đây. Tính từ năm 2016 đến nay, CTĐT ngành TLH của Trường ĐHSP-ĐHĐN đã thực hiện được 26 đề tài các cấp (trong đó có 12 đề tài cấp trường, 8 đề tài cấp Đại học Đà Nẵng, 3 đề tài cấp Bộ và 04 đề tài cấp Sở KHCHN và cấp Tỉnh, biên soạn được 15 giáo trình, 01 tài liệu

tham khảo, 01 sách chuyên khảo, 39 bài đăng tạp chí chuyên ngành, 23 bài hội thảo và tạp chí quốc tế (trong đó có 3 bài báo thuộc danh mục ISI). Các tài liệu này được giới thiệu trực tiếp trong chương trình đào tạo. Sản phẩm NCKH của GV Khoa TLGD như đề tài NCKH, các bài báo được công bố không ngừng tăng lên về số lượng và chất lượng. Năm học 2019-2020 tăng gấp 22 lần so với năm học 2015-2016, cao gấp 5,5 lần so với năm học 2017-2018. [H10.10.04.06]. Các nghiên cứu của giảng viên đã góp phần cải tiến phương pháp giảng dạy, từ đó việc dạy và học đạt hiệu quả hơn, chất lượng bài giảng được cập nhật theo xu hướng mới giúp nâng cao chất lượng học tập của người học.

Bên cạnh việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, Khoa thường xuyên tổ chức các Seminar và Hội nghị khoa học cấp Khoa, cấp quốc gia và quốc tế nhằm định hướng nghiên cứu, công bố các kết quả nghiên cứu của giảng viên đến cho đồng nghiệp và sinh viên, từ đó có những ứng dụng hiệu quả vào hoạt động dạy học, cũng như cải tiến, bổ trợ cho chất lượng nội dung dạy học, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra môn học và chương trình đào tạo [H10.10.04.07]. Cụ thể các Hội thảo, Hội nghị lớn được thể hiện ở bảng sau:

TT	Hội nghị, Hội thảo	Thời gian	Cấp tổ chức
1	Hội thảo Khoa học cấp Khoa: Hỗ trợ sức khỏe tâm thần học đường – từ nghiên cứu, đào tạo đến thực tiễn	Năm học 2015-2016	Khoa
2	Hội thảo khoa học quốc tế Tâm lý học học đường lần thứ 5 “Phát triển tâm lý học đường trên thế giới và ở Việt Nam”	Năm học 2015-2016	Quốc tế
3	Hội thảo quốc gia “Tâm lý học, Giáo dục học với tình yêu, hôn nhân và gia đình”	Năm học 2016-2017	Quốc gia Quỹ tài năng trẻ TLH-GDH VN
4	Hội nghị các nhà tâm lý học Việt Nam	Năm học 2017-2018	Quốc gia
5	Hội thảo về phát triển liệu pháp Dohsa-hou trong trị liệu cho trẻ khuyết tật Việt Nam	Năm học 2018-2019	Cấp Khoa Phối hợp với ĐH Aichi Gakuin

Hầu hết SV học CTĐT cử nhân tâm lý học được tham gia NCKH thông qua hình thức làm tiểu luận và khóa luận tốt nghiệp [H10.10.04.08]. Trong những năm gần đây,

NCKH của sinh viên của ngành tâm lý học bắt đầu tăng dần về số lượng và chất lượng, đã đạt được nhiều giải thưởng từ hoạt động NCKH sinh viên cấp trường [H10.10.04.09]. Trường và Khoa tổ chức hội nghị SV NCKH hàng năm [H10.10.04.10]. Kết quả NCKH của sinh viên đã được đăng tải trên các kỷ yếu hội thảo, hội nghị khoa học uy tín [H10.10.04.11].

Khoa Tâm lý-Giáo dục rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH, vì vậy tỷ lệ SV NCKH trong những năm gần đây đã tăng nhất định. Ngoài ra, nhiều đề tài NCKH, đề tài khoá luận/báo cáo tốt nghiệp của SV cũng chính là các nhánh trong các đề tài nghiên cứu của GV [H10.10.04.11].

Bảng 2: Bảng thống kê các đề tài và các công bố SVNCKH tiêu biểu trong giai đoạn từ năm 2017 – 2020

TT	Tên đề tài SVNCKH và bài báo khoa học được công bố	Năm bảo vệ	Ghi chú
1	Nghiên cứu biểu hiện ngôn ngữ cơ thể về hành vi bạo lực học đường (SV. Nguyễn Thành Công, K2015) <i>Giải nhất cấp trường</i>	2016-2017	Là nhánh đề tài Nghiên cứu cấp trường: Hành vi hung tính ở học sinh tiêu học của GV. TS. Nguyễn Thị Trâm Anh Đạt giải nhất cấp trường Giải khuyến khích cấp thành phố Có bài báo công bố trên Kỷ yếu Hội thảo quốc tế
2	Kỹ năng kiểm soát cảm xúc của HS THCS tại thành phố Đà Nẵng (nhóm SV lớp 14CTL và 15CTL)	2017-2018	Đạt giải ba cấp Bộ Có bài báo công bố trên Kỷ yếu Hội thảo quốc tế
3	Nghiên cứu hành vi thích ứng của trẻ rối loạn phổ tự kỷ tại thành phố Đà Nẵng (Phan Thị Như Hoài, học viên cao học)	2018-2019	Là nhánh đề tài Ứng dụng phương pháp Dohsa-hou trong trị liệu tâm lý cho trẻ khuyết tật TP Đà Nẵng của TS. Lê Mỹ Dung – chủ nhiệm đề tài Có bài báo công bố trên Kỷ yếu Hội thảo quốc tế
4	Nghiên cứu nhận thức về chăm sóc sức khỏe tâm thần của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (SV. Nguyễn Thị Anh Đào, năm học	2018-2019	Là nhánh đề tài Xây dựng chương trình giáo dục sức khỏe tâm thần cho học sinh các trường THCS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng – TS. Nguyễn Thị Trâm Anh chủ nhiệm đề tài cấp ĐHDN

	2018-2019)		
5	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận giáo dục của học sinh khuyết tật tại thành phố Đà Nẵng (Nhóm SV lớp 16CTXH, năm học 2018-2019) – <i>Đạt giải nhì SVNCKH cấp Bộ</i> Tiếp cận dịch vụ công tác xã hội của trẻ khuyết tật tại thành phố Đà Nẵng (Nhóm SV lớp 17CTXH, năm học 2019-2020) <i>Tham dự NCKH cấp trường</i>	2019-2020	Là nhánh đề tài: Giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục đại học cho học sinh hiện nay (Nghiên cứu trường hợp tại thành phố Đà Nẵng) – TS. Hà Văn Hoàng chủ nhiệm đề tài cấp ĐHĐN

NCKH của GV được đưa vào nội dung in ấn xuất bản thành các tài liệu học tập, giáo trình học tập cho sinh viên. Cụ thể như, giáo trình Kỹ năng tham vấn học đường, Tâm lý học giáo dục [H10.10.04.12].

Trong nhiều năm qua, GV và SV của Khoa Tâm lý-Giáo dục đã tập trung nghiên cứu những vấn đề thực tiễn liên quan đến việc dạy và học. Các kết quả NCKH được áp dụng và chuyển tải thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTDH của GV và SV biết vận dụng những kiến thức lý thuyết trong thực hành, đồng thời nâng cao năng lực NCKH của bản thân.

2. Điểm mạnh

Khoa có phong trào nghiên cứu khoa học rất mạnh, huy động được sự tham gia của tất cả các giảng viên trong khoa cũng như SV.

Số lượng các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí trong nước khá lớn tính bình quân trên mỗi giảng viên cũng như so với tiêu chuẩn quy định của Trường và có xu hướng năm sau cao hơn năm trước.

Các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học đều được ứng dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập thực tế của SV.

Khoa tổ chức nhiều Hội nghị, Hội thảo các cấp tạo cơ hội tham gia trao đổi kinh nghiệm, học tập chuyên môn học thuật ở GV và SV với các chuyên gia quốc tế và trong nước.

3. Điểm tồn tại

Số lượng bài báo có chỉ số quốc tế nằm trong danh mục ISI và SCOPUS còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích Đăng tải được các bài báo trên tạp chí quốc tế có chỉ số (SCOPUS, ISCI)	Phòng KH&HTQT Khoa TL-GD	Tháng 6-7 năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và phát huy hoạt động của nhóm nghiên cứu giảng dạy và khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.	Phòng KH&HTQT Khoa TL-GD Tổ TLH	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 6/7

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng rất lớn đến công tác giảng dạy, học tập, NCKH. Trong những năm gần đây, dựa trên tiêu chuẩn ISO, trường ĐHSP có quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích như trang bị thêm nhiều tư liệu từ điện tử cho đến các đầu sách, liên kết với nhiều cơ sở dữ liệu điện tử hỗ trợ tìm kiếm tài liệu chuyên ngành, hệ thống công nghệ thông tin được nâng cấp phục vụ cho học tập online [H10.10.05.01], [H10.10.05.02]. Kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng của CSVC tại Trường [H10.10.05.03], biên bản đối thoại SV hàng năm [H10.10.05.04] cho thấy mức độ hài lòng của SV được nâng lên; có nhiều các góp ý về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, ví dụ cải thiện sân bóng sinh viên, nhà vệ sinh, các bậc lên xuống cho người khuyết tật tại các toà nhà, dịch vụ wifi miễn phí trong trường, đầu tư xây dựng phòng tham vấn tâm lý, trang bị thêm nhiều tư liệu điện tử cho đến các đầu sách, liên kết với nhiều cơ sở dữ liệu điện tử hỗ trợ tìm kiếm tài liệu chuyên ngành, hệ thống công nghệ thông tin được nâng cấp phục vụ cho học tập online...

Nhà trường luôn nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy dựa trên kế hoạch

mua sắm vật tư phục vụ thực hành thí nghiệm, đầu tư máy móc phục vụ thực hành giảng dạy hay không gian tự học. Tất cả kế hoạch đều thực hiện theo quy trình hợp lý vận dụng linh hoạt theo từng thời điểm và luôn hỗ trợ kịp thời cho hoạt động dạy và học của GV và SV. Nhà trường thực hiện duy trì cơ sở vật chất bằng việc kiểm tra và thay thế các trang thiết bị hỏng hóc trước khi mỗi học kì bắt đầu [H10.10.05.05] [H10.10.05.06].

Tại thư viện, tài liệu học tập luôn được đánh giá và bổ sung [H10.10.05.07]. Hàng năm, thư viện có kế hoạch bổ sung nguồn tài liệu dựa trên cơ sở đề xuất của các Khoa chuyên môn, đặc biệt là các tài liệu đã được số hoá, từ đó xây dựng nguồn dữ liệu đa dạng cho người học [H10.10.05.08].

Năm 2020, Nhà trường đang cải tạo, nâng cấp Thư viện hiện tại sang Thư viện số, hiện đại trên cơ sở nguồn kinh phí của Trường và của Chương trình ETEP. Sau khi nâng cấp, Thư viện sẽ là điểm đến hấp dẫn và hiệu quả đối với sinh viên và giảng viên của Trường [H10.10.05.09].

Ngoài ra, Trường còn khu tự học với không gian thoáng mát tạo thuận lợi cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu [H10.10.05.10].

Dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe học đường cũng được Trường rất quan tâm đặc biệt. Các kế hoạch nâng cấp dịch vụ y tế cũng được thống kê hàng năm lập kế hoạch thực hiện và đánh giá hiệu quả sử dụng [H10.10.05.11].

Trong năm 2018, Khoa được nhà trường trang bị Phòng tham vấn tâm lý và bước đầu đã đi vào hoạt động, phát huy được vai trò hỗ trợ, trợ giúp sinh viên, học viên cao học trong việc nâng cao tay nghề, thực hành xử lý số liệu, đồng thời đã làm tốt công tác tham vấn tâm lý cho những sinh viên có nhu cầu, đảm bảo ổn định tinh thần và đời sống tâm lý cho sinh viên [H10.10.05.12].

2. Điểm mạnh

- Trường, Khoa thường xuyên khảo sát ý kiến của giảng viên và SV về các dịch vụ hỗ trợ và có sự cải tiến để đáp ứng nhu cầu đào tạo và học tập.

- Khoa có dịch vụ hỗ trợ tư vấn tâm lý cho sinh viên, giúp sinh viên ổn định tinh thần và đạt được hiệu quả học tập tốt

3. Điểm tồn tại

Thư viện Nhà trường đang trong giai đoạn sửa chữa nên gây khó khăn cho hoạt động học tập, nghiên cứu của người học và giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thành Thư viện điện tử số theo đúng kế hoạch để phục vụ hiệu quả công tác dạy, học và NCKH của giảng viên và SV	Phòng CSVC	Năm 2020
2	Phát huy điểm mạnh	- Thường xuyên đánh giá và cải tiến dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho người học - Duy trì việc hỗ trợ tâm lý cho sinh viên có nhu cầu hỗ trợ	Phòng CSVC Khoa Tâm lý – Giáo dục	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Phòng KT&ĐBCLGD Trường ĐHSP-ĐHĐN là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng giáo dục các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.01], [H10.10.06.02]. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Nhà trường các hoạt động ĐBCL: tự đánh giá CSGD, CTĐT, đánh giá hoạt động GD của GV, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, Khảo sát sự hài lòng của sinh viên tốt nghiệp về khóa học... Các thông tin phản hồi sẽ được xử lý và gửi báo cáo cho nhà trường, khoa đào tạo [H10.10.06.03] [H10.10.06.04] [H10.10.06.05] [H10.10.06.06] [H10.10.06.07].

Nhà trường ban hành những quy trình, quy định và hướng dẫn thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan một cách cụ thể, rõ ràng với cơ chế phản hồi mang tính hệ thống [H10.10.06.03]. Trường đã xây dựng công cụ thu thập thông tin phản hồi về hoạt động giảng dạy của GV, chất lượng của ĐT, NCKH... được thiết kế khoa học; có phần mềm nhập liệu, xử lý và phân tích kết quả khảo sát [H10.10.06.08]. Với cơ chế thu thập thông tin phản hồi như: khảo sát, bảng hỏi, đối thoại,... thường được sử dụng để thu thập ý kiến phản hồi và các góp ý từ SV về hoạt động giảng dạy được tổng hợp và làm cơ sở để lập kế hoạch cho việc phát triển đội ngũ GV cũng như cải tiến phương pháp giảng dạy, hay các hoạt động hỗ trợ giảng dạy.

Hình thức thu thập thông tin phản hồi chủ yếu là phiếu hỏi nhằm thu thập ý kiến

phản hồi và các góp ý của SV về hoạt động giảng dạy. Kết quả khảo sát được tổng hợp làm cơ sở để lập kế hoạch cho việc nâng cao chất lượng dạy học [H10.10.06.09].

Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ đại học ngành cử nhân Tâm lý học, kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình [H10.10.06.10]. Trong các lần điều chỉnh, hệ thống bảng hỏi đều có sự điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn xác nhất Định kỳ hàng năm, các hoạt động đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Tâm lý học thông qua phản hồi từ các bên liên quan đều được Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với Khoa thực hiện theo đúng hướng dẫn của trường ĐHSP - ĐHDN. Hiện nay, theo quy định và Hướng dẫn của ĐHDN, vào cuối năm học hàng năm, tất cả các giảng viên cơ hữu của Khoa Tâm lý-Giáo dục phải thực hiện hoạt động tự đánh giá 4 nhiệm vụ: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn [H10.10.06.11].

Ngoài ra, Khoa Tâm lý-Giáo dục phối hợp với Phòng CSVC thực hiện hoạt động lấy ý kiến của người học về học phần, hoạt động lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động hỗ trợ người học [H10.10.06.08][H10.10.06.12].

Việc thu thập thông tin phản hồi từ doanh nghiệp là nguồn thông tin quan trọng để Khoa có chiến lược phù hợp nhằm nâng cấp hiệu chỉnh CTĐT [H10.10.06.13]. Các kết quả này được thu nhận và được tổng hợp từ các doanh nghiệp có sử dụng nhân lực của CTĐT Cử nhân TLH và các doanh nghiệp có sử dụng nhân sự là cựu SV của CTĐT. Việc khảo sát được thực hiện linh hoạt bằng nhiều phương thức như phỏng vấn thông qua các phiên giao dịch việc làm hay phỏng vấn trực tiếp nhà tuyển dụng. Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT đại học ngành cử nhân Tâm lý học [H10.10.06.14]. Thông qua ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Khoa TL-GD có những điều chỉnh, cải tiến trong việc rà soát CDR các CTĐT, đổi mới PPDH, kiểm tra, đánh giá. Cụ thể đã điều chỉnh tăng thời lượng thực hành trong các môn học, tăng các giờ hoạt động trải nghiệm thực tế tại các cơ sở thực hành – thực tập [H10.10.06.15]

Trong năm học 2018-2019, Khoa đã tổ chức Hội nghị đào tạo và trong Hội nghị này, đại diện các cơ sở thực tập – đồng thời cũng là các cơ sở đã và đang sử dụng sinh viên tốt nghiệp của Khoa Tâm lý-Giáo dục đã nêu các ý kiến trao đổi trực tiếp với cán

bộ và SV về nhu cầu thực tế đối với CTĐT theo chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H10.10.06.16]

Khoa Tâm lý - Giáo dục cũng đã xây dựng mạng lưới các cơ sở thực hành-thực tập chuyên ngành cử nhân tâm lý học và lấy ý kiến về chất lượng của CTĐT thông qua việc thực hành, thực tập của SV [H10.10.06.17], [H10.10.06.18].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện định kỳ, có tính hệ thống.

Cơ chế phản hồi được đánh giá, phân tích, tổng hợp, cải tiến định kỳ là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

- Một số hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan còn chậm so với kế hoạch và hệ thống khảo sát đôi khi còn bị trục trặc kỹ thuật.

- Số lượng đối tượng khảo sát ngoài trường còn hạn chế

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến theo đúng kế hoạch. - Đảm bảo sự ổn định của hệ thống khảo sát. - Tăng cường khảo sát các đối tượng ngoài trường.	Phòng KT&ĐBCLGD Phòng KHTC Tổ CNTT&TT Khoa TLGD	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Cơ chế phản hồi của các bên liên quan tiếp tục được thiết lập một cách hệ thống, được đánh giá và cải tiến.	Khoa Tâm lý – Giáo dục	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 10:

Để đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo, Khoa Tâm lý-Giáo dục cũng đã đảm bảo được việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để làm căn cứ phát triển chương trình; luôn có những đánh giá, cải tiến trong việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được

rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra; Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học; Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến; Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến. Bên cạnh đó còn có những hạn chế trong công tác đảm bảo chất lượng, điều đó là cơ sở để Khoa Tâm lý-Giáo dục tiếp tục quan tâm để cải tiến nhằm đáp ứng được nhu cầu học tập của người học và yêu cầu của chương trình học, nhu cầu xã hội.

Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí, mức đánh giá 5,17/7.

TIÊU CHUẨN 11

KẾT QUẢ ĐẦU RA

Mở đầu

Kết quả đầu ra minh chứng cho quá trình đào tạo chuyên ngành Tâm lý học tại Khoa TL-GD có những điểm mạnh cần phát huy, cải tiến những điểm còn hạn chế và đề ra những biện pháp phát triển. Dựa trên các minh chứng thực trạng chung, có thể nói, kết quả đầu ra của chương trình đào tạo đã đạt yêu cầu với số lượng sinh viên có việc làm chiếm gần 70%, và chất lượng được đào tạo được thể hiện ở kết quả sử dụng lao động của các nhà tuyển dụng, kết quả đánh giá của các đơn vị sử dụng lao động. Kết quả đó là cơ sở để Khoa Tâm lý-Giáo dục rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với xu thế phát triển xã hội và các nhu cầu chính đáng của các đơn vị sử dụng lao động.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hàng năm, Khoa Tâm lý-Giáo dục kết hợp với Phòng Đào tạo, Phòng CTSV thống kê và giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của sinh viên. Nhà trường xây dựng hệ thống quản lý đào tạo thông qua các phần mềm/website quản lý đào tạo <http://daotao.ued.udn.vn> và quản lý học tập <http://qlht.ued.udn.vn> và ban hành quy trình nghỉ học tạm thời, thôi học, học lại của sinh viên, Quy trình quản lý xét kết quả học tập để thu thập cơ sở dữ liệu về sinh viên đang theo học CTĐT [H11.11.01.01] [H11.11.01.02]. Khoa Tâm lý-Giáo dục thống kê, giám sát chặt chẽ tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên thông qua hệ thống GVCN, cố vấn học tập, trợ lý Khoa và cán bộ Phòng Đào tạo.

Theo kết quả thống kê của các khóa, khóa 2012-2016, tổng số sinh viên xét tốt nghiệp là 220 sinh viên, số sinh viên được cấp bằng là 196, chiếm 74,8%. Khóa 2013-2017, cho thấy tỷ lệ SV tốt nghiệp và được nhận bằng đúng tiến độ là 70,8%. Khóa 2014-2018, cho thấy tỷ lệ SV tốt nghiệp và được nhận bằng đúng tiến độ là 63,6%. Khóa 2015 – 2019 chiếm 47,7%. Khóa 2016-2020 chiếm 65,6%. Số SV tốt nghiệp chậm hơn thời gian quy định phần lớn là do sinh viên thiếu các điều kiện CĐR ngoại ngữ - chứng chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh B1, khung Châu Âu), một số sinh viên không tích lũy đủ số tín chỉ [H11.11.01.03].

Về tỷ lệ sinh viên thôi học hàng năm của ngành Tâm lý học được được xác lập, giám sát chặt chẽ [H11.11.01.04]. Cụ thể được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 11.1.1. Tỷ lệ sinh viên thôi học và lý do sinh viên thôi học

Lý do thôi học	Số lượng buộc thôi học				
	2015	2016	2017	2018	2019
Không đăng ký học phần	1	1	3	11	4
Đăng ký nhưng không học	0	0	3	1	2
Cảnh báo học vụ	0	1	0	0	0
Tổng	1	2	6	12	6

Qua bảng số liệu trên cho thấy, tỉ lệ sinh viên thôi học ở các khoá 22015, 2016 chiếm khá ít, ở các khoá đào tạo sau nhiều hơn do số lượng sinh viên đầu vào gia tăng – trong đó có nhiều sinh viên ngay giai đoạn đầu đã xác định không phù hợp với ngành nghề đào tạo và có những định hướng học tập khác. Do vậy, chủ yếu các lý do buộc thôi học là không đăng ký tín chỉ.

Để phân tích sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo và buộc thôi học trong 5 khóa đào tạo gần đây, số liệu được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 11.1.2. Tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học

Năm học	Số lượng SV toàn khóa	Số lượng sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian		Tỉ lệ sinh viên thôi học
		4 năm	Trên 4 năm	
2012-2016	27	25	2	0
2013-2017	65	46	19	0
2014-2018	44	28	15	1
2015-2019	61	31	29	1
2016-2020	59	40	17	2
Tổng	256	170 (66,4%)	82 (32,03%)	4
		(252) 98,4%		1,6%

Qua bảng số liệu về tỷ lệ SV tốt nghiệp trong 5 năm gần đây, có thể thấy: Đa số SV ngành Tâm lý học hoàn thành chương trình CTĐT đúng thời hạn các học phần trong

CTĐT (chiếm 66,4%). Tỷ lệ SV thôi học của ngành Tâm lý học hàng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ chiếm 1,6% (so với tổng số SV của khóa học). Khoa Tâm lý-Giáo dục luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua Cố vấn học tập, Trợ lý giáo vụ. Ban chủ nhiệm Khoa có các buổi tổ chức Đối thoại sinh viên hàng kỳ [H11.11.01.05]. Nhìn chung, SV thôi học tại khoa có lý do phần lớn tập trung vào hoàn cảnh khó khăn, SV có những định hướng học tập khác.

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý học tập của sinh viên. Mỗi SV có một tài khoản riêng giúp SV dễ dàng theo dõi các thông báo do Nhà trường hoặc phòng CTSV để có những thay đổi, điều chỉnh kịp thời nhằm đáp ứng tiến độ học tập. Sau mỗi học kỳ nhà trường đều thực hiện rà soát tình hình học tập của SV và lập danh sách SV thôi học.

Khoa TL-GD đã tổ chức đa dạng hoạt động chào đón tân SV và định hướng nghề nghiệp, khởi nghiệp nhằm giới thiệu cho sinh viên nắm rõ chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, quy chế đào tạo chương trình đào tạo, cơ hội việc làm [H11.11.01.06]. Từ đó SV nắm được tổng thể chương trình đang theo học, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Để giảm thiểu tỉ lệ thôi học của SV, Khoa đã giao cho đội ngũ cố vấn học tập giám sát chặt chẽ các tình hình học tập, tư tưởng; liên hệ với đội ngũ cán bộ lớp, đoàn, hội SV thường xuyên nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của SV để tư vấn, cảnh báo các SV có nguy cơ thôi học; gặp gỡ, trao đổi trực tiếp tháo gỡ những khó khăn trong học tập, đời sống của SV; kết hợp liên lạc với gia đình quan tâm động viên để sinh viên nâng cao kết quả học tập, rèn luyện [H11.11.01.07].

Kết quả khảo sát cho thấy, SV ngành TLH có việc làm sau khi tốt nghiệp (từ 73% đến hơn 80%), trong đó có 30% sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành trong 6 tháng sau khi tốt nghiệp và 40% sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành trong 12 tháng sau khi tốt nghiệp) [H11.11.01.08].

2. Điểm mạnh

Các CVHT, trợ lý đào tạo, luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp, báo cáo kịp thời lên BCN Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp.

SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Một bộ phận sinh viên chưa chủ động lập và thực hiện kế hoạch học tập cá nhân dẫn đến chậm tiến độ tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Chỉ đạo các Cố vấn học tập, trợ lý đào tạo tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV. Tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học. - Tăng cường công tác tư vấn và định hướng học tập nghề nghiệp của SV	Phòng ĐT Phòng CTSV Khoa TLGD	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện theo dõi, cập nhật danh sách, thống kê tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp và đề xuất phương án điều chỉnh giảm tỉ lệ thôi học và tăng tỉ lệ tốt nghiệp của người học.	Phòng ĐT Phòng CTSV Khoa TLGD	Năm học 2019-2020

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Nhà trường có bộ phận để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học hoặc nhiều khóa học trong cùng CTĐT. Thời gian tốt nghiệp trung bình, kết quả học tập trong từng học kỳ được Phòng Đào tạo, Phòng CTSV và cố vấn học tập của Khoa TLGD giám sát [H11.11.02.01]. Cố vấn học tập đôn đốc, tư vấn để sinh viên cải thiện KQHT và tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.02.02]. Bên cạnh đó, để giám sát quá trình học tập của người học, Nhà trường có hệ thống quản lý đào tạo trong đó có cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp đều được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H11.11.02.03].

Thời gian học tại Nhà trường của SV được thực hiện theo quy chế đào tạo đại

học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2006, Khoa Tâm lý-Giáo dục bắt đầu thực hiện quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo tín chỉ [H11.11.02.04]. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm, thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3,5 năm [H11.11.02.05]. Trong 5 năm học gần đây, trung bình hàng năm có khoảng 70% SV hoàn thành chương trình và được cấp bằng cử nhân Tâm lý học [H11.11.02.06] [H11.11.02.07] [H11.11.02.08].

Bảng 11.2. Thống kê thời gian tốt nghiệp của sinh viên ngành TLH

Khoá học	Tổng số SV	Tỷ lệ % SV tốt nghiệp		
		Trong 3.5 năm	Trong 4 năm	Lớn hơn 4.5 năm
2012-2016	27	23	2	2
2013-2017	65	40	6	19
2014-2018	44	28	1	15
2015-2019	61	10	31	20
2016-2020	59	16	24	19
Tổng	256	117 (45,7%)	64 (25%)	75 (29,3%)

Qua bảng số liệu cho thấy, tỷ lệ SV của Khoa Tâm lý - Giáo dục hoàn thành CTĐT đúng thời hạn đều ở mức khoảng 70,7%. Khoá 2013 trở đi, tỷ lệ hoàn thành CTĐT có thấp hơn so với các năm trước. Điều này được lý giải do chưa tích lũy đủ tín chỉ và không đạt chuẩn đầu ra. Trên thực tế, Khoa và Nhà trường đã có những kế hoạch để thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để tốt nghiệp đúng tiến độ [H11.11.02.09] [H11.11.02.10].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa TLGD đều tổ chức tổng kết/đánh giá KQHT, rèn luyện của SV để kịp thời đưa ra các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp cũng như phát huy những điểm mạnh trong đào tạo [H11.11.02.11] [H11.11.02.12]. Vào đầu mỗi năm học, các lớp đều tổ chức đại hội lớp - chi đoàn - chi hội. Thông qua báo cáo tổng kết, phương hướng hoạt động năm học, các ý kiến tham luận, các cố vấn học tập đưa ra những định hướng để hỗ trợ SV trong quá trình học tập và NCKH [H11.11.02.13].

2. Điểm mạnh

- Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Trợ lý giáo vụ, Cố vấn học tập để hỗ trợ SV, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế (với những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT. Trường nhắc nhở SV kịp thời, gửi email thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... để SV nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

3. Điểm tồn tại

Một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, hoặc chưa tích lũy đủ tín chỉ học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành rà soát, nhắc nhở SV kịp thời hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, để việc xét tốt nghiệp của SV được đảm bảo đúng tiến độ. Khoa kiến nghị với Nhà trường chủ động lên kế hoạch giảng dạy và tổ chức dạy và học cho SV đạt chuẩn đầu ra theo đúng tiến độ. Bên cạnh đó, Khoa cũng đề xuất với Nhà trường những môn học phù hợp để cho SV bảo lưu được học môn thay thế.	Phòng ĐT Khoa TLGD Tổ TLH	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Phân tích dữ liệu khi xử lý học vụ làm căn cứ để có biện pháp hỗ trợ sinh viên một cách hiệu quả	Phòng ĐT Khoa TLGD Tổ TLH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Tỷ lệ SV có việc làm là một yếu tố quan trọng để đo và đánh giá chất lượng của

CTĐT. Nhận thức được sự cần thiết của vấn đề này, hàng năm Phòng KT&ĐBCLGD của Nhà trường đều tiến hành khảo sát về tình trạng việc làm của SV toàn trường sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.01] [H11.11.03.02]. Tại Khoa Tâm lý-Giáo dục, SV luôn được các giảng viên tạo điều kiện cũng như quan tâm hỗ trợ tốt nhất để phát huy tối đa tính sáng tạo, hiểu biết trong học tập và nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, SV thường xuyên được áp dụng các kiến thức kỹ năng vào thực tiễn, vì vậy SV Khoa Tâm lý-Giáo dục, trường ĐHSP-ĐHĐN có những điểm mạnh về học tập và NCKH. Qua số liệu khảo sát, sinh viên tốt nghiệp ngành TLH được các nhà tuyển dụng đánh giá cao về kiến thức chuyên môn. Tuy nhiên, một số sinh viên mới ra trường còn thiếu các kỹ năng mềm, một số ít hạn chế khả năng ngoại ngữ. Một số sinh viên sau khi thực tập tốt nghiệp đã được các nhà tuyển dụng nơi các em đến thực tập nhận vào làm việc [H11.11.03.03]. Những số liệu này được Khoa cập nhật và đăng trên website của khoa (<http://tlgd.ued.udn.vn/>) [H11.11.03.04]. Đây chính là cơ sở để phục vụ cho công tác điều chỉnh CDR, điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Kết quả này đã giúp Khoa có cơ sở để rà soát và cải tiến chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng. Về tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, theo báo cáo số liệu khảo sát của nhà trường đối SV ngành Tâm lý học có việc làm vào năm 2017: 75%, năm 2018: 73%, năm 2019: 88,5% [H11.11.03.02]. Nhà tuyển dụng hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ngành Tâm lý học [H11.11.03.03]. Sinh viên tốt nghiệp ngành Tâm lý học làm ở nhiều môi trường khác nhau, đa phần làm ở các cơ sở tư nhân (các trung tâm hỗ trợ can thiệp tâm lý, giáo dục đặc biệt, các trường học có phòng tham vấn tâm lý, các doanh nghiệp có công việc liên quan đến làm việc với con người). Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với những kiến thức mà các em được đào tạo từ trong Nhà trường.

Bên cạnh đó, Khoa thành lập Ban liên lạc cựu sinh viên nhằm tạo điều kiện cho SV cơ hội giao lưu, học hỏi và trao đổi chuyên môn với các anh chị đã đi trước nhằm tìm kiếm cơ hội việc làm cho bản thân [H11.11.03.05].

Để hỗ trợ SV tốt nghiệp có việc làm, các GV trong Khoa đã tăng cường mối quan hệ với các cơ sở đào tạo khác như: Viện tâm lý học, các trung tâm can thiệp và nghiên cứu Tâm lý học (Trung tâm tham vấn Family; Trung tâm tư vấn tâm lý Cadeux, Trung tâm Ước mơ xanh, Trung tâm Hoa xương rồng, Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác

xã hội ...), các bệnh viện: Bệnh viện tâm thần; Bệnh viện ung bướu...; các trường học: THCS Tây Sơn, THCS Nguyễn Lương Bằng, THPT Nguyễn Trãi, THPT Phan Châu Trinh, THPT Nguyễn Thượng Hiền v.v...[H11.11.03.06]. Tại thời gian thực tập tốt nghiệp, GV trong Khoa đã giới thiệu SV đến thực tập, nhiều SV có kiến thức chuyên môn tốt, kỹ năng thực hành nghề nghiệp cao đã được các cơ quan nhận vào làm việc. Đây cũng chính là cầu nối, là cơ hội cho nhiều SV sớm tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Đa số SV tốt nghiệp ngành Tâm lý học đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp, cụ thể là tại các trung tâm bảo trợ xã hội, trung tâm tư vấn, các công ty, các cơ sở doanh nghiệp...

Khoa và Nhà trường tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm từ đó có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp để giám sát đối sánh nhằm cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Một bộ phận sinh viên còn hạn chế kỹ năng mềm và ngoại ngữ chưa đáp ứng ngay được với nhu cầu của các đơn vị tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường các hoạt động ngoại khoá, câu lạc bộ về kỹ năng cho SV - Tăng cường các hoạt động giao lưu quốc tế để tăng khả năng ngoại ngữ cho SV.	Khoa TLGD	Từ năm học 2020-2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường liên kết với các cơ sở tuyển dụng để tạo cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp Xây dựng khung năng lực (CĐR) phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay	Khoa Tâm lý-Giáo dục	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.4. Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển khoa học công nghệ trong đó có hoạt động NCKH cho người học; có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học, có quy định về NCKH sinh viên cũng như nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của người học. Trường đã có những quy định cụ thể về tài chính và khen thưởng nhằm hỗ trợ, động viên, khuyến khích SV tham gia và có thành tích cao trong hoạt động NCKH. [H11.11.04.01] [H11.11.04.02] [H11.11.04.03] [H11.11.04.04]. Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH, SV của Khoa được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học ngay từ năm thứ nhất dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong Khoa. Ngoài ra, chương trình còn phân công cho 01 GV trực tiếp phụ trách công tác này, có nhiệm vụ quản lý, theo dõi hồ sơ NCKH của sinh viên cũng như quản lý, hỗ trợ quá trình nghiên cứu của người học [H11.11.04.05]. Hơn nữa, để nâng cao năng lực cho SV, CTĐT còn kết hợp giữa giảng dạy và NCKH. Đối với SV, số lượng đề tài NCKH tăng lên hàng năm. SV Khoa TL-GD được tham gia NCKH theo các hướng đề tài về tâm lý - giáo dục học, khoa học xã hội và bằng nhiều cách thức khác nhau như: bài tập môn học, khóa luận tốt nghiệp, tham gia NCKH cùng giáo viên hướng dẫn về các đề tài cấp Trường, cấp Bộ, cấp Nhà nước [H11.11.04.06]. Bắt đầu từ năm hai với sự hỗ trợ của GV, SV đã có thể tham gia NCKH. Ngoài ra, SV năm cuối đủ điều kiện sẽ được làm khóa luận tốt nghiệp và làm báo cáo tốt nghiệp [H11.11.04.07].

Theo định kỳ hàng năm, Khoa tổ chức các Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học để sinh viên báo cáo kết quả các công trình nghiên cứu. [H11.11.04.08]. Thông qua đó, Khoa tìm ra những SV nghiên cứu khoa học xuất sắc tham gia hội nghị khoa học cấp Trường và cấp quốc gia. Trong 5 năm qua, Khoa có khoảng 90 SV của Khoa tham gia NCKH và đã đạt được nhiều thành tựu từ cấp trường đến cấp địa phương và cấp Bộ [H11.11.04.06] [H11.11.04.09].

Bảng 11.4. Thống kê các đề tài sinh viên NCKH đạt giải trong 5 năm qua

Tổng số SV tham gia NCKH	Đạt giải cấp trường	Đạt giải SVNCKH cấp Bộ	Đạt giải cấp thành phố

90SV	04 đề tài SVNCKH đạt giải nhất (năm học 2016-2017; 2017-2018; 2018-2019 và 2019-2020) 01 giải khuyến khích (năm 2017-2018)	01 giải nhì (năm học 2018-2019) 02 giải ba (năm học 2017-2018 và 2019-2020)	01 giải khuyến khích (năm học 2017-2018)
------	--	--	--

Kết quả hoạt động nghiên cứu của SV hàng năm là một trong những cơ sở để Khoa đánh giá các danh hiệu của sinh viên nhằm khuyến khích người học tích cực tham gia hoạt động NCKH. Bên cạnh đó, Khoa tiến hành thực hiện đối sánh hoạt động NCKH của SV hàng năm với số liệu trong trường và các ngành trong nước và quốc tế nhằm có hướng điều chỉnh để nâng cao chất lượng của hoạt động này [H11.11.04.10]. Tuy nhiên, Khoa chưa thu thập được nhiều phản hồi của người học về hoạt động SV NCKH hàng năm.

2. Điểm mạnh

Các giảng viên trong khoa là các nhà khoa học có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu, giảng dạy và hoạt động thực hành nghề nghiệp... Do đó, đây là những điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn SV nghiên cứu, thực hành.

Hàng năm, khoa luôn khuyến khích SV tham gia nghiên cứu khoa học thông qua các hoạt động hỗ trợ như: tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, giúp SV định hình hướng nghiên cứu và thuận lợi trong quá trình triển khai nghiên cứu, mời sinh viên tham gia vào thực hiện các đề tài của giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thu thập được nhiều phản hồi của người học về hoạt động SV NCKH hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường tư vấn, tạo cảm hứng SV tham gia NCKH thông qua các học phần chuyên ngành	Phòng KH và HTQT Khoa TLGD	Từ năm học 2020.2021

		- Lập kế hoạch và tổ chức thu thập được phản hồi của người học về hoạt động SV NCKH	Tổ TLH	
2	Phát huy điểm mạnh	- Có các chính sách và chế tài cho SVNCKH ở cấp Khoa - Xây dựng các nhóm học tập, NC và phổ rộng vào các CLB sinh viên	Khoa Tâm lý- Giáo dục	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Mức độ hài lòng của tất cả các đối tượng có liên quan là thước đo quan trọng cho chất lượng đào tạo. Vì thế, cần phải có một hệ thống để thu thập và đo lường mức độ hài lòng của các bên liên quan. Thông tin thu thập được cần phải được phân tích và sử dụng cho việc cải tiến CTĐT, cải tiến hệ thống thực hiện chất lượng và đảm bảo chất lượng. Do đó, Trường/Khoa có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để từ đó nắm bắt thông tin phản hồi và cải tiến chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Để đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan để xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng, Khoa và Nhà trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCLGD và giao nhiệm vụ thực hiện cho bộ phận này [H11.11.05.01] [H11.11.05.02] [H11.11.05.03]. Phòng KT&ĐBCLGD là đầu mối thu thập thông tin, ý kiến phản hồi của các bên liên quan, lấy phiếu khảo sát của SV về mức độ hài lòng đối với CTĐT, định kỳ 1 năm/lần. Nhà trường đã ban hành quy định về việc lấy ý kiến của các bên liên quan, nội dung lấy ý kiến phản hồi đối với từng đối tượng được khảo sát [quy định, quy trình về lấy ý kiến các bên liên quan]. Nhà trường cũng đã ban hành các mẫu phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan. Gửi phiếu đến các bên liên quan để lấy ý kiến về nội dung cần khảo sát. Hình thức điều tra bằng đường công và trực tuyến, vì vậy kết quả điều tra khách quan và tin cậy.

Trước khi tốt nghiệp SV được lấy ý kiến đánh giá về khoá học gồm: mục tiêu, công tác tổ chức quản lý đào tạo; CTĐT; NCKH; việc đổi mới phương pháp giảng dạy, tích cực hóa người học; kết quả đầu ra (kiến thức, kỹ năng, năng lực...); CSVC đáp ứng

yêu cầu đào tạo; sự hài lòng của người học [H11.11.05.04] [H11.11.05.05]. Sau đó phiếu khảo sát được xử lý và phân tích các kết quả cụ thể. Mục đích của đánh giá chất lượng đào tạo của Trường nhằm cung cấp thông tin hữu ích về thực trạng người học tốt nghiệp ra trường đáp ứng như thế nào so với mục tiêu đào tạo, so với CDR. Đồng thời thu thập những ý kiến nhận xét, góp ý cho CTĐT để Nhà trường có cơ sở điều chỉnh, cải tiến CTĐT nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động [H11.11.05.06] [H11.11.05.07].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị Cán bộ viên chức toàn trường lấy ý kiến đóng góp vào việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới; góp ý cho các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo [H11.11.05.08] [H11.11.05.09]. Ngoài ra, Phòng KT&ĐBCLGD còn lấy phiếu khảo sát của SV về mức độ hài lòng đối với GV sau khi kết thúc học phần [H11.11.05.10]. Sau khi khảo sát, Phòng KT&ĐBCLGD xử lý số liệu, trích xuất kết quả đánh giá GV và gửi báo cáo về cho BGH Nhà trường [H11.11.05.11]. Tất cả các kết quả thu được từ việc lấy ý kiến phản hồi đều được Phòng KT&ĐBCLGD tổng hợp, viết báo cáo gửi về cho BGH nhà trường và gửi phản hồi cho Khoa, từ đó Nhà trường cũng như Khoa có cơ chế giám sát và sử dụng các thông tin làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng các hoạt động liên quan đến CTĐT. Khoa TLGD cũng tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng cũng như cựu SV [H11.11.05.12]. Cựu SV của Khoa đánh giá khá cao chất lượng đào tạo và năng lực chuyên môn của SV ngành Tâm lý học (có 29 lượt ý kiến cho rằng mục tiêu của chương trình đào tạo được phát biểu rõ ràng, hài lòng với công tác phục vụ đào tạo ($\text{Mean}=3,3$) và sự hữu ích của chương trình đào tạo ($\text{Mean}=3,0$) [H11.11.05.13]. Khoa đã sử dụng kênh thông tin này thành một trong các tiêu chí để cải tiến chương trình đào tạo cho từng năm. Các ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động có ý nghĩa rất quan trọng trong việc điều chỉnh chương trình đào tạo TLH cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Các nhà sử dụng lao động đánh giá cao kiến thức chuyên ngành và vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn của sinh viên ngành TLH, khoảng 26/31 (83,8%) nhà sử dụng lao động hài lòng, đánh giá cao CTĐT phù hợp với chuẩn đầu ra và nhu cầu sử dụng lao động hiện nay.

Từ việc xác lập, giám sát kết quả điều tra mức độ hài lòng của các bên liên quan, Khoa TL-GD đã tiến hành đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT. Cơ sở vật chất của Nhà trường được chú trọng đầu tư. Hệ thống công nghệ thông tin của trường đáp ứng

nhu cầu của người học. Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học. Kết quả đánh giá của SV về việc điều kiện CSVC phục vụ cho việc học tập cho thấy, hầu hết SV hài lòng về hệ thống công nghệ thông tin của trường. Phòng thực hành Tham vấn Tâm lý được trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ học tập, giảng dạy và NCKH. Đến nay, các trang thiết bị đáp ứng tốt được nhu cầu phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

Về hoạt động NCKH của SV ngành TLH ngày một gia tăng về số lượng và chất lượng. So sánh số lượng đề tài và số lượng SV tham gia NCKH ngành TLH với SV một số ngành khác trong trường thấy, số lượng đề tài và số lượng SV tham gia NCKH ngành TLH có sự gia tăng.

Như vậy, có thể thấy việc xác lập, giám sát kết quả điều tra mức độ hài lòng của các bên liên quan có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, giúp Nhà trường và Khoa cải tiến chất lượng CTĐT, NCKH.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Tâm lý học được các bên liên quan đánh giá cao. CTĐT có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho SV có cơ hội được áp dụng kiến thức vào thực tế. Bên cạnh đó, trong quá trình đào tạo, SV của khoa còn được giới thiệu đến các trung tâm thực hành, trường học, bệnh viện, các doanh nghiệp để thực tập và làm quen với môi trường lao động. Những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ mà SV được trang bị có thể đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động hiện nay theo các đánh giá của cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Lấy ý kiến về mức độ hài lòng của các bên liên quan từ đơn vị nhà tuyển dụng còn chưa đa dạng các lĩnh vực công việc của cựu sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hơn mối quan hệ giữa Khoa với các cơ quan có nhu cầu tuyển dụng lao động liên quan đến ngành TLH, mở rộng phạm vi khảo sát lấy ý	Phòng KT&ĐBCLGD Khoa Tâm lý-Giáo dục	Từ năm học 20210-2021

		kiến của các nhà tuyển dụng lao động. - Lập kế hoạch tiếp tục khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng ĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện chương trình ĐT từ ý kiến đánh giá của các bên liên quan	Giảng viên khoa Tâm lý giáo dục Tổ TLH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận của tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra của chương trình đào tạo cho thấy đã có những cải tiến, những điểm mạnh – đó là đảm bảo chuẩn đầu ra, đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng, tỉ lệ sinh viên có việc làm đảm bảo. Bên cạnh những điểm mạnh, ở tiêu chuẩn này còn có những điểm hạn chế như kỹ năng mềm, khả năng ngoại ngữ của sinh viên cần cải thiện hơn nữa, việc lấy ý kiến các đơn vị tuyển dụng bao quát hơn các lĩnh vực công việc của sinh viên, lấy ý kiến phản hồi của sinh viên nhiều hơn trên các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực NCKH... Đây là cơ sở cho Khoa TL-GD tiếp tục có những cải tiến trong thời gian đến để kết quả đầu ra đáp ứng hơn nữa với CĐR của chương trình đào tạo và các đơn vị tuyển dụng.

Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí, mức đánh giá 5/7

PHẦN III. KẾT LUẬN

Sau khi tiến hành tự đánh giá nội bộ CTĐT Cử nhân ngành Tâm lý học theo các tiêu chuẩn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, Khoa Tâm lý – Giáo dục và Trường ĐHSP - ĐHĐN rút ra các kết luận sau:

3.1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

❖ Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

- Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với MT GDĐH quy định tại Luật Giáo dục đại học và sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHSP – ĐHĐN;

- CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, gắn liền với MT CTĐT và thường xuyên được cập nhật dựa vào nhu cầu xã hội, việc làm; qua đó, giúp người học có cơ hội việc làm đa dạng và đặc biệt là có tinh thần khởi nghiệp.

❖ Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

- Bản mô tả CTĐT được trình bày đầy đủ, cụ thể và hệ thống hóa (thông qua các ma trận) các thông tin cần thiết để các bên liên quan dễ dàng hiểu rõ về CTĐT; bản mô tả CTĐT cũng đã được cập nhật thường xuyên, kịp thời thông qua quá trình rà soát và phát triển CTĐT của Nhà trường;

- Đề cương các HP trong CTĐT gắn liền với CDR CTĐT, cũng như được cập nhật thường xuyên, đầy đủ và rõ ràng để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa;

- Bản mô tả CTĐT TLH và ĐCHP đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, và các đối tượng liên quan có thể dễ dàng tiếp cận được.

❖ Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

- CTDH được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức và phù hợp với CDR của CTĐT, đặc biệt trong đó tổng số tín chỉ thực hành chiếm 39,3% giúp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp;

- Các HP trong các khối kiến thức đều có sự gắn kết giữa các hoạt động dạy - học và kiểm tra đánh giá để đạt được CDR; mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng và được cụ thể hóa đến từng PI;

- CTDH được cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần đảm bảo cho SV có khả năng tiếp nhận những kiến thức mới và cần thiết nhằm giúp SV đạt được chuẩn đầu ra.

❖ Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

- Mục tiêu của CTĐT phù hợp với triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường, được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới SV, GV, cộng đồng và xã hội;
- Các hoạt động dạy và học thực hiện theo đúng TLGD của Nhà trường giúp cho sinh viên đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong KHCN, phát triển nghề nghiệp;
- Các hoạt động dạy và học đã đáp ứng tốt CĐR;
- Các hoạt động dạy và học thông qua thực hành, trải nghiệm đã được sử dụng tích cực, góp phần nâng cao khả năng đạt được CĐR CTĐT;
- Các hoạt động dạy và học có hình thức đa dạng tạo điều kiện cho người học rèn luyện được các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

❖ **Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

- Hình thức và nội dung đánh giá KQHT của người học được thể hiện rõ trong ĐCCT đảm bảo phù hợp với các mức độ của CĐR của học phần và CTĐT; Các hình thức đánh giá KQHT được thiết kế đa dạng.
- Các quy định về đánh giá KQHT của người học được thể hiện rõ ràng và được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh thông tin;
- Đội ngũ giảng viên thường xuyên cập nhật, thay đổi các phương pháp KTĐG để phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính khách quan, minh bạch, đảm bảo đánh giá được mức độ đạt được CĐR của học phần đối với người học;
- Phương pháp đánh giá kết quả học tập được đa dạng hóa, đảm bảo độ tin cậy, khách quan, công bằng và đáp ứng được mục tiêu đánh giá kết quả học tập của người học theo CĐR CTĐT; việc đánh giá KQHT bằng rubric giúp đánh giá cùng lúc được nhiều loại năng lực của người học;
- Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn; Nhà trường có đầy đủ hệ thống các văn bản liên quan đến hoạt động kiểm tra đánh giá; các quy định một cách chặt chẽ, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp KQHT; Trường và Khoa đảm bảo được quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập.

❖ **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

- Nhà trường và Khoa luôn chú trọng đến công tác quy hoạch phát triển đội ngũ GV để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng; tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ cao, sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học; đội ngũ GV trẻ, có năng lực, có trình độ chuyên môn tốt;

- Khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn và có thể đo lường được, có quy định về số giờ giảng tối thiểu theo quy đổi đối với GV; tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành;

- Nhà trường và Khoa thực hiện công khai minh bạch các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn để bổ nhiệm, điều chuyển GV theo quy định; các ứng viên sau khi tuyển dụng có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong NCKH và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc chính sách phát luật của Đảng, Nhà nước và đạo đức nhà giáo;

- Hầu hết GV có năng lực ngoại ngữ và NCKH tốt, đạt nhiều thành tựu trong NCKH; Nhà trường và Khoa có nhiều chính sách và cơ chế khuyến khích các GV nâng cao trình độ và năng lực;

- Các loại hình và số lượng nghiên cứu của GV phong phú, có chất lượng, được giám sát kiểm tra; số lượng, chất lượng được nâng cao; số lượng đề tài các cấp, số lượng công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín liên tục tăng lên.

❖ **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**

- Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa được quy hoạch đáp ứng hiệu quả công việc phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH; Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân viên;

- Các nhân viên được tuyển dụng có đủ trình độ phù hợp, nhiệt tình, trách nhiệm và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao;

- Năng lực của đội ngũ nhân viên của Trường được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng, bản mô tả vị trí việc làm và kết quả làm việc được đánh giá hàng năm; các nhân viên của khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Khoa, Trường tổ chức các khóa tập huấn và cử nhân viên tham gia các khóa tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; các khóa tập huấn do Trường tổ chức phù hợp với yêu cầu công việc và hài lòng của người tham dự;

- Khoa Tâm lý – Giáo dục đã triển khai thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, bao gồm cả khen thưởng và công nhận là động lực giúp nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

❖ **Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

- Chính sách tuyển sinh của Trường/ Khoa đa dạng và được xác định một cách rõ ràng và công bố công khai và dễ tiếp cận; Nhà trường đã kết nối, thông tin đến các giáo

viên phổ thông về thông tin tuyển sinh, chế độ, nhu cầu, chính sách tuyển sinh hằng năm đến các học sinh phổ thông;

- Hình thức tuyển sinh đa dạng đã giúp thu hút được một số học sinh giỏi đến từ các trường chuyên, những học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi; việc mở rộng các tổ hợp tuyển sinh đã tạo điều kiện cho những em học sinh có nhiều điểm mạnh khác nhau có thể theo đuổi ngành học; hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh đã đánh giá được điểm mạnh và những điểm cần cải thiện để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh.

- Nhà trường có hệ thống giám sát trực tuyến nhằm theo dõi và cập nhật tiến độ học tập của người học kịp thời, chính xác;

- Nhà trường và Khoa có rất nhiều hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa, thi đua để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học;

- Trường Đại học Sư phạm có cảnh quan hài hòa, cơ sở vật chất hiện đại, có phòng hỗ trợ tư vấn tâm lý cho sinh viên.

❖ **Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

- Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, quạt. Giảng đường rộng rãi, thoáng mát; phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng đều được đầu tư nâng cấp thường xuyên đáp ứng yêu cầu công việc;

- Trường Đại học Sư phạm có hệ thống thư viện điện tử và thư viện số, người dùng có thể truy cập thông tin một cách dễ dàng và nhanh chóng; ngoài ra, khoa Sinh – Môi trường có phòng tư liệu riêng với số lượng đầu sách trong phòng tư liệu có tính chất chuyên sâu cho chuyên ngành đào tạo, phòng tư liệu của Khoa có được bố trí ngay khu vực làm việc và phòng học của Khoa nên rất thuận lợi cho việc khai thác của cán bộ và sinh viên;

- Khoa Tâm lý – Giáo dục có phòng thực hành được bố trí hợp lý và các trang bị hiện đại được đầu tư thường xuyên. Khoa luôn nhận được sự hỗ trợ của Nhà trường về đầu tư mua sắm, cải tạo và sửa chữa;

- Hệ thống công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính tại các phòng chuyên đề, hệ thống wifi) được chú trọng đầu tư và nâng cấp; hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và tạp chí khoa học thuận lợi cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu;

- Triển khai và thực hiện tốt các tiêu chuẩn/quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn và có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Công tác phòng chống cháy nổ trong Trường được thực hiện tốt.

❖ **Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

- Thông tin phản hồi từ các bên liên quan luôn được Nhà trường và Khoa xác định là yếu tố quan trọng của đảm bảo chất lượng đào tạo;

- Hệ thống quy trình và các phương thức, hình thức và nội dung thông tin thu thập được cải tiến theo hướng tích cực và đa dạng hóa;

- Các quy trình xây dựng và phát triển CTDH đã được ban hành với các nội dung hướng dẫn cụ thể và phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT;

- Quá trình triển khai quy trình đề rà soát CTDH được tiến hành thường xuyên.

❖ **Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, có việc làm sau khi tốt nghiệp của SV được xác lập và giám sát, đây là cơ sở để cải tiến và đổi mới CTĐT, nâng cao chất lượng đào tạo. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được tổ chức triển khai bài bản, có sự giám sát chặt chẽ, rất đa dạng về loại hình, thu hút đông đảo sinh viên tham gia nghiên cứu. Qua ý kiến phản hồi của người học, cựu người học, Khoa đã tiến hành đổi mới CTĐT phù hợp với đổi mới giáo dục.

3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT của cơ sở giáo dục đại học

❖ **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Việc lấy ý kiến về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT ở các đơn vị tuyển dụng còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào các cơ sở giáo dục, các trung tâm hỗ trợ tâm lý.

❖ **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

Một số đề cương còn giới thiệu ít tài liệu tham khảo hoặc sử dụng tài liệu tham khảo cũ. Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT đến các bên liên quan còn thiếu bài bản, chưa chuyên nghiệp.

❖ **Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

Số ý kiến đóng góp cho CTDH của các nhà tuyển dụng còn hạn chế, còn ít học phần hỗ trợ cho tinh thần khởi nghiệp, chưa có học phần được tổ chức dạy và học theo dự án.

❖ **Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

Một số đối tượng như nhà tuyển dụng, đại diện các doanh nghiệp, cựu sinh viên chưa thực sự hiểu rõ về triết lý giáo dục của Nhà trường. Mặc dù đã được tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động dạy và học, song một số phòng học hoặc bàn ghế được bố trí chưa thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, dạy học theo nhóm. Vẫn còn một số giảng viên chưa có những biện pháp hiệu quả để kích lệ khả năng tư duy phản biện, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo cho SV

❖ **Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

Đánh giá các chuẩn đầu ra liên quan đến thái độ, hành vi còn gặp khó khăn Khoa chưa hoàn thiện ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa các học phần của CTĐT TLH. Nhà trường chưa triển khai hệ thống phúc khảo online để SV dễ dàng tiếp cận với quy trình phúc khảo, khiếu nại về kết quả học tập.

❖ **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

Nguồn kinh phí cho các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV còn hạn chế. Các đề tài NCKH có sự hợp tác với các nhà khoa học nước ngoài còn chưa nhiều. Khả năng ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên vẫn còn hạn chế.

❖ **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**

Nhà trường chưa có quy định về số giờ tập huấn bồi dưỡng hàng năm cho cán bộ hỗ trợ. Còn ít các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ hỗ trợ. Chưa có chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các cán bộ trong quá trình làm việc

❖ **Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

- Trường chưa có những phòng chuyên biệt, hiện đại dành riêng cho hoạt động bảo vệ khoá luận tốt nghiệp, luận văn, luận án.

- Từ năm tuyển sinh 2020, Trường ĐHSP đã sử dụng hình thức tuyển sinh xét tuyển thông qua điểm kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TPHCM tổ chức nhưng vẫn chưa thu hút được nhiều thí sinh đăng ký xét tuyển theo hình thức này.

- Trong năm 2019, do tình hình Covid nên hoạt động ngoại khoá, trao đổi sinh viên với các trường trên thế giới bị ảnh hưởng.

❖ **Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Vẫn còn một số tồn tại về cơ sở vật chất và trang thiết bị, Nhà trường và Khoa cần khắc phục trong những năm học tới.

❖ **Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

- Thư viện Nhà trường đang trong giai đoạn sửa chữa nên gây khó khăn cho hoạt động học tập, nghiên cứu của người học và giảng viên.
- Một số hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan còn chậm so với kế hoạch và hệ thống khảo sát đôi khi còn bị trục trặc kỹ thuật.
- Số lượng đối tượng khảo sát ngoài trường còn hạn chế

❖ **Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

Một bộ phận sinh viên chưa chủ động lập và thực hiện kế hoạch học tập cá nhân dẫn đến chậm tiến độ tốt nghiệp. Khoa chưa thu thập được nhiều phản hồi của người học về hoạt động SV NCKH hàng năm.

3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

- Nhà trường sẽ khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV, người sử dụng lao động, các tổ chức xã hội trong việc bổ sung, điều chỉnh CTDH. Khoa sẽ bổ sung, chỉnh sửa để nâng cao tính tích hợp, cập nhật của CTĐT và tiến tới xây dựng, chỉnh sửa CTĐT đáp ứng các yêu cầu liên thông với CTĐT của khu vực và quốc tế;
- Nhà trường sẽ xây dựng quy trình, công cụ lấy ý kiến nhận xét về các nội dung của mục tiêu đào tạo. Lấy ý kiến của các nhà khoa học, nhà tuyển dụng, sinh viên và cựu sinh viên, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp đối với mục tiêu đào tạo. Định kỳ tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo về phương pháp dạy học mới cho GV và SV;
- Tiến hành xây dựng kế hoạch và triển khai cải tạo các công trình đã xuống cấp, bổ sung nguồn học liệu cho thư viện;
- Khoa tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế về CTĐT, cập nhật những nội dung mới, yêu cầu của các bên liên quan để điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với thực tiễn. Tăng cường công tác truyền thông giới thiệu việc làm cho sinh viên. Khoa tăng cường công tác bồi dưỡng đội ngũ GV, nhân viên để nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động dạy và học. Khoa tiến hành khảo nhu cầu của thị trường lao động một cách bài bản, ở nhiều lĩnh vực khác nhau, từ đó có những điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: **Trường ĐHSP –ĐHĐN**

Mã: DDS

Tên CTĐT: **Cử nhân Tâm lý học**

Mã CTĐT: 7310401

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5	3	100%
Tiêu chí 1.1					X					
Tiêu chí 1.2					X					
Tiêu chí 1.3					X					
Tiêu chuẩn 2								5	3	100%
Tiêu chí 2.1					X					
Tiêu chí 2.2					X					
Tiêu chí 2.3					X					
Tiêu chuẩn 3								5	3	100%
Tiêu chí 3.1					X					
Tiêu chí 3.2					X					
Tiêu chí 3.3					X					
Tiêu chuẩn 4								5	3	100%
Tiêu chí 4.1					X					
Tiêu chí 4.2					X					
Tiêu chí 4.3					X					
Tiêu chuẩn 5								5	5	100%
Tiêu chí 5.1					X					
Tiêu chí 5.2					X					
Tiêu chí 5.3					X					
Tiêu chí 5.4					X					
Tiêu chí 5.5					X					
Tiêu chuẩn 6								5,14	7	100%

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 6.1					X					
Tiêu chí 6.2						X				
Tiêu chí 6.3					X					
Tiêu chí 6.4					X					
Tiêu chí 6.5					X					
Tiêu chí 6.6					X					
Tiêu chí 6.7					X					
Tiêu chuẩn 7								5	5	100%
Tiêu chí 7.1					X					
Tiêu chí 7.2					X					
Tiêu chí 7.3					X					
Tiêu chí 7.4					X					
Tiêu chí 7.5					X					
Tiêu chuẩn 8								5,4	5	100%
Tiêu chí 8.1					X					
Tiêu chí 8.2					X					
Tiêu chí 8.3					X					
Tiêu chí 8.4						X				
Tiêu chí 8.5					X					
Tiêu chuẩn 9								4,8	5	100%
Tiêu chí 9.1					X					
Tiêu chí 9.2				X						
Tiêu chí 9.3					X					
Tiêu chí 9.4					X					
Tiêu chí 9.5					X					
Tiêu chuẩn 10								5,17	6	100%
Tiêu chí 10.1					X					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 10.2					X					
Tiêu chí 10.3					X					
Tiêu chí 10.4						X				
Tiêu chí 10.5					X					
Tiêu chí 10.6					X					
Tiêu chuẩn 11								5	5	100%
Tiêu chí 11.1					X					
Tiêu chí 11.2					X					
Tiêu chí 11.3					X					
Tiêu chí 11.4					X					
Tiêu chí 11.5					X					
Đánh giá chung CTĐT								4,51	50	100%

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 10/7/2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng
 - Tiếng Anh: The University of Danang, University of Science and Education
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHS-P-ĐHN
 - Tiếng Anh: UD-UE
3. Tên trước đây (nếu có):
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 459 Tôn Đức Thắng, Hoà Khánh Nam, Liên Chiểu, Đà Nẵng
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (0236)3841323; Số fax: (0236)3842953
7. E-mail: ued@ued.udn.vn; Website: https://ued.udn.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1994
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1995
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1999
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
 - Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐
 - Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Tâm lý – Giáo dục
 - Tiếng Anh: Faculty of Psychology - Education
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: K TL-GD
 - Tiếng Anh: FP
14. Tên trước đây (nếu có):.....
15. Tên CTĐT
 - Tiếng Việt: Tâm lý học

- Tiếng Anh: Psychology

16. Mã CTĐT: 7310401

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Trường ĐH Sư phạm – ĐH Đà Nẵng,
459 Tôn Đức Thắng, Liên Chiểu, Đà Nẵng

19. Số điện thoại liên hệ: (84) - 511 - 3841 323 Số fax: +84-236-3842953

20. E-mail: tlgd.ued.udn@gmail.com Website: <http://tlgd.ued.udn.vn/>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1995

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2005

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2009

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Khoa Tâm lý-Giáo dục được chính thức thành lập vào tháng 11 năm 1995 theo Quyết định của Giám đốc Đại học Đà Nẵng. Khoa được thành lập dựa trên cơ sở: khoa Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường Cao đẳng sư phạm – Đại học Quảng Nam và tổ Tâm lý giáo dục trường Đại học sư phạm ngoại ngữ Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Khoa đã trải qua các giai đoạn phát triển như sau:

- Năm 1995, Khoa có 01 ngành đào tạo ngành Cao đẳng Sư phạm Nhạc – Đoàn, Đội và dạy các môn tâm lý học, giáo dục học cho sinh viên các khối cử nhân Sư phạm trong toàn Đại học Đà Nẵng
- Năm 2002, Khoa mở mã ngành Đào tạo cao học Quản lý giáo dục và bắt đầu tuyển sinh cho đến nay
- Năm 2004, Khoa mở mã ngành cử nhân Sư phạm Giáo dục đặc biệt và đào tạo đến năm 2011
- Năm 2005, Mở mã ngành Cử nhân Tâm lý học và đào tạo cho đến nay
- Năm 2012 Mở mã ngành cử nhân Công tác xã hội và đào tạo cho đến nay
- Năm 2017 Mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ Tâm lý học (định hướng Tâm lý học trường học) và Thạc sĩ Giáo dục học
- Năm 2018 Mở mã ngành đào tạo Tiến sĩ Quản lý giáo dục

Trưởng Khoa qua các thời kỳ

Năm	Trưởng Khoa	Chuyên ngành
1995-2005	ThS.GVC. Lê Nhị Hà	Tâm lý học
2005-2006	TS. GVC. Lê Quang Sơn	Tâm lý học
2007-2014	ThS.GVC. Bùi Văn Vân	Giáo dục học
2014-2019	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	Tâm lý học
2019-2024	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	Tâm lý học

Khoa Tâm lý – Giáo dục là đơn vị trực thuộc Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng. Chức năng cơ bản của Khoa Tâm lý -Giáo dục là quản lý xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo từ chính quy đến các chương trình bồi dưỡng của Khoa; quản lý các môn học thuộc giáo dục học, quản lý giáo dục, tâm lý học và công tác xã hội trong các chương trình đào tạo sư phạm và cử nhân của nhà trường; quản lý các tổ chuyên môn (tổ Giáo dục học và Giáo dục đặc biệt, tổ Tâm lý học, tổ CTXH, tổ QLGD;); quản lý đội ngũ, quản lý đào tạo, các hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế, công tác sinh viên, cơ sở vật chất...

a. Về đào tạo

Các ngành đào tạo chính thức trong Khoa hiện nay có:

▪ Ngành cử nhân:

- 1/ Ngành cử nhân Tâm lý học (theo định hướng ứng dụng Tâm lý học xã hội)
- 2/ Ngành Cử nhân TLH chất lượng cao (theo định hướng Tham vấn – Trị liệu)
- 3/ Ngành Cử nhân Công tác xã hội

03 ngành đào tạo ở trình độ Thạc sĩ:

- 1/ Thạc sĩ Tâm lý học (định hướng Tâm lý học trường học)
- 2/ Thạc sĩ Giáo dục học (Lý luận giáo dục, Giáo dục học mầm non, Giáo dục học tiểu học)
- 3/ Thạc sĩ Quản lý giáo dục

01 ngành đào tạo ở bậc Tiến sĩ: ngành Quản lý giáo dục

Ngoài ra, Khoa còn tham gia đào tạo cho các ngành sư phạm trong trường và tại các trường thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng; tham gia đào tạo các chương trình bồi dưỡng, các chương trình liên kết... Xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo trong phạm vi mã ngành thuộc Khoa quản lý.

b. Về nhân sự

Tổng số cán bộ cơ hữu có 26 cán bộ, giảng viên, chuyên viên; có 4 tổ bộ môn bao gồm: tổ Giáo dục học - Giáo dục đặc biệt, tổ Tâm lý học, tổ Quản lý giáo dục, tổ Công tác xã hội. Năm học 2019-2020 có 8 giảng viên chính và 3 giảng viên cao cấp và 16 giảng viên. Trong đó có 3 phó giáo sư, 13 tiến sĩ, 12 thạc sĩ, 1 cử nhân. Hiện có 2 NCS học nước ngoài (ngành Công tác xã hội), 2 NCS học trong nước (ngành TLH và ngành giáo dục học).

c. Về công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Khoa đã tổ chức triển khai và thực thi các đề tài NCKH các cấp. Đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp Đại học Đà Nẵng và cấp trường. Khoa cũng đã đầu tư và đẩy mạnh việc viết giáo trình, đề cương bài giảng, viết bài báo cho các tạp chí khoa học chuyên ngành, tham gia tham luận tại các Hội thảo quốc tế và Quốc gia trong những năm qua. Có thể thấy các giáo trình tiêu biểu của Khoa đã được xuất bản:

Lê Quang Sơn (chủ biên) và cộng sự (2020) Tâm lý học giáo dục. *NXB Đà Nẵng*

Nguyễn Thị Trâm Anh-Nguyễn Thị Hằng Phương-Bùi Thị Thanh Diệu (2019) *Kỹ năng tham vấn học đường*. NXB Thông tin và truyền thông;

Nguyễn Thị Trâm Anh, Hồ Thị Thuý Hằng, Bùi Thị Thanh Diệu, Nguyễn Thị Phương Trang (2020). *Kỹ năng giao tiếp*. NXB Đà Nẵng;

Lê Quang Sơn (chủ biên), Hồ Thị Thuý Hằng, Phạm Thị Mơ, Bùi Thị Thanh Diệu (2020). *Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non*. NXB Đà Nẵng

Ngoài ra, Khoa còn tập trung bồi dưỡng năng lực NCKH cho GV. Đẩy mạnh hoạt động của các nhóm nghiên cứu giảng dạy và chuẩn bị cho việc hình thành nhóm nghiên cứu mạnh. Tăng cường hoạt động NCKH sinh viên, tham gia vào các Hội thi sinh viên NCKH cấp ĐHĐN, cấp Bộ và cấp thành phố tổ chức hàng năm.

Tăng cường hợp tác quốc tế liên quan đến việc cập nhật và phát triển chương trình, trao đổi nghiên cứu, học tập v.v.... Trong những năm qua Khoa không ngừng mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp tục củng cố, duy trì và thúc đẩy các mối quan hệ, hợp tác với các trường Đại học trên thế giới: Đại học Aichi Gakuin - Nhật Bản; các học giả từ chương trình Fullright; Duy trì và phát triển dự án do JICA tài trợ về phục hồi chức năng tâm lý cho trẻ khuyết tật.

d. Về công tác sinh viên và phong trào đoàn thể

Khoa quản lý các hoạt động học tập và phong trào của học viên, sinh viên; thúc

đẩy quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Năm học 2019-2020, khoa TL-GD quản lý 13 đơn vị lớp sinh viên, tổng cộng 533 sinh viên đang theo học thuộc 2 ngành Tâm lý học và Công tác xã hội. Sinh viên ngành Công tác xã hội: 222 sinh viên; ngành Tâm lý học: 311 sinh viên. Số lượng học viên cao học có khoảng 200 học viên, trong đó có sự tham dự của nhiều học viên đến từ Lào.

Khoa luôn đặt mục tiêu xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, nhân văn, hiệu quả và chất lượng. Công đoàn Khoa hàng năm luôn chú trọng tổ chức các hoạt động đoàn thể gắn kết tinh thần đoàn kết của giảng viên trong Khoa, thăm hỏi và động viên kịp thời các GV gặp khó khăn và luôn tạo động lực phát triển cho mỗi công đoàn viên.

e. Về cơ sở vật chất

Khoa có 01 phòng Trưởng Khoa, 01 Văn phòng Khoa, 01 phòng dạy học thực hành Tâm lý-Giáo dục và CTXH, 01 phòng Tham vấn và 01 phòng dự án Phát triển liệu pháp Dohsa-hou. Khoa tăng cường việc bảo trì cơ sở vật chất của nhà trường và của Khoa, đề xuất các trang thiết bị cần thiết cho các hoạt động giảng dạy, NCKH của Khoa.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).



TỔ TÂM LÝ HỌC	TỔ CÔNG TÁC XÃ HỘI	TỔ GIÁO DỤC HỌC VÀ GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT	TỔ QUẢN LÝ GIÁO DỤC
1. ThS. NCS. GVC. Bùi Thị Thanh Diệu (Tổ trưởng)	10. TS. GVC. Nguyễn Thị Hằng Phương (Tổ trưởng)	16. ThS. NCS. Lê Thị Duyên (Tổ trưởng)	21. PGS.TS. GVCC. Trần Xuân Bách (Tổ trưởng)
2. TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	11. TS. Hà Văn Hoàng (Trợ lý Khoa học và SDH)	17. ThS. Bùi Văn Vân	22. PGS. TS. Nguyễn Quang Giao
3. TS. Lê Mỹ Dung	12. TS. Lê Thị Lâm	18. ThS. Lê Thị Hằng	23. PGS. TS. Lê Quang Sơn
4. TS. Hoàng Thế Hải	13. ThS. NCS. Bùi Đình Tuấn	19. TS. Lê Thị Hiền	24. TS. Bùi Việt Phú
5. TS. Hồ Thị Thuý Hằng (Trợ lý Giáo vụ Khoa)	14. ThS. Phạm Thị Kiều Duyên	20. TS. Nguyễn Hoàng Hải	25. ThS. Đinh Xuân Lâm
6. ThS. Nguyễn Thị Phương Trang	15. ThS. Trịnh Thị Nguyệt		
7. ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung			
8. ThS. Nguyễn Thị Bích Hạnh			
9. ThS. Lê Thị Ngọc Lan			

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I. Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Hiệu trưởng	Lưu Trang	1963	PGS.TS, Hiệu trưởng	0914009921	ltrang@ued.udn.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Trần Xuân Bách	1963	PGS.TS, Phó HT	0913419226	txbach@ued.udn.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Bùi Bích Hạnh	1978	TS, Phó HT	0914089560	bbhanh@ued.udn.vn
4	Phó Hiệu trưởng	Võ Văn minh	1976	PGS.TS, Phó HT	0905234706	vvminh@ued.udn.vn
II. Ban lãnh đạo Đơn vị thực hiện CTĐT						
1	Trưởng khoa	Nguyễn Thị Trâm Anh	1980	TS.	0367952490	nttanh@ued.udn.vn
2	Phó trưởng khoa	Bùi Văn Vân	1964	ThS.GV C	0983173909	bvvann@ued.udn.vn
3	Phó trưởng khoa	Lê Mỹ Dung	1975	TS.	0913529435	lmdung@ued.udn.vn
4	Tổ trưởng chuyên môn	Nguyễn Thị Hằng Phương	1980	TS.	0912423719	nthphuong@ued.udn.vn
5	Tổ trưởng chuyên môn	Bùi Thị Thanh Diệu	1982	ThS.GV C	0983323231	btttdieu@ued.udn.vn
6	Tổ trưởng chuyên môn	Lê Thị Duyên	1987	ThS.	0976157914	ltduyen@ued.udn.vn
III Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
.						
1	Đảng uỷ	Lưu Trang	1963	PGS.TS, Bí thư Đảng uỷ	0914009921	ltrang@ued.udn.vn

2	Công đoàn	Huỳnh Bọng	1966	ThS, Chủ tịch CĐ	0913473168	hbong@ued.udn.vn
3	Đoàn TN CS HCM	Nguyễn Viết Hải Hiệp	1990	Bí thư Đoàn TN CS HCM	0935080081	nvhhiiep@ued.udn.vn
4	Hội Sinh viên	Lê Sao Mai	1986	ThS, Chủ tịch hội SV	0905499803	lsmmai@ued.udn.vn
5	Hội Cựu chiến binh	Bùi Việt Phú		TS, Chủ tịch CBB	0913439245	bvphu@ued.udn.vn
IV. Các phòng chức năng, tổ trực thuộc						
1	Phòng Tổ chức hành chính	Nguyễn Thanh Tường	1982	TS, Trưởng phòng	0788557766	nttuong@ued.udn.vn
2	Phòng Đào tạo	Phan Đức Tuấn	1976	TS, Trưởng phòng	0916804202	pdtuan@ued.udn.vn
3	Phòng Công tác Sinh viên	Nguyễn Vinh San	1985	ThS, Trưởng phòng	0935292264	nvsan@ued.udn.vn
4	Phòng Khoa học và HTQT	Nguyễn Quý Tuấn	1984	TS, Trưởng phòng	0988857870	nqtuan@ued.udn.vn
5	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Trịnh Thế Anh	1983	ThS, Trưởng phòng	0983556083	ttanh@ued.udn.vn
6	Phòng Cơ sở vật chất	Nguyễn Văn Khánh	1980	ThS, Trưởng phòng	0982201344	nvkhanh@ued.udn.vn
7	Phòng Kế hoạch Tài chính	Dương Thị Yến	1984	ThS, Trưởng phòng	0905526633	dtyen@ued.udn.vn
8	Tổ Thư viện	Huỳnh Ngọc Minh Thi	1972	CN, Tổ trưởng	0925228249	hnmthi@ued.udn.vn
9	Tổ CNTT và Truyền thông	Đặng Hùng Vĩ	1980	TS, Tổ trưởng	0905294998	dhvi@ued.udn.vn

V. Các trung tâm trực thuộc						
1	TT hỗ trợ SV và QHDN	Nguyễn Vinh San	1985	ThS, Trưởng phòng	0935292264	nvsan@ued.udn.vn
2	TT nghiên cứu và BD nhà giáo	Lê Thanh Huy	1981	TS, Giám đốc	0983027581	lthuy@ued.udn.vn
3	TT KHXH và nhân văn	Nguyễn Hoàng Thân	1980	TS, Giám đốc	0905204222	nhthan@ued.udn.vn
IV. Các khoa/bộ môn						
1	Khoa Toán	Phạm Quý Mười	1980	TS, Trưởng khoa	0904169124	pqmuoi@ued.udn.vn
2	Khoa Tin học	Nguyễn Trần Quốc Vinh	1978	TS, Trưởng khoa	0914780898	ntquocvinh@ued.udn.vn
3	Khoa Vật lý	Nguyễn Văn Hiếu	1982	TS, Trưởng khoa	0983633596	nvhieu@ued.udn.vn
4	Khoa Hoá học	Trần Đức Mạnh	1982	TS, Trưởng khoa	0934796127	tdmanh@ued.udn.vn
5	Khoa Sinh-MT	Nguyễn Minh Lý	1986	TS, Trưởng khoa	0905083352	nmly@ued.udn.vn
6	Khoa Ngữ văn	Hồ Trần Ngọc Oanh	1985	TS, Phó trưởng khoa	0905289023	htnoanh@ued.udn.vn
7	Khoa Lịch sử	Nguyễn Duy Phương	1985	TS, Trưởng khoa	0942017977	ndphuong@ued.udn.vn
8	Khoa Địa lí	Trần Thị Ân	1982	TS, Phó trưởng khoa	0908302208	ttan@ued.udn.vn
9	Khoa Giáo dục Chính trị	Đinh Thị Phượng	1985	TS, Trưởng khoa	0962019360	dtphuong@ued.udn.vn

10	Khoa Tâm lý Giáo dục	Nguyễn Thị Trâm Anh	1980	TS, Trưởng khoa	0367952490	nttanh@ued.udn.vn
11	Khoa Giáo dục Tiểu học	Hoàng Nam Hải	1962	TS, Trưởng khoa	0983171461	hnhai@ued.udn.vn
12	Khoa Giáo dục Mầm non	Võ Văn Minh	1976	PGS.TS, Trưởng khoa	0905234706	vvminh@ued.udn.vn
13	Khoa Giáo dục Nghệ thuật	Trương Quang Minh Đức	1986	ThS. Phó khoa phụ trách	0935784899	tqmduc@ued.udn.vn

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 1

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 3

Số lượng ngành đào tạo đại học: 2

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☒
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

29. Tổng số các ngành đào tạo: 02 trình độ đại học, 03 trình độ thạc sĩ, 01 trình độ tiến sĩ

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
----	-----------	-----	----	---------

I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	5	10	15
I.1	Cán bộ trong biên chế	5	10	15
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	1	2	3
	Tổng số	6	12	18

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	2	2	0	2	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	9	7	0	6	2	0
5	Thạc sĩ	7	6	0	2	1	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	18	15	0	10	3	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 15 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 83,3%

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi	0	0	1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	0
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	2	2	0	0	0	0	6
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	9	7	0	6	2	0	18
5	Thạc sĩ	1	7	6	0	2	1	0	7
6	Đại học	0,5							
	Tổng	6	18	15	0	8	3	0	108

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

T T	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	2	13,3 3	2	0	0	0	0	2	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	7	46,7 7	2	5	0	5	2	0	0
5	Thạc sĩ	6	40	1	5	1	3	1	1	0
6	Đại học		0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	15	100	5	10	1	8	3	4	0

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 33,45 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu

của đơn vị thực hiện CTĐT: 46,7%

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 40%

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	60	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	10	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2016-2017	183	70	38.25	62	17.00	19.4	0
2017-2018	358	255	71.23	118	16.75	19.9	0
2018-2019	375	202	53.87	104	15.00	18.3	0
2019-2020	659	234	35.51	94	15.00	19.97	0
2020-2021	283	180	63.60	110	17.00	21	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	9	4	4	3	5
3. Sinh viên đại học	62	118	104	94	110
Trong đó:					
Hệ chính quy	62	118	104	94	110
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	7.280m ²	7.280m ²	7.280m ²	7.280m ²	7.280m ²
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	10	12	11	6	9
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	10	12	11	6	9
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	5.2	5.2	5.2	5.2	5.2

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	10	7	13	12	12
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	19.35	8.47	14.42	12.77	19.35

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	8	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	26	52	42	42	
Hệ chính quy	26	52	42	42	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	26	52	42	42	
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	41.94	44.07	40.38	44.68	
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).				65,7%	
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng				31,4%	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp				2,9%	
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	30% 72%	35% 75%	43% 97,14%	40% 75%	
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	22%	20%	17%	8,1%	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	4triệu	4triệu	5triệu	5triệu	
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	30%	35%	40%	40%	
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	30%	30%	30%	30%	
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	40%	35%	30%	30%	

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc

làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT

không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	1	2	0	3
3	Đề tài cấp trường	0,5	3	2	5	8	3	10,5
4	Tổng		3	2	6	10	3	13,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 33.5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 1.5 đề tài/GV

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016	100	0	4,35
2	2017	200	0	8,30
3	2018	300	0	13,04
4	2019	400	0	20
5	2020	500	0	25

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	20	20	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	20	
Trên 6 đề tài	0	0	20	
Tổng số cán bộ tham gia	0	20	20	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	1	0	2
2	Sách giáo trình	1,5	3	2	1	1	8	22,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	1	0	0	0	1
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	
5	Tổng		3	3	1	2	8	25,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 6

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.27 sách/GV

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	01	0	01	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	15	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	01	15	01	0

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	1	2	4	4	12	34,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	1	4	6	6	22	39
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	5	0	4	0	1	5
	Tổng		7	6	14	10	35	78,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 78,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,13bài/GV

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	19	15	5
Từ 6 đến 10 bài báo	10	15	5
Từ 11 đến 15 bài báo	10	17	7
Trên 15 bài báo	10	19	10
Tổng số cán bộ tham gia	49	66	27

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	17	19	15	8	31	31

2	Hội thảo trong nước	0,5	2	5	0	6	0	6,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		19	24	15	14	31	37,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 37,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,97

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	10	5	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	15	6	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	19	0	0
Trên 15 báo cáo	19	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	63	11	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Năm học	Tổng	Đạt giải
---------	------	----------

	cộng	Cấp Khoa	Cấp Trường	Cấp ĐHĐN	Cấp Bộ	Cấp Thành phố
2015-2016	10	03	01	0	0	0
2016-2017	07	03	0	-	0	0
2017-2018	13	01	01	0	0	01
2018-2019	12	06	01	-	01	02
2019 -2020	12	06	01	0	01	0
Tổng cộng	54	19	04	0	02	03

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	04	03	02	10	08
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	5	6	5	5	5

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 46.700m²

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²):

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 2118m² Nơi học: 19526 m² Nơi vui chơi giải trí: 6000m²
- Tổng diện tích phòng học: 19526m²
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 3 m²/SV

56. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 110.000 cuốn, 50 đầu tạp chí, 10 đầu báo.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

57. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 167

- Dùng cho người học học tập: 526

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: $=526/8086$ (0.07 máy/SV)

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 15

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 75%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 46,67%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 40%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 941

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: $941SV/22GV=42,7$

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 60%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 65,7%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 31,4%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 91,1%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 9,9%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 3 triệu VNĐ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 50%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 50%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 33,5

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 25

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.27

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,13

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,97

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 526/8086 (0.07 máy/SV)

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 19526/8086 (2.4m²/SV)

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 7280/8086 (0.9m²/SV)

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)